

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 41

Tháng 12-1970

tùy anh	1	quo vadis ?
mường mán	16	nắng cũ
tuệ sỹ	17	triết lý về xác thịt trong tư tưởng merleau ponty
cao huy khanh	34	carson mc cullers : đời như một khúc nhạc buồn (liếp)
tùy hồng	43	những sợi sắc không
phạm cao hoàng	49	đợi giờ phục sinh
hoàng ngọc tuần	54	vĩnh biệt phố
trần hoài thư	65	vì sao của đêm giáng sinh
từ kẻ tường	74	mùa mưa đi lang thang
hoàng tuyết sơn	90	thời sự và sinh hoạt

TÙY ANH quo vadis ?

*Kính tặng Dung Đạo, người chỉ muốn nhìn sự
phá sản của Tây phương như một bi kịch tư tưởng.
T.A.*

Giáo triều Vatican đã trải qua một cơn khủng hoảng khi Giáo hoàng Pie XII từ trần năm 1958. Ngai vàng của Thánh Pierre phải để trống đến 20 ngày mới có người kế vị : G.H. Jean XXIII.

Qua cuộc khủng hoảng đó và nhìn vào hiện tình Vatican lúc bấy giờ, người ta không khỏi trầm nghĩ rằng sự đặc cử của G.H. Jean XXIII đã hàm ẩn một giải pháp thỏa hiệp tạm thời để tránh những khủng hoảng trầm trọng hơn có thể xảy ra mà thôi. Cảm nghĩ ấy lại càng có vẻ hữu lý hơn khi người ta nghĩ đến niên kỷ của vị Giáo hoàng thứ 262 này.

Nhưng thực tế chứng tỏ cảm nghĩ đó đã phần nào sai. Trong sáu người đại diện đáng KyTô của thế kỷ này, G.H. Jean XXIII là người trị vị ngắn ngủi nhất (chỉ có 5 năm) nhưng lại cũng là người đã thúc đẩy Vatican tiến những bước xa hàng vạn dặm còn hơn cả những tiến bộ mà Vatican đạt được trong bao nhiêu thế kỷ qua,

Công tác hệ trọng của G. H. Jean XXIII là triệu tập Công Đồng Vatican II tháng 11.1962. Đây là một đại hội đồng của trên 2.500 lãnh tụ Công giáo khắp thế giới nhằm « rửa sạch lớp bụi vương giả đã bám đầy ngai vàng của Thánh Pierre từ thời

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ : **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO : **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Constantine đến nay » như chính G.H. Jean XXIII đã nói (Tạp chí Life, ngày 26.11.69)

G.H. Jean XXIII là người đã hướng tầm mắt khỏi những bận tâm riêng tư của Vatican để cố gắng nhìn bao quát thân phận xao xuyến của nhân loại thế kỷ 20. Và Ngài đã cố thuyết phục, trước tiên là thuyết phục chính những con chiên của Ngài, rằng hòa bình nhân loại là một điều khả vọng với một vài điều kiện nào đó. Quan niệm đó được kết tinh trong sứ điệp *Pacem in Terris*, một văn kiện đã đem lại vinh quang và sự ngưỡng mộ cho triều đại Jean XXIII.

Nhưng G.H. Jean XXIII đã từ trần chưa đầy nửa năm sau ngày Công Đồng Vatican II bế mạc, nhường ngôi vị cho Hồng Y Montini với đế hiệu Paul VI, người từng được mệnh danh là « Giám mục của công nhân » thời Ngài còn cai quản Giáo khu Milan, một giáo khu đông tin đồ Công giáo nhất nước Ý.

Chiều hướng mới đang dờ dang của G. H. Jean XXIII đã được G. H. Paul VI kế tục một cách nhiệt thành. Nhưng những hoạt động nổi bật nhất của triều đại Paul VI suốt bảy năm qua chính là những hoạt động đối ngoại. « Trong lịch sử đạo Gia Tô có thể xem Giáo Hoàng Phao Lồ đệ lục là người hoạt động mạnh nhất... Về phương diện đối ngoại, Giáo hoàng Paul VI được xem là Giáo hoàng đi công du nhiều nhất. Ngài là Giáo hoàng đầu tiên ra khỏi Ý kể từ năm 1812, là Giáo hoàng đầu tiên hành hương tại Thánh Địa. Năm 1965, Ngài là Giáo hoàng đầu tiên đặt chân tới Tây Bán Cầu khi đến Nữ Ước thăm Tổng Thống Johnson, Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant và đọc sứ điệp hòa bình ở trước diễn đàn LHQ. Năm 1968, Ngài là Giáo Hoàng đầu tiên tới thăm vùng Châu Mỹ La Tinh. Năm 1966, Ngài cũng là Giáo hoàng đầu tiên tới thăm Phi Châu khi ngài tới Uganda để giải quyết bất hòa giữa các nhà lãnh đạo Nigeria và Biafra » (Báo L. T. ngày 2-12-70).

Càng ngày Vatican càng cố gắng thể hiện khuynh hướng cởi mở, vị tha, tiến bộ đối với quần chúng không Công giáo và thế giới nói chung. Chiến tranh Đông Dương và Trung Đông là những cơ hội thuận lợi để cho đường lối hoạt động canh tân của Vatican

càng ngày càng được thế giới chú ý nhiều hơn. « Là lò lửa trên địa cầu từ 23 năm qua, nước VN đã gây mỗi buồn lo đòi đoạn cho đức Giáo hoàng và trong vòng 12 tháng qua ngài đã hơn 15 lần đề cập vấn đề VN... Hồi cuối năm qua, khi tiếp một nhóm các vị Thống đốc Hoa Kỳ, ngài đã mời mọc họ ủng hộ quyền tự quyết của dân tộc VN. Ngày 15-12-69, đi xa hơn nữa, ngài nói : « Hoạt động của chúng tôi, mặc dầu thường tác dụng do những đường lối được phủ che bằng một bức màn kín đáo, vẫn tiếp tục tiến hành không biết mệt, không ngã quỵ vì những cảm dỗ nản lòng, để tìm kiếm hay ủng hộ những giải pháp ». Ngày 25-12-69, ngài ước mong nhưng không được như ý là cuộc ngưng bắn nhân dịp Giáng Sinh sẽ có thể kéo dài ở VN « cho tới cuộc hòa giải ». Ngày 01-01-70, ngày hòa bình thế giới, đức Giáo hoàng đã tổ chức những trách nhiệm của « nhiều đại cường quốc » và « sự phồn thịnh của các ngành kỹ nghệ khổng lồ đặt nền tảng trên khả năng quý quai sản xuất vũ khí ». Hòa bình cũng là đề tài bài diễn từ của ngài nhân lễ Phục Sinh 29-3-70. Ngày 6-5-70, sau cuộc lật đổ Thái tử Sihanouk và cuộc can thiệp Mỹ — Nam VN, đức Giáo hoàng Phao Lồ đệ lục nhận tiếp kiến một nhóm người hành hương V.N. đã gọi đến « sự lan rộng của cuộc xung đột, có nhiều nguy cơ nhân thêm lên gánh nặng đau khổ và số nạn nhân mà nó gây ra ». Ngày 18-5-70, ngài lại thêm « không những khu vực xung đột lan rộng mà càng ngày dường như người ta càng ít đếm xỉa đến các dân tộc trực tiếp liên quan mà nhân danh họ, chiến tranh đã được theo đuổi... » (Báo D. Ý ngày 30-11-70)

Như vậy là Vatican đã được thế giới lưu ý đến không phải chỉ qua những quyết định ngoại mục về Mẹ Maria vô nhiễm nguyên tội, về những cố gắng chống lại các kỹ thuật ngăn ngừa thụ thai, chống ly dị và bảo vệ sự độc thân của các linh mục... nhưng Vatican còn được thế giới biết đến qua những ưu ái, lo âu của Vatican đối với khối nhân loại đang lâm than trong chiến tranh, bị trị. Chuyến du hành Á Châu trong 9 ngày mới đây của Giáo hoàng Vatican là một bằng chứng cụ thể nữa.

Chính Giáo hoàng Paul VI đã tự ví chuyến đi của Ngài như

là chuyển đi của « một nhà truyền giáo tìm tới những người nghèo khổ và đang chịu nhiều đau thương ». Dự luận đã gán cho chuyến du hành này nhiều ý nghĩa như: đây là một cách thực chứng ảnh hưởng khả hữu của Vatican trong những vấn đề trọng đại của Á Châu, cụ thể là chiến tranh Đông Dương. Những ảnh hưởng xét ra chẳng có lợi gì cho đường lối chống Cộng của các Giáo hội Công giáo ở Á Châu « tự do ». Chuyến đi này cũng có thể hiểu như một lối bày tỏ ước muốn của Vatican trong việc làm hòa với Trung Hoa lục địa hầu có thể cứu vớt phần nào ảnh hưởng của Vatican đối với 4 triệu 400 tín đồ Công giáo sau bức màn tre; những ảnh hưởng đang mất dần vì các Giáo hội này (ở Trung Hoa lục địa, Bắc Hàn và Bắc Việt) đang càng ngày càng tiến gần đến Giáo hội tự trị. (những con số trong bài này đều dựa vào Niên Giám của VN Công Giáo, 1964). Nhưng điểm nổi bật chính là những gì đã xảy ra tại Phi luật Tân nơi Giáo hoàng cho triệu tập hội nghị Giám mục Á Châu nhân chuyến du hành của Ngài.

Á Châu có khoảng 2000 triệu dân và Công giáo có khoảng 38 triệu tín đồ trong đó Phi luật Tân chiếm hết 22 triệu, tức 84% dân số của quốc gia này. Có thể nói Phi luật Tân chính là thủ đô của Công Giáo Á Châu tự do, là con cưng của Giáo Hội Vatican. Thế nhưng cũng tại Phi luật Tân đã xảy ra những chuyện không thể nào tưởng tượng được nhân chuyến du hành của vị tông đồ đại diện chúa Ky Tô.

Không tưởng tượng được bởi vì chính tại nơi căn cứ địa an toàn nhất của Công Giáo Á Châu này Giáo hoàng Paul VI đã suýt bị ám sát, đó là chưa kể nhiều âm mưu ám hại khác bị đưa ra ánh sáng trong thời gian mấy ngày Giáo hoàng lưu lại nơi đây.

Không tưởng tượng được bởi vì chính tại xứ sở đã làm rạng danh Công Giáo ở Á Châu này tầng lớp thanh niên trí thức Phi luật Tân đã tổ chức nhiều cuộc xuống đường vừa đề hoan hô Giáo hoàng trong chủ trương giảm bớt những bất công xã hội của ngài, vừa đề tố cáo những tội tham nhũng, bóc lột, bực hiếp, xa hoa của Giáo quyền Phi luật Tân.

Sự kiện này như đã biến Phi luật Tân thành tấm gương

phản chiếu những sắc thái tiêu cực của công cuộc truyền giáo chống chất từ bao nhiêu thế kỷ qua khiến cho có người đã phải thú nhận: « Trong ý thức tập thể của những tân quốc gia Á-Phi thừa sai đã trắng mắt thiết liên hệ với chủ nghĩa thực dân da trắng. » (C.L. Sulzberger — Les États-Unis et le Tiers Monde, p.105) Sự kiện này cũng đã trở thành một thực trạng hiển nhiên minh chứng chủ trương phục vụ quyền lợi của những kẻ nghèo khổ, bị trị là thực tế, minh chứng nhu cầu cách mạng xã hội là cấp thiết.

Dù chỉ là đứng trên quan điểm tương đối, người ta sẽ không thể nào hiểu được tại sao Vatican đã linh động chuyển mình trên đà tiến bộ và cạnh tân từ sau khi Giáo hoàng Pie XII tạ thế; người ta cũng sẽ không thể nào hiểu được những hành động can trường và cách mạng khác thường, nếu không phải là táo bạo trong truyền thống hoạt động xã hội của Vatican, của hai Giáo hoàng Jean XXIII và Paul VI, nếu người ta không nhìn lại những đoạn đường chiến thuật mà Vatican đã đi qua để theo đuổi mục tiêu chiến lược của vương triều Vatican. Một vương triều không phải chính thức chỉ có 440.000 thước vuông diện tích và một dân số không quá 1000 người, nhưng là một vương triều vô hình tổng quản tâm trí của hơn 559 triệu người hay 18% dân số thế giới.

Có người nghĩ rằng với Công Đồng II, Vatican đã hoàn toàn thoát xác để thực hiện một cuộc cách mạng toàn triệt về cả hai phương diện chiến thuật và chiến lược. Nhưng nghĩ như vậy là hơi quá. Một quan điểm về Công Đồng II của chính người Công Giáo đã minh chứng cảm nghĩ ấy là không sát thực tế: « Chính đức cố Giáo Hoàng Gioan 23 đã nhiều lần tuyên bố Công Đồng chỉ có tính cách mục vụ mà thôi. Và nếu chiến thuật (1) của Giáo hội ngày nay là « khoan dung » hơn là « phạt vạ » là vì mục đích... (2) nhất của Công Đồng là tìm cách thích nghi (3) Giáo Hội với thời đại, là củng cố và phát triển (4)

(1), (3), (4) Chữ do chúng tôi tự ý nhấn mạnh.

(2) Sách in sót chữ và không thấy có hiệu đính.

đời sống toàn diện của Giáo Hội ngay giữa lòng xã hội hiện tại.» (Niên Giám Việt Nam Công Giáo, tr. 136). Nói thế khác, cuộc cách mạng mà Vatican đã và đang theo đuổi từ sau Công Đồng II chỉ là một cách mạng hành động, cách mạng chiến thuật giúp cho công cuộc truyền giáo và những hoạt động thế trị đạt nhiều kết quả chứ hơn không phải là một cuộc cách mạng chiến lược.

Như vậy thì chiến lược và mục đích thế trị của Vatican là gì? Vatican đã thực hiện chiến lược ấy như thế nào để đến nỗi bây giờ phải « thích nghi Giáo hội với thời đại » trong khi, theo nguyên tắc, Giáo hội là một tổ chức phi thế tục, không thể bị ảnh hưởng của những thăng trầm thế sự?

Tác dụng thâm trầm của tôn giáo có lẽ là đã tạo cho tín đồ trong lúc sống với đạo một cảm nghĩ rằng họ đang tìm kiếm hay chờ đợi một cái gì tốt đẹp hơn là những kinh nghiệm thường nhật. Và điều mà người Thiên Chúa Giáo chờ đợi, tìm kiếm là hạnh phúc vĩnh cửu ở thế giới bên kia. Nhưng hạnh phúc đó cũng chỉ có nhờ ơn thánh sủng. Hiện thân của ơn thánh sủng đó là Chúa Ky Tô. Nhiệm vụ của tín đồ do đó là phải tiếp tay để phát huy ân thánh sủng đó, một nhiệm vụ được xem như điều kiện tất yếu để được hưởng ân thánh sủng, hưởng sự giải thoát mà tín đồ không thể nào tự lực thực hiện được. Ngoài ra, muốn sống đạo thì phải có những kích lực, những gương sáng, những người hướng dẫn. Đó là nguồn gốc Giáo Hội. Vì chủ trương không thể nào có tự lực giải thoát nhưng phải có ân cứu rỗi ngoại tại, vì không bao giờ để cho tín đồ bơ vơ tự lập với chính lương tâm của mình cho nên Công Giáo quả đã có đủ những yếu tố thích hợp để trở nên một Giáo hội chắc chắn hơn bất cứ một tôn giáo nào khác.

Mục tiêu chiến lược của Vatican, hay mục đích hành đạo của người Công giáo đã được tóm lược trong kinh « Lạy Cha »: « Lạy cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi nguyện danh cha cả sáng, vang ý cha dưới đất bằng trên trời... » Mục tiêu chiến lược này hình như đã phát xuất từ quan niệm *cité de Dieu* và *cité de l'homme* của Thánh Augustin.

Việc thực hiện quan niệm hành đạo và truyền giáo của Thánh Augustin có thời đã không tránh được những sơ xuất. Vì vậy mà

một tín đồ Thiên Chúa giáo như giáo sư G. Gusdorf đã phải nhận rằng: « Biểu thức của Thánh Augustin về hai « thế giới » đã khổng chế một ngàn năm lịch sử Tây phương cho đến thời Phục Hưng, 1000 năm xung đột, thánh chiến và thập tự quân viễn chinh » (G. Gusdorf — *Traité de Métaphysique*, tr. 408) Và Gusdorf đã quy trách nhiệm trạng đó cho Giáo Hội Công giáo và giải thích rằng: « Giáo hội thiết định đã tự đòi hỏi cái độc quyền thông công với Chúa và Giáo hội tự nhận là người thông ngôn duy nhất giữa Chúa với tín đồ. Từ đó, những linh hồn, những thân xác, những tài sản đều thuộc về Giáo hội, và cả quyền lực chính trị cũng phải phục tùng Giáo hội. Chính vì vậy mà những Giáo hội được thiết định một cách chặt chẽ thường tỏ ra bị mê hoặc bởi quyền hành thế tục... » (G. Gusdorf, sđd. tr. 408).

Nhận định của Gusdorf có thể đúng với bất cứ Giáo hội nào chứ không phải chỉ riêng Giáo hội Vatican. Tuy nhiên, riêng với Vatican thì sự thế đó đã không chỉ diễn ra trong thời đại xa xưa thôi mà ngay cả trong thời hiện đại...

Thế kỷ 19 có thể nói là thế kỷ bá chủ của Tây phương về mọi phương diện. Đây là thế kỷ huy hoàng thịnh trị của kinh tế tư bản, chính trị dân chủ và đồng thời cũng là thế kỷ mà nền đô hộ của Tây phương đã hầu như hoàn tất khắp thế giới. Vận mệnh của cả nhân loại nằm trong tay các hoàng đế Âu Châu nhưng số phận của các hoàng đế Âu Châu phần đông lại tùy thuộc vào quyết định tấn phong, hay sự thừa nhận ngoại giao, của các Giáo Hoàng Vatican. Thế giới đã được hợp nhất thành một đế quốc của Âu Châu và Âu Châu hợp nhất thành một « đế quốc thánh thiện » mà mọi nẻo đường đều hướng về La mã.

Nhưng thời đại vàng son ấy chỉ kéo dài không đầy 100 năm. Thế kỷ 20 là thế kỷ của biến động và bão táp mà hai trận đại chiến xảy ra trong vòng không đầy 50 năm (1914-1918 và 1934-1945) đã là nguyên nhân làm cho khối Tây phương tan rã và uy quyền Tây phương suy sụp.

Trước những hoang tàn đổ nát của Âu Châu, trước những tử huyệt vô định của mấy triệu người Do Thái, trước những năm

lửa hỏa ngục bùng lên ở Hiroshima và Nagasaki... Tây phương đã cảm thấy thành quả của mấy ngàn năm văn hiến của họ bây giờ chẳng còn gì hơn ngoài Bạo Hành, bom Nguyên Tử và ý thức hệ Cộng sản, chưa kể đến một hiểm họa khác là phong trào nhược tiểu Á Phi vùng lên dành độc lập.

Thế lực và địa vị của Vatican đương nhiên cũng chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh đó. Âu Châu Công giáo đã kiệt quệ. Hai cường quốc mới là Mỹ thì theo Tin Lành và Nga theo Cộng sản chủ nghĩa. Trong khi đó Công Giáo Á Phi cũng đã phải lui vào thế tự vệ khó khăn vì bị các dân tộc nhược tiểu bị trị đồng hóa với thực dân. Chính trong hoàn cảnh đó mà Vatican đã phải cấp thiết xét lại thứ tự ưu tiên của các mục tiêu truyền giáo và phương thức thế trị.

Thế kỷ 19, trọng tâm hoạt động truyền giáo của Vatican đã chuyển về các vùng Á Phi và Nam Mỹ. Khối người ngoại đạo mà Vatican muốn Công giáo hóa ở đây là những kẻ « thờ lạy bụt thần ma quỷ, tin mê Hồi giáo ». (Sách kinh nghĩa của Giáo hội Công giáo ở VN, được sử dụng ít nữa là cho đến 1954). Nhưng đến thế kỷ 20, nhất là sau giai đoạn hỗn loạn « tà giáo » cuối thế kỷ 19 và sau đại chiến thứ 2, mục tiêu truyền giáo đã được điều chỉnh lại. Hoạt động truyền giáo bây giờ được ưu tiên hướng về những dân « ngoại đạo » trong chính những xứ da trắng, nhất là phải chinh phục lại những khuynh hướng Thiên chúa giáo đã không chịu nhận thần quyền tối thượng của Giáo Hoàng Vatican như Do Thái Giáo, Tin Lành Giáo và Chính Thống Giáo hay Giáo Hội Đông Phương. Tổng số tín đồ của ba tôn giáo này lên đến 367 triệu so với 559 triệu của Công Giáo Vatican.

Tin Lành giáo chiếm cả một nửa Âu Châu và gần trọn Bắc Mỹ, Do Thái giáo cũng vậy. Chính thống Giáo thì trừ Hi Lạp, phần lớn còn lại đều ở Nga.

Lại nữa, phần thế giới Công giáo còn lại cũng không phải là hoàn toàn hợp nhất với Vatican. Chỉ có Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ái Nhĩ Lan... là còn thần phục Vatican. Các nước khác như Pháp, Ý, Bỉ và những nước Nam Mỹ thì đã dần chịu ảnh hưởng của những tư trào tiến bộ cho nên Giáo quyền cũng bị mất bớt ảnh hưởng với quần chúng.

Sau hết, còn phải kể đến 65 triệu tín đồ Công Giáo của các nước Đông Âu.

Mục tiêu của Vatican trong thực trạng đó là phải tìm cách tái thống nhất Công Giáo Tây phương quy tất cả về Vatican bằng những hành động như chiếu cố Chính Thống Giáo, vượt ve bằng cách phục hồi danh dự cho Tin Lành Giáo, giảm bớt thái độ oán hận với Do Thái Giáo và sau hết, Công giáo hóa trở lại các quốc gia Nam Mỹ đang bị thu hút bởi những trào lưu tiến bộ, tự do. Đó chính là nguồn gốc của chiến thuật « khoan dung hơn là phạt vạ » và đó cũng là động lực của chính sách đa diện gần như mâu thuẫn của Vatican đối với các chính quyền Âu, Mỹ.

•

Vì chiến lược trường kỳ của Vatican là chinh phục toàn thế giới chấp nhận uy quyền của mình cho nên chính sách hoạt động của Vatican cũng là một chính sách trường kỳ. Một chính sách « dài hơi » và đa diện thay đổi tùy theo nhu cầu hoàn cảnh. Do đó mà Vatican đã lúc thì thiên tả, khi lại thiên hữu; lúc tiến bộ, khi bảo thủ; lúc thì cứng rắn, lúc lại ve vãn đối phương, và đôi khi phải sử dụng cả những người đã bị Vatican « phạt vạ ». Chiến thuật thiên biến vạn hóa đó đã được điểm tô khéo léo bằng những tiêu ngữ như bảo vệ văn minh Tây phương, bảo vệ di sản tinh thần Thiên chúa giáo, chống độc tài, quân phiệt, vô thần...

Cũng vì vậy mà có thời Vatican đã mặc nhiên ủng hộ những chính quyền phản động như chính quyền Vichy, có lúc đã không ngại ngùng đi với cả những lãnh tụ độc tài quân phiệt như ký hòa ước tôn giáo (concordat) với Hitler, và giao hảo thân thiện với Mussolini sau khi có hiệp ước Latran. Nhưng điển hình nhất là trường hợp Tây Ban Nha của nhà độc tài Franco.

Trong thời nội chiến Tây Ban Nha 1936, Franco không những đã được sự hỗ trợ của Hitler, Mussolini mà cả của Vatican và Giáo hội Công Giáo Tây Ban Nha. Cũng vì vậy mà khi Nội

chiến kết thúc, Franco không những đã trừng trị phe Cộng Sản và Cộng Hòa mà còn trừng trị cả « những kẻ chống Giáo hội ». Franco đã phục hồi những đặc quyền mà Giáo hội Tây Ban Nha từng hưởng. Một phần tư đất đai của xứ này là của Giáo hội. Giáo hội cũng được trọn quyền trong phạm vi giáo dục và có rất nhiều ảnh hưởng trong phạm vi luật pháp. Luật pháp đã quy định những điều khoản để « trừng trị kẻ nào thiếu tôn kính với Giáo hội và các đại diện ». Cụ thể hơn nữa trong chính sách đối ngoại Công giáo là hiệp ước tôn giáo 1942 thừa nhận công giáo là quốc giáo. Franco là người đã được huy chương cao quý của Công giáo : huy chương chứa Ky Tô !

Nhưng không phải bao giờ giáo hội Vatican cũng có cơ hội để can thiệp vào những vấn đề quốc gia như trường hợp Tây Ban Nha vừa kể. Thông thường Giáo hội chỉ can thiệp một cách gián tiếp qua trung gian những tín đồ nhiệt thành mà thôi.

Chiến tranh Đông Dương là một ví dụ. Những kẻ chủ động cuộc chiến này, những khuôn mặt nổi bật trong cuộc chiến này như Bidault, Schuman, Letourneau của Pháp, Ngô đình Diệm của V.N., O'Daniel, Ridway của Mỹ đều là những tín đồ Công giáo ngoan đạo. Và bao trùm lên tất cả là hình ảnh của Hồng y Spellman.

Ở Âu châu cũng vậy. Giấc mộng huy hoàng của Vatican muốn quy kết Âu châu thành một « đế quốc thánh thiện » là một giấc mộng trường cửu. Nhưng thế chiến thứ hai đã làm cho giấc mộng ấy trở nên khó thực hiện. Bức màn sắt không những đã ngăn cách Vatican với Giáo hội Đông phương mà còn ngăn chặn ảnh hưởng của Vatican đối với khối Công giáo Đông Âu. Cho nên mộng ước của Vatican từ sau thế chiến thứ hai là làm thế nào thực hiện một Âu châu tự do và Công Giáo gồm Tây Đức, Pháp, Ý, Bỉ, Hòa Lan, Lục xâm Bảo, Tây Ban Nha, Bồ đào Nha. Dĩ nhiên là Anh quốc và các nước Bắc Âu theo Tin Lành không được kể đến. Phương tiện thực hiện cộng đồng này là các đảng xã hội. Thiên chúa giáo. Và kế hoạch này một thời đã rất thành công. Thời gian 1950-1954 có thể nói là thời gian thắng lợi của khối Âu Châu theo Vatican. Và Bidault, Schuman, Adenauer,

de Gasperi, Van Zeeland, Beech... có thể ví với những nhân viên trong một Chính trị bộ vô hình của Vatican ở Âu Châu.

Thời gian này cũng là thời gian chủ động của Liên minh Bắc Đại Tây Dương, một chiến tuyến Tây Âu chống Cộng Sản mà Mỹ đã xúc tiến thành lập sau đại chiến thứ hai.

Ngoài những nhân vật kể trên, những người có ảnh hưởng lớn đối với chính sách của Liên Minh B.Đ.T.D. như Sir Kirkpatrick, Lord Pakenham của Anh, Bedel Smith, Radford, Forestal của Mỹ đều là Công Giáo. Còn Dulles thì tuy là theo Tin Lành nhưng người con trai độc nhất của ông đã theo Công Giáo và trở thành Linh Mục dòng Tên.

Theo quan điểm này, có thể nói Liên Minh B.Đ.T.D. là một phương tiện vũ lực thi hành chính sách chống Cộng sản của Vatican ở Âu Châu, cụ thể là chống Nga.

Người ta thường có cảm tưởng chính sách chống Cộng sản và chống Nga của Vatican là một chính sách dốt khoát tự khởi thủy. Thực tế thì không vậy và chính sách này quả cũng đã bị chiến thuật co dãn cố hữu của Vatican chi phối.

Dù sau này, Giáo Hoàng Pie XII đã chính thức khẳng định Cộng sản chủ nghĩa là « một lý thuyết tà vạy tự bản chất » và đã không ngần ngại trừng trị thẳng tay những người Công giáo theo Cộng sản, nhưng thái độ cứng rắn đó không phải là đã có từ khi chủ nghĩa Cộng sản mới thành hình hoặc từ khi cuộc cách mạng vô sản mới phát khởi ở Nga.

Quả vậy, năm 1917, ngay khi cuộc cách mạng vô sản Nga đang diễn tiến thì Vatican đã quyết định cải tổ ngành Giáo hội Đông phương trong Thánh Bộ thành một bộ biệt lập. Vatican đã quyết định như vậy có lẽ vì đã nghĩ rằng chủ nghĩa Cộng sản hay chính quyền vô sản rồi cũng sẽ không còn như bao nhiêu chủ thuyết, bao nhiêu chính quyền khác, nhưng nước Nga sẽ còn và đó mới là điều quan trọng. Mà còn nước Nga tức là còn hơn 100 triệu tín đồ Chính Thống Giáo cần phải được tận tình chiều cố...

hình ! Nhưng về phương diện thực tế đối ngoại Vatican đã không hề dứt phép thông công của những linh mục-thợ, cũng như đã tỏ ra « khoan dung » với những giáo hội ly khai sau bức màn tre và bức màn sắt. Và năm 1955, khi hòa bình Genève đã làm cho cường độ chiến tranh hạ thấp, khi chính sách của khối Bắc Đại Tây Dương bắt đầu bị phân tán và bớt cứng rắn, Giáo Hoàng Pie XII đã gửi cho Giám mục Augsburg một lá thư với những lời lẽ khác thường như : « Giáo hội Công giáo La mã không hề bị cột chặt vào văn minh Tây phương ». Những lời lẽ này bao hàm dụng ý gì nếu không phải là để mở đường phủ nhận chính sách chống Cộng của khối Bắc Đại Tây Dương khi cần đến ?

Chánh sách mềm dẻo, đầy khả năng thích nghi của Vatican không chỉ có lợi cho Vatican mà, trái lại, cũng đã có lợi cho những đối thủ của Vatican. Nga và khối Cộng Sản quốc tế không phải không biết triệt để lợi dụng các chiến thuật hiếu hòa, tiến bộ, cách mạng, tả khuynh... của Vatican để một đảng tâm nắn lòng những đối thủ đáng ngại nhất của họ trên khắp thế giới, và đang khác, để tranh thủ giai tầng tư sản vốn có khuynh hướng bảo thủ về cả hai phương diện tôn giáo và chính trị.

Triều đại của những Giáo hoàng Benedicto XV, Pie XI và Pie XII đã qua. Nhưng hậu quả chiến thuật sai lầm của những triều đại đó vẫn còn là những « lớp bụi bám vào ngai vàng của Thánh Pierre » mà ngày một ngày hai chưa hẳn sáng kiến thiên tài của hiền nhân Jean XXIII, chưa hẳn sự kiên trì và thiện chí của Giáo hoàng Paul VI đã có thể rũ sạch nếu không có sự tiếp sức tích cực và chân thành của những Giáo quyền và Giáo hữu Công Giáo.

Những sử điệp chỉ có động lý tưởng và vạch lối đến chân lý. Lý tưởng có thực hiện được không, chân lý có đạt đến không, vấn đề đó không phải chỉ một mình những người kế vị Thánh Pierre có thể hoàn thành viên mãn.

Khoanh tay mà ngồi nhìn cho lý tưởng nhận đạo mình đang

mơ ước được thực hiện không phải là hành động bác ái đích thực. Ngồi chờ chân lý hay chỉ bàn về chân lý mà không sống với và sống cho chân lý bằng những hành động cụ thể là một cách phụng thờ chân lý lười biếng. Chúa Ky Tô đã chết không phải chỉ vì Herode, Ponce Pilate hay Judas mà còn vì bọn Pharisieu đạo đức giả.

Chân lý yêu thương của Chúa Ky Tô đã có từ mấy ngàn năm nay nhưng ác họa cũng vẫn còn tồn tại suốt mấy ngàn năm nay. Người ta có thể phụng thờ chân lý chỉ bằng cách biết có chân lý, nhưng người ta không thể chống ác họa bằng cách chỉ không nuôi ác họa, hoặc chỉ chống ác họa vì quyền lợi riêng mà đủ.

tùy anh

07.12.70

MÙƠNG MÁN

nặng củ

nặng im lặng vỡ trong chiều cũ
hồn bỗng xanh màu lá mới dâng
phấn nhụy đã tàn theo cánh bướm
đề riêng lòng một chút bằng khuâng

trăm nhánh mộng che không đủ mắt
nên buồn đau ủ kín dưới da
nghe xương thịt từng đêm dậy bão
đời sống nào mang tuổi tên ta

cảm ơn em cho ta nhìn thấy
hạnh phúc mình trong đôi mắt kia
cảm ơn em đã cho ta biết
hạnh phúc nào rồi cũng phân chia

chia tóc xanh thành ngàn ngọn cỏ
chia tình gần thành ngàn trùng xa
ấy là khi không còn nhau nữa
hay chỉ còn nỗi nhớ thoáng qua

tim im lặng vỡ trong lòng cũ
như nắng phai níu giữ chân ngày
thôi hãy giữ lấy màu nắng đỏ
làm quà riêng cho buổi chia tay.

mường mán

TUỆ SỸ

triệt lý về xác thịt trong tư tưởng merleau-ponty

Trong một đoạn văn viết về những sai lầm của người Pháp trong 80 năm của chế độ thuộc địa tại Việt Nam, (Sur l'Indochine, *Signes*, tr. 402 — 407) có một câu của Merleau-Ponty mà nếu chúng ta đổi lại thể cách của nó để thành một câu hỏi, thì chúng ta có thể hỏi như vậy : « *Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác ?* »

« *Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác ?* » câu hỏi ấy nếu được đặt vào trong văn mạch của một đoạn văn viết về chính trị, nó chỉ là một cách nói. Bởi vì, ở đây những gì mà người chỉ cần đến là những giải đáp. Người ta cần có những dự kiện xác thực, những biến cố có thể kiểm chứng, những gì mà người có thể xác định rõ lý do xuất hiện, biến đổi và hủy hoại của chúng ; « *những lý do mà* » (— nói như chính Merleau-Ponty đã nói trong « *Interrogation et dialectique* » của quyển *Le Visible et l'invisible*, quyển sách cuối cùng của ông do Gallimard xuất bản năm 1964, tức là 3 năm sau khi Merleau-Ponty đã chết ; — « *những lý do mà chúng ta có thể tư tưởng rằng có* (il y a) *một thế giới* ». Có một thế giới ; nghĩa là một thế giới đã có đó, có trong bóng tối đồng nhất tinh của nó. Một thế giới mà người

ta xác tín đã có ở đó, và chúng ta chỉ đến đó để mà tìm hiểu, đến để mà khám phá và giải thích chứ không phải là một thế giới của chính ta để cho chúng ta khai phá, để mà hiểu bằng xác thịt của chính ta.

Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác? Bây giờ, nếu câu ấy được đặt vào trong một tác phẩm triết lý, nó sẽ là một thảm kịch dị thường của đời sống, đời sống đích thực bằng xác thịt của chúng ta chứ không phải đời sống trong thảm kịch của lịch sử triết lý. Dù cho chúng ta chứng kiến tất cả sự đổ vỡ trầm trọng của tư tưởng, dù cho chúng ta chứng kiến tất cả thảm kịch dị thường của lịch sử triết lý, chúng ta vẫn không thể tìm thấy một điểm sáng nào chiếu rọi vào bóng tối dày đặc của một câu hỏi như thế đang bao trùm lên đời sống. Cũng ở trong tác phẩm *Le Visible et l'invisible*, Merleau-Ponty viết: « Triết gia nói, nhưng có một sự yếu đuối ở trong ông, một sự yếu đuối không thể giải thích, nên ông phải tắt tiếng, phải hòa mình vào trong sự im lặng và phải tìm lại trong thể tính một nền triết lý đã được làm xong ».

« Một nền triết lý đã được làm xong »: Đây là thảm kịch mà một triết gia phải chịu đựng. Trong một thế giới cộng đồng đang có đó, triết gia và thường nhân cũng mang một niềm xác tín như nhau cả. Bởi vì, thoát khi vừa mở mắt để mà nhìn, thì chính đời sống của chúng ta đã chứa đựng những tiếng nói thầm lặng rồi. Nhưng, đằng này triết gia lại nói chuyện với bóng tối của vũ trụ, trong khi thường nhân không ngớt chế diễu ông bằng ánh sáng của sự thực hiện nhiên một cách ngây ngô.

Triết gia nói chuyện với bóng tối của vũ trụ, ông ngồi nhìn cái vẻ kỳ bí của bóng tối đồng nhất tính của sự vật, ông đặt câu hỏi, và tất nhiên là bị chế diễu; ông hỏi một cách hiền lành với đôi mắt mở rộng rất trẻ thơ: « *Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác?* » Trong câu hỏi ấy, ông cũng nhớ lại một thời đại vàng son khi mà sự vật chưa bị bóng đêm đồng nhất tính bao phủ. Sự vật chỉ tồn tại trong từng chớp mắt, nhưng bóng tối đồng nhất tính của nó cứ trôi đều như một dòng sông. Nhớ lại một thời kỳ của thơ ấu, không phải tôi đang nhìn một cái gì đó dù là ở trong chính tôi mà

như trước mặt tôi, nhưng nhớ lại là được nhớ, không phải được nhớ bởi chính tôi đang ở đây mà được nhớ bởi những hình bóng của tôi trong quá khứ.

Trong luận án tiến sĩ nhan đề *Phénoménologie de la perception* Merleau-Ponty viết: « Tôi cảm thức chỉ khi nào tôi cũng đồng với cái được cảm thức, chỉ khi nào cái đó không còn giữ một vị trí trong thế giới khách thể (thế giới ngoài cái tôi đang cảm thức) và chỉ khi nào cái được cảm thức ấy không có nghĩa gì với tôi cả (bởi vì tôi với nó không còn vấn đề nữa). » Đây không phải là giải đáp, mà là một câu hỏi, một câu hỏi luôn luôn ở trong nguyên dạng của nó: *Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác?*

Nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác để nhìn như người ấy nhìn, để thấy như nó thấy, để xúc cảm như nó xúc cảm, Nhưng, nếu thế, phải chăng cái được nhìn, được thấy, được xúc cảm là một cái gì đó như là sự vật đã có đó, có ở ngoài / ý thức của chính ta, và ta đến để thừa nhận? Nói một cách khác, phải chăng có một cái gì đó tồn tại trong đồng nhất tính của nó?

Đồng nhất tính của sự vật là gì? và thành ngữ « *đồng tối của đồng nhất tính* » (nuit de l'identité) mà Merleau-Ponty thường dùng có ý nghĩa gì? chúng ta có thể trả lời một cách gián tiếp qua một câu nói của chính Merleau-Ponty trong *Le Visible et l'invisible* (trang 174): « *Đây là một nút thắt nào đó trong mạng lưới của đồng thời và liên tục* » (... c'est un certain noeud dans la trame du simultané et successif). Những chữ « đồng thời » và « liên tục » ở đây chỉ cho thấy cách xuất hiện của sự vật qua không gian và thời gian. Merleau-Ponty nhắc lại một câu nói của Claudel để giải thích về thể cách đồng thời của sự vật: « *một chút màu xanh của biển càng xanh khi màu đỏ càng đỏ* ». Đây là mối tương quan của chính sự vật với tất cả những gì quanh nó. Nhưng màu sắc ấy không phải chỉ xuất hiện hoàn toàn như là bây giờ và ở đây thôi, mà còn như là đã từng và sẽ còn ở nơi khác nữa. Như vậy, vật được thấy không phải chỉ vì nó là bây giờ và ở đây, mà vì nó ở khắp mọi lúc và khắp mọi nơi. Trong *Phénoménologie de la Perception*, Merleau-Ponty viết: « Một

sự vật là tấm gương phản chiếu tất cả những sự vật khác ». Khi một cái gì đó xuất hiện trước chúng ta, thì tất cả những cái còn lại, nghĩa là cả vũ trụ, vạch ra một chân trời bao quanh nó. Trong sự liên tục của thời gian cũng thế. Cổ nhiên, chúng ta chỉ thấy cái đó vào một lúc nhất định nào đó, nhưng chắc chắn cái ấy, ngôi nhà này chẳng hạn, hôm qua nó đã có đó, và ngày mai có thể nó cũng còn đó, mặc dù có biến đổi. Nếu không có tất cả những cái khác vạch ra một chân trời quanh nó, ta không thể đối diện với chính nó để mà nhìn thấy nó. Và nếu nó chỉ hoàn toàn là bây giờ và ở đây, trước kia nó chưa từng có, và sau này, dù trong khoảnh khắc, nó cũng sẽ không có, chắc chắn ta không thể thấy và biết nó là gì cả. Nói cách khác, nó không thể là đối tượng cho ý thức được. Phéno. de la perception viết : « Tất cả đời sống của ý thức đều nhằm đặt ra những đối tượng, bởi vì, ý thức chỉ là ý thức, nghĩa là ý thức tự thức (hay tự tri), khi nào chính nó lập lại nó và tái hợp nó bằng một đối tượng khả dĩ đồng nhất hóa được. Tuy nhiên, vị thế tuyệt đối của một đối tượng là sự chết của ý thức, bởi vì nó làm đông đặc tất cả kinh nghiệm như một mảnh thủy tinh được đưa vào một dung dịch thì tức khắc làm cho dung dịch ấy kết tinh lại ». (PP. 86).

Từ trên ý niệm như vậy, Merleau-Ponty chỉ trích nghiêm khắc tất cả những cố gắng của triết lý nhằm đi tìm một nền tảng vững chãi và xác thực cho tư tưởng bằng cách đi tìm yếu tính của mọi cái xuất hiện ; cố gắng thu thập tất cả những dữ kiện của kinh nghiệm để chất cho đầy nội dung của tri thức. Chắc chắn, để thiết lập và củng cố chính cái đó (một cái gì đó), chúng ta cần đến những yếu tính ; sự cần thiết của kết luận này là một tất yếu của yếu tính (VI. 148). Nghĩa là, nói bất cứ bằng cách nào, ta phải nói bằng yếu tính của cái được nói. Nếu ta hỏi « cái đó là gì ? » câu hỏi ấy muốn ta xác định cái yếu tính của nó để cho bất cứ lúc nào và bất cứ đâu ta cũng nhận ra nó. Như thế, yếu tính là một cái gì bất biến (invariant) mà ta có thể khám phá bằng phương pháp biến thiên hiện tượng luận (méthode de variation). Chúng ta thay đổi bình diện xuất hiện của cái xuất hiện ; trong sự biến thiên này, có cái gì đó không biến đổi, mặc dù không lộ diện, cái đó là yếu

tính ; nó tồn tại bằng ý niệm, chính nó là ý niệm. Sự tất yếu của yếu tính (nécessité de l'essence) và sự ý niệm hóa tất cả mọi cái xuất hiện, đây là điều kiện tất yếu để sự vật xuất hiện như là đối tượng của ý thức. Merleau-Ponty nói : « Tất cả sự ý niệm hóa, bởi vì đó là một hành vi thiết lập ý niệm, đều tự tác thành trong một không gian của hiện hữu, dưới đảm bảo bằng sự lưu tồn của tôi ; sự lưu tồn phải qui hồi vào chính nó để thấy lại ở đó cùng cái ý niệm mà tôi đã từng tư tưởng khoảnh khắc vừa qua, và phải lướt qua trong những ý niệm khác để nối lại ý niệm ấy ở trong chúng » (VI. 150).

Trong điều kiện như vừa nói trên, nghĩa là trong sự tất yếu của yếu tính và sự ý niệm hóa, thế giới xuất hiện trước mắt thường nhân cũng không khác thế giới xuất hiện cho một triết gia. Luôn luôn có một niềm xác tín vô ngôn. Đối với thường nhân xác tín ấy là sự thực hiện nhiên trong ánh sáng vĩnh cửu của sự vật, của thế giới. Nhưng, ở triết gia, niềm xác tín ấy phải làm rung động bóng tối đồng nhất tinh đang bao trùm tất cả. Nói một cách vắn tắt như lời của Merleau-Ponty : « Vạn vật tồn tại trong một chớp mắt ngắn ngủi ngay khi tôi vừa để mắt đến » Hay nói cách khác : « Thế giới như một dãy sương mù trên mặt biển được nhìn từ trên mây trời, nó hình như bất động ; và thoạt chốc, bởi vì nó trải dài theo một đường thẳng nên từ đó người ta mới hiểu rằng nó lưu động và sống động, nhưng cũng hiểu luôn rằng khi từ trên trời cao nhìn xuống, chiều rộng của thế giới sẽ không bao giờ đi qua chiều rộng của vô thế, không đi qua tiếng động của thế giới, mà đi qua sự im lặng của nó » Hay nói một cách khác nữa : « Khi người ta tiến gần đến sự vật, tôi không còn hiện hữu nữa ; khi tôi hiện hữu, lại không có sự vật, mà chỉ có một sự gấp đôi của sự vật, trong căn phòng tối của tôi » Chúng ta nhắc lại câu « một sự gấp đôi của sự vật trong căn phòng tối của tôi ».

Trong căn phòng tối, tôi biết chắc tôi đang tiếp xúc với một cái gì đó, tôi biết rõ nó, tôi có thể gọi tên nó, nhưng không thấy được nó. Ở đây, tôi đối diện với sự vật qua bóng tối đồng nhất tinh của nó. Nhưng với niềm xác tín thầm lặng, tôi biết tôi đang tiếp xúc với sự vật. Trong căn phòng tối này, không phải chính

tôi là kẻ duy nhất chủ động trong việc đụng chạm những sự vật quanh tôi ; nhưng khi tôi biết rằng tôi đang đụng phải một cái gì đó thì chính ra cái đó cũng chủ động trong việc đụng chạm của tôi. Tôi chủ động trong việc đụng chạm, bởi vì tôi có xác thịt của tôi, tôi là xác thịt ; thì ngược lại, bởi vì sự vật cũng chủ động trong việc đụng chạm ấy, nên nó cũng là xác thịt. « Đặt giới hạn của thể xác và của thể giới ở đâu, bởi vì thể giới cũng là xác thịt ? ».

Bây giờ chúng ta mở mắt ra trong căn phòng có ánh sáng này để nhìn mọi vật ; tất cả mọi vật ở đây đều xuất hiện cho chúng ta trong bóng tối đồng nhất tính của nó, tức là xuất hiện cho ta như là cho ý thức của ta. Trong trường hợp này, khi một triết gia mở mắt để nhìn, không phải mở một lần quán xuyên tất cả, mà mở mắt trong sự chớp mở triền miên, đây là một sự « bắt đầu luôn luôn bắt đầu ». Như thế, cái xuất hiện trước mắt đó không thuần túy là một cái ở ngoài, cố nhiên nó không phải ở trong. Tính chất có thể thấy của nó là tính chất hữu hình trong từng chớp mắt: Nó không phải là một thể giới đã tác thành xong, nó không ở trong một thể giới đã tác thành xong. Chúng ta thấy nó, vì nó là cái có thể thấy ; nhưng tính chất có thể thấy của nó không lộ diện ở đâu và ở lúc nào cả trong thể giới hữu hình. Cũng như chúng ta có xúc cảm không phải duy chỉ vì chúng ta có xác, mà bởi vì chúng ta có thịt của xác. Cái hữu hình của chúng ta là xác ; tôi thấy kẻ khác trong thể giới hữu hình bằng cái xác của họ, nhưng tôi biết được họ, cả xúc cảm về họ, bởi vì xác ấy là xác thịt, nghĩa là xác có thịt. Dù nói theo nghĩa đen hay nghĩa bóng, thịt là cái không lộ diện hữu hình qua cái thấy của ta. Nó không lộ diện trong hữu hình, nhưng nó làm cho xác của ta là người chứ không phải là xác chết. Tính chất có thể thấy như thế được Merleau-Ponty gọi là thịt, luôn luôn nói là thịt. Đó là xác thịt.

Đến đây chúng ta mới đụng tới vấn đề then chốt. Và chúng ta cũng đã thấy, đó là vấn đề then chốt trong tư tưởng của Merleau-Ponty. Bởi vì triết lý đối với ông không phải là một sự thăm dò thực tại để thiết lập một nền tảng vững chắc cho mọi lãnh vực tri thức. Ông nhắc lại một câu nói của Husserl trước giờ vĩnh biệt cõi đời này : « Die philosophie als strenge Wissens-

haft. — der Traumer ist ausgetraeumt » Triết học như một khoa học nghiêm xác, một giấc mộng đã chấm dứt. (Signes, tr. 174) Bởi vì, với Merleau-Ponty, triết lý là một khối sự triền miên, một sự bắt đầu luôn luôn bắt đầu. Bắt đầu từ bóng tối để thực hiện một cuộc hành trình trong bóng tối. Những gì mà nó bắt gặp là những sự thể trong bóng tối đồng nhất tính của chúng.

Thịt ở đây được hiểu như thế nào ? Lời chú ở trang 173, quyển VI nói : « Thịt như là Tự tính (Sichtigkeit) và tổng quát tính » bằng những ý tưởng dẫn đạo một cách đại lược như vừa trình bày, thịt có vẻ đã trở thành một cái gì phổ quát ; bởi vì hình như chúng ta đã nói đến nó theo ý nghĩa tượng trưng. Nhưng, cái tượng trưng chỉ có trong phổ quát tính, trong cấp bậc mà sự vật là được ý niệm hòa. Một thứ thịt như vậy không phải là thịt của xác. Một cách nào đó, chúng ta vẫn đang đối đầu với sự tất yếu của yếu tính. (nécessité de l'essence). Bởi vì, thịt ở đây là thịt của xác, thứ thịt mà chúng ta có thể xúc cảm được bằng xác thịt của chính mình ; như vậy, chúng ta không thể không đề cập đến xác của nó.

Sau đây là vấn đề về vấn đề thể xác như đã được trình bày trong *Phénoménologie de la perception*.

Chủ đích ở đây là xóa bỏ tính cách phân đôi một đẳng là chủ tri và một đẳng là sở tri. Đối với ý hướng tính, như là yếu tính của ý thức, tức là ý thức về một cái gì đó, sở tri xuất hiện cho ý thức bằng tổng quát tính của nó. Trong tính cách xuất hiện này, tương quan giữa năng tri và sở tri là tương quan của hai thái cực. Một đẳng là ý thức với tư cách năng tri, là ý thức về một cái gì đó, và ngược lại, cái gì đó với tư cách là sở tri chỉ khi nó xuất hiện cho ý thức. Trong trường hợp này, nếu cần phải có một tổng hợp nào đó xét như là điều tất yếu, nghĩa là có một thể chế (constitution) kết hợp năng và sở, thì thể chế ấy chỉ xảy ra trên cấp bậc ý niệm chứ không thể xảy ra trong thể giới sống thực trong thể giới mà thể xác của ta hoạt động bằng kinh nghiệm sống thực của nó. Trong thể giới của kinh nghiệm sống thực này, thể xác hoạt động như là xác thịt có hai mảnh : một mảnh là thể xác vật thể, tức là thể xác được coi như một đối tượng (một sự vật) giữa tất cả những vật thể khác, luôn luôn được coi như là đối tượng của ý thức ; một mảnh nữa là thể xác hiện tượng luôn luôn xuất hiện trong một hoạt trường hiện tượng, nghĩa là thể xác hoạt động

bằng ý hướng tính. Merleau-Ponty gọi đó là hai cánh cửa mở ra cho sự giao thông giữa ta và thế giới. Hoạt trường hiện tượng (champ phénoménal) là một màng lưới chủ hướng (tissu intentionnel), ở đó, cái này xuất hiện trong tương quan với cái khác, năng tri hướng tới sở tri và sở tri xuất hiện cho năng tri. Đó là hoạt trường mà ta và thế giới xuất hiện và biến mất trong từng chớp mắt, ta và thế giới biến diệt triển miên. Nói một cách khác, thế giới sống thực, thế giới trong kinh nghiệm sống thực của ta, là thế giới của sự biến diệt triển miên. « Ta không thể tắm hai lần trong một dòng sông » nói như Héraclite. Và « tư tưởng cũng không thể tư tưởng hai lần trong dòng ý thức », nói như chính Merleau-Ponty đã nói. Đối tượng xuất hiện với tư cách là một vật thể ở ngoài ý thức, ở ngoài năng tri, đó là sự vật đã được ý niệm hóa để trở thành đối tượng. Khi ta nói đến thể xác của chính ta, nghĩa là coi nó như một đối tượng để ta hướng đến để nói, thì đó là thể xác vật thể chứ không phải là thể xác hiện tượng, không phải là thể xác trong màng lưới chủ hướng. Khi tôi nghĩ hay nói về thể xác tôi, hay hoạt động bằng thể xác tôi, luôn luôn với giả định rằng thể xác tôi có đó, như là một vật thể giữa những vật thể khác. Sự có đó của thế giới được giả thiết qua sự có đó của thể xác tôi. Như vậy, sự toàn vẹn của thể xác tôi cũng là sự toàn vẹn của thế giới. Thế giới xuất hiện cho ý thức của ta phải là một thế giới toàn vẹn. Nghĩa là, sự vật xuất hiện cho ý thức trong đồng nhất tính của sự vật.

Chúng ta nhắc lại: sự toàn vẹn của thể xác ta là sự toàn vẹn của một thể giới luôn luôn có đó. Thí dụ, trong trường hợp « chân ma » (membre fantôme), mà Lhermitte trình bày trong *L'Image de notre corps*, (trích dẫn của Merleau-Ponty trong PP.) cho ta thấy ý nghĩa về sự toàn vẹn này. Tính cách vô cảm của cái chân gỗ không làm cho bệnh nhân quên đi rằng mình chỉ có một chân. Luôn luôn, bệnh nhân vẫn có cảm giác rằng mình đang đi bằng hai chân như trước kia. Một trường hợp khác, và đây cũng là thí dụ của Lhermitte trong *L'Image de notre corps*, những người bị tê liệt cánh tay trái, nhưng khi được yêu cầu đưa cánh tay này ra, thì tức khắc họ đưa ra cánh tay mặt.

Hai trường hợp vừa kể trên, một đằng là từ chối sự khiêm

khuyết của một chi thể, thay vào đó bằng một cái chân ma, và một đằng từ chối sự bất lực của một cánh tay bằng cách đồng hóa cánh tay mặt với cánh tay trái, đồng hóa nhưng vẫn với ý niệm là có đủ cả hai tay; trong hai trường hợp này, mọi hoạt động của ta là những hoạt động từ những vùng im lặng trong tính cách toàn vẹn của thể xác ta.

Thể xác như một toàn thể ấy là một thể xác vật thể mà ý thức của ta có thể hướng đến như khi nó hướng đến một thế giới bên ngoài. Đó là mảnh vật thể của thể xác; vật thể với tính cách cái này nằm cạnh cái kia. Nghĩa là, thể xác vật thể luôn luôn xuất hiện trong một vị trí nhất định nào đó của không gian như tất cả những vật thể khác. Nhưng thể xác xuất hiện trong màng lưới chủ hướng của hoạt trường hiện tượng, thì tương quan giữa nó với tất cả những vật thể khác không phải là tương quan ngoại tại. Sự toàn vẹn của thể xác không khép kín nó lại trong chính nó, mà sự toàn vẹn ấy mở ra cánh cửa giao thông giữa nó và tất cả. Trong thí dụ về cái chân ma ở trên chúng ta thấy rằng sự toàn diện của thể xác vật thể chính là định luật thiết chế (loi de constitution) kết hợp chủ tri và năng tri. Như thế, sự vận chuyển của thể xác không phải là sự vận chuyển trong một tình cảnh nào đó. Nói cách khác, sự toàn vẹn của thể xác vật thể không phải là thể xác trong không gian tính của vị trí (cảnh trí) mà là trong không gian tính của tình cảnh (cảnh ngộ). Vật thể trong không gian không tự xác định lấy vị trí của nó, mà được xác định theo tình cảnh bất định của thể xác. Chính thể xác là thước đo của vạn vật. Thí dụ, khi tôi nói « quyền sách để trên bàn » trong khi vị trí thể xác của tôi không phải ở dưới bàn. Nghĩa là, bất cứ thể xác của tôi ở vào một vị trí nào đó trong không gian, tôi vẫn có thể nói « quyền sách để trên bàn » được cả. Bởi vì, khi xác định tương quan vị trí giữa quyền sách và cái bàn, tôi đã đồng hóa vị trí của chúng với thể xác của tôi. Lúc bấy giờ, thể xác tôi không phải ở vào một vị trí cố định trước, hay sau, trên hay dưới đối với cái bàn, mà vị trí của cái bàn và vị trí của thể xác là một. Vận động tính của thể xác không phải là sự chuyển dịch của vật thể từ một vị trí này đến một vị trí kia. Vận động

tính của thể xác được thúc đẩy bởi một đệ tam nhân, không phải được thúc đẩy từ phía này của thể xác hay được lôi cuốn bởi phía kia của vật thể. Đó là vận động trong màng lưới chủ hướng, tức là trong hoạt trường hiện tượng.

Nếu thể xác hoàn toàn chỉ hoạt động như một thể xác hiện tượng, ta sẽ có trường hợp của một bệnh nhân không thể hoạt động bằng những vận hành trừu tượng, nghĩa là vận hành theo sự điều khiển của một người khác. Thí dụ, có một bệnh nhân không thể trở vào bất cứ một vị trí nào trên thể xác của mình theo lệnh của y sĩ, nhưng khi bị muỗi đốt, bệnh nhân sẽ đề tay đúng ngay vị trí bị đốt trên thể xác của mình. Trường hợp này, Grolld Stein, trong *Zeigen and Greifen*, gọi là sự dị biệt giữa tỏ (Zeigen) và nắm (Greifen). Bệnh nhân không thể trở vào bất cứ một vị trí nào trên thể xác của mình theo lệnh y sĩ, bởi vì thể xác của nó không xuất hiện như một đối tượng mà nó nhắm đến. Thể xác ấy chỉ có một mảnh duy nhất, tức là mảnh hiện tượng. Như thế, bệnh nhân không thể vận động thể xác của mình theo một vận hành trừu tượng. Thí dụ, khi y sĩ ra lệnh cho bệnh nhân vừa kê trên đưa tay lên, thì công việc trước tiên là bệnh nhân tìm ra phần đầu của mình đã, bởi vì phía trên cao có nghĩa là phía trên đầu. Hoặc giả, người ta ra lệnh cho bệnh nhân hãy vẽ một vòng tròn trên không; trước tiên, nó tìm thấy cánh tay đã, rồi đưa ra trước, giống như một người bình thường dò dẫm vách vách tường trong bóng tối. Bởi vì khi dò dẫm như thế, vị trí của vách tường được xác định ngay ở lòng hai bàn tay đang đưa lên trong bóng tối. Hoặc giả, khi người ta nhắm mắt lại và vẽ con số lên lòng bàn tay, thì chính lòng bàn tay di chuyển theo đầu viết hình như bất động. Như thế, sự vận hành của thể xác bệnh nhân là một vận hành cụ thể, tức là vận hành hiện thể, trong khi ở người bình thường, vận hành chứa đựng khả tính của nó. Bệnh nhân này vận hành thể xác như người ta đi trong bóng tối, mục tiêu nằm chính ở thể xác đang vận hành, còn ở người bình thường, mục tiêu được phóng ra phía trước để thể xác hướng đến, như một lực sĩ chạy đua, hay một kịch sĩ đóng tuồng trên sân khấu. Nền tảng của vận hành cụ thể là thế giới đã được thiết định ở đó, trong khi nền tảng của vận hành trừu tượng là một thế giới do chính chủ thể vận hành tạo ra. Vận hành cụ thể

là vận hành qui tâm. Ngược lại, vận hành trừu tượng là vận hành ly tâm. Vận hành trừu tượng là một cuộc đối thoại giữa chủ thể và đối tượng; như một người thường có thể kể lại câu chuyện quá khứ của mình một cách mạch lạc, trong khi bệnh nhân kể một cách lộn xộn. Người bình thường có thể lấy cuộc đời đã qua của chính mình làm đối tượng để nhắm lại, hay lấy cuộc đời sắp đến của mình làm đối tượng để nhắm đến. Nhưng bệnh nhân không đủ sức tách rời cái « ta » trong quá khứ ra khỏi cái ta hiện tại của nó để kể lại những gì mà chính nó đã làm; và cái « ta » sắp đến của nó cũng không thể được phóng ra đằng trước nên nó không thể nghĩ ngày mai mình sẽ làm gì.

Như thế, sự toàn vẹn của thể xác vật thể không giống như sự toàn vẹn của một vật thể được khép kín trong đồng nhất tính của chính nó, mà là một sự toàn vẹn có khép và mở bằng hai cánh cửa: thể xác vật thể và thể xác hiện tượng. Chỉ trong sự toàn vẹn này ta mới có thể tiếp xúc được với thế giới, và với mọi người. Kể khác đối với ta, trước tiên được nhìn như thể xác vật thể, một đối tượng ở ngoài ta. Ta nói chuyện với họ, khóc và cười với họ bằng vận hành trừu tượng của thể xác ta, giống như ta nói chuyện, khóc và cười với những bóng ma. Họ là những bóng ma xuất hiện trong đêm tối của đồng nhất tính. Tối hôm qua, bóng ma xuất hiện trước cửa sổ nhìn tôi; rồi tối nay, bóng ma đứng ngay ở đầu giường tôi; dù xuất hiện vào lúc nào và bất cứ ở đâu, dáng điệu của nó vẫn không thay đổi. Khi nó cười, hay khi nó khóc, vẫn trong một tư thế như muôn đời bất biến. Người ta nói, gương mặt lạnh lùng như một bóng ma, bởi vì gương mặt ấy là tư thái của một sự vật lằm lằm xuất hiện trong đêm tối đồng nhất tính. Tuy nhiên, trong tận cùng của lời nói, của tiếng khóc, của điệu cười ở kẻ khác có một cái gì như oằn sâu vào da thịt của chính ta, ấy là vì ta và họ không phải đồng cảnh trí mà là đồng cảnh ngộ, không phải cùng ở trong không gian của vị trí mà là cùng ở trong không gian của tình cảnh. Thông cảm tức là giao cảm. Nhưng khả tính của sự giao cảm giữa ta và kẻ khác không giống như tính cách có thể đụng chạm lẫn nhau giữa một vật thể này với một vật thể khác mà là khả tính của sự hợp nhất giữa xác thịt chính ta và xác thịt của kẻ khác. Đối với một bệnh nhân mà

đối tượng dực tính không gọi dực nó, bởi vì nó đã mất hết khả tính giao cảm. Thể xác của nó chỉ là một thể xác vật lý trơ lỳ, thể xác trong vị trí cố định của không gian. Khả tính dực tính của thể xác là khả tính hiện hữu của một con người trong một thể xác đủ cả hai cánh cửa giao thông bên ngoài. Dực tính nói lên cung cách hiện hữu, là khả năng phóng mình về phía trước. Merleau Ponty viết : « Chúng ta khám phá ngay ra rằng đời sống dực tính như là một ý hướng nguyên khởi và là những căn nguyên sinh động tri giác của vận động tính và của sự biểu hiện, đồng thời khiến cho tất cả những « tiến trình » này được đặt trên một « vòng cung chủ hướng » mà ở người bình cánh cung ấy bật ngược trở lại, còn ở người bình thường cánh cung ấy đưa trình độ sinh tồn và sinh hóa của nó vào kinh nghiệm » (PP. 174)

Như thế, bất cứ một biểu lộ nào của thể xác thấy đều nói lên tư cách hiện hữu của con người. Đây là những biểu lộ bằng thể xác vật thể, biểu lộ bằng vận động tính của thể xác trong mạng lưới chủ hướng của hoạt trường hiện tượng ; biểu lộ bằng khả năng dực tính như là khả tính giao cảm giữa ta và thế giới ; và biểu lộ bằng ngôn ngữ. Tất cả những biểu lộ này không chứa một khoảng cách nào giữa chủ thể và đối tượng (giữa năng tri và sở tri). Chính ngôn ngữ cũng không phải là một khí cụ để bộc lộ tư tưởng. Bởi vì thể xác không phải là một vật dụng để cho ý thức sai sử. Do đó, khi tiếng nói được phát ra từ thể xác, thì cung cách nói là cung cách xử thế chứ không phải chỉ là cung cách xử sự. Sự vật xuất hiện trong từng chớp mắt là sự vật của những sai biệt và sai biệt. Sự vật xuất hiện cho ý thức lại là sự vật của đồng nhất tính. Sự vật luôn luôn sai biệt và sai biệt thì không có quá khứ, hiện tại và tương lai ; nó không có lịch sử. Nhưng sự vật của đồng nhất tính cũng không có quá khứ, hiện tại và tương lai, bởi vì, muôn đời nó vẫn là nó trong đồng nhất tính của nó ; như thế, sự vật cũng không có lịch sử. Sự vật không có lịch sử là sự vật chưa từng xuất hiện và do đó cũng không có biến mất. Nếu thế « ta biết được cái gì ? » (Que sais-je ?). Dù vậy, luôn luôn chúng ta vẫn mang một niềm xác tín nguyên thủy, niềm xác tín không thể giải thích bằng bất cứ những lý do nào hết, xác tín rằng sự vật đang có đó, thế giới đang có đó. Niềm xác tín uyên

nguyên ấy là khả tính cho mọi hoạt động của thể xác ta. Nó không hoạt động trong một khu vực nào nhiệt giữa những tranh chấp của đồng nhất và dị biệt, mà nó hoạt động trong vùng im lặng tịch liêu sự vật, của thế giới. Nói theo Nietzsche : « Những ý tưởng lớn lao phát sinh không có tiếng động ». (VI, 300) khả tính ấy được bộc lộ bởi ngôn ngữ. Đồng nhất tính của sự vật được bộc lộ bởi ngôn ngữ và sai biệt tính của sự vật cũng được bộc lộ bởi ngôn ngữ. Như thế, chính ngôn ngữ đã làm nên lịch sử. Sự vật tồn tại trong đồng nhất tính của nó, bởi vì nó có một tên gọi nhất định ; nhưng không phải vì vậy mà sự vật không thể xuất hiện như là sai biệt và sai biệt. Chữ có ở đây không mang ý nghĩa như là thu hoạch ; thí dụ : chúng ta có một cái gì đó vì ta đang nắm nó trong tay. Mà có tức là xuất hiện ; có tức là có đó. Trong ý nghĩa này, sự vật có tên gọi, bởi vì sự vật là tên gọi và tên gọi là sự vật. Sự vật tồn tại trong đồng nhất tính của nó, bởi vì nó là tên gọi. Sự vật xuất hiện trong sai biệt và sai biệt, bởi vì nó có tên gọi. Trong ý nghĩa của chữ có và chữ là này, không có một khoảng cách nào hết giữa chủ thể và đối tượng. Như thế, sự giao cảm giữa ta và người khác không phải là sự tiếp xúc của chủ thể và đối tượng, đó là niềm xác tín không thể giải thích, không có lý do, bởi vì nó không có một sự chắc thật, nghiêm xác của ý niệm. Trong viễn tượng ấy, triết lý như một cuộc hành trình dò dẫm. Chúng tôi nói dò dẫm theo nghĩa đen, bởi vì đó là triết lý xác thật. Merleau-Ponty viết : « Triết lý (...) phải tự lập (...) trong những kinh nghiệm chưa bị « chế tác » chúng công hiến cho chúng ta cùng lúc vừa chủ thể và đối tượng, vừa hiện hữu và yếu tính và như vậy chúng đưa đến cho triết lý những phương tiện để xác định lại chúng. » (VI 172). Triết lý về xác thật là một cuộc hành trình dò dẫm trong sự im lặng của thế giới. Dĩ nhiên, một nền triết lý như vậy được xây dựng trên khái niệm về xác thật.

Một nền triết lý được xây dựng trên khái niệm về xác và thật vẫn là một thứ triết lý của khái niệm. Đó là một thứ triết lý nói về sự vật bằng bóng tối đồng nhất tính của nó, nói bằng một tiêu thức chung cho tất cả. Merleau Ponty viết : « có một cái gì đó không thể thay thế trong tư tưởng tây phương : nỗ lực để công nhận, sự nghiêm xác của khái niệm vẫn còn là những mẫu mực, ngay dù

những mẫu mực ấy không bao giờ tắt cạn những gì đang hiện hữu. » (S. 174). Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác? Câu hỏi này không ngớt ám ảnh triết gia, nó làm lay động và làm sụp đổ tất cả những gì mà ta đang thấy và biết.

Khi tất cả những gì mà chúng ta nỗ lực để công nhận, bằng những mẫu mực nghiên xác của khái niệm, đang bị lay động và sụp đổ, triết gia hình như thấy mình đang mang một niềm xác tín vô ngôn, đối diện với một thể xác đang hoạt động trên những vùng im lặng của thế giới, trong màng lưới chủ hướng của hoạt trường hiện tượng. Nhưng đồng thời, khi thể xác trở thành cái để triết gia mô tả, thì thể xác lại cũng trở thành một khái niệm, một khái niệm làm mẫu mực. Hai cánh cửa của thể xác vừa mở ra liền đóng lại ngay trong chớp mắt.

Triết gia đang đối diện với cái gì đây? Hai cánh cửa của thể xác đã đóng lại, thế giới đang chìm vào bóng tối của đồng nhất tính; triết gia đang đối diện với một khoảng trống. Tất cả những gì xuất hiện trong bóng tối đều là xuất hiện trong khoảng trống. Đó là những cái đang xuất hiện, nhưng không thể thấy. Merleau-Ponty viết: « *Giữa những màu sắc và những cái hữu hình được nhắm đến, người ta thấy có một màng lưới gấp đôi chúng lên, chỉ tri chúng, nuôi dưỡng chúng và chính màng lưới này không phải là sự vật, mà là khả tính, là cái tiềm ẩn và là thịt của những sự vật.* » (VI, 175) Merleau-Ponty xác định rõ, thịt ở đây không phải là vật chất, không phải là tinh thần, cũng không phải là bản thể. Ông nói, đó là một khái niệm không có trong tư tưởng cổ truyền của Tây phương. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà thịt ở đây mang ý nghĩa tượng trưng. Nó được dùng trong chính nghĩa đen của nó mà tất cả chúng ta thường hiểu. Trong nghĩa đen này, đặc tính của thịt là tính chất phản kích (réversibilité). Như khi bàn tay mặt chạm vào bàn tay trái, chúng ta thấy rõ tính chất phản kích này của thịt. Trong một đoạn tạp ký của Merleau-Ponty được ấn hành phụ lục cho quyển *Le Visible et l'Invisible*, chúng ta đọc thấy câu này: « *Thịt là hiện tượng của tấm gương và tấm gương là sự dàn trải của tương quan giữa tôi với thể xác của tôi* » (VI, 309) Sự xúc chạm giữa thịt và thịt giống như hai tấm gương được đặt đối diện, chúng phản chiếu lẫn nhau trùng trùng vô tận.

Như thế, thịt là yếu tố (élément) của tất cả. Nó không lộ diện, bởi vậy, vùng im lặng tịch liêu mà thể xác chúng ta hoạt động trong đó chính là thịt. Chúng ta không thể nghe được tiếng nói qua tiếng động ồn ào của nó, mà chúng ta phải nghe nó từ chỗ phát sinh của nó, từ vùng im lặng mà nó biểu lộ cho ta; nghĩa là chúng ta phải lắng nghe tiếng nói từ sự im lặng của thịt. Nói như Malraux « *Tôi nghe hiểu tôi bằng cường hống tôi* ». Tiếng động rung chuyển của các thứ thịt cưỡng hống là sự rung chuyển của vùng im lặng. Tất cả tiếng nói đều là tiếng nói của im lặng. Đó cũng là đặc tính phản kích của thịt. Merleau-Ponty viết: « *Sự phản kích mới mẻ và sự đột khởi của thịt như là sự biểu lộ này là giao điểm của nói năng và tư tưởng trong thể giới của sự im lặng* » (VI, 190).

Ở đây, Merleau-Ponty nêu lên « *điểm khó khăn mà ta vấp phải đó là sợi dây ràng buộc giữa thịt và ý tưởng, giữa cái lộ diện và nòng cốt bên trong mà nó biểu dương và tàng ẩn* » (VI 195). Bởi vì, không một kinh nghiệm sống thực nào khi được đưa vào triết lý mà không trở thành khái niệm về kinh nghiệm sống thực. Cũng thế, thịt mà trở thành đề tài của triết lý, nó cũng sẽ trở thành một khái niệm, một mẫu mực chung cho tất cả. Như thế, triết lý về xác thịt, dù là triết lý về xác chính trong tư tưởng của Merleau-Ponty mà chúng ta đang nói đến ở đây, cũng là khái niệm về xác thịt. Chúng ta để mất thể xác trong thịt và chúng ta để mất máu của thịt trong khái niệm.

Mỗi khi chạm trán với bức tường khái niệm đang chắn ngang phía trước, triết lý thường làm một bước nhảy vọt, tức nhảy lui về nguyên khởi của khái niệm. Đó cũng là do đặc tính phản kích của thịt. Như vậy, không phải duy ở trong những vận hành cụ thể của xác thịt, nhưng chính cả trong những vận hành trừu tượng của xác thịt, chúng ta cũng không làm mất máu của thịt. Trong ý nghĩa này không có sự chấm dứt của một nền triết lý; nhưng cũng không có sự khởi đầu của một nền triết lý nào cả. Bởi vì, tất cả tiếng động đều là tiếng động của sự im lặng. Một ý niệm như một đám mây lơ lửng giữa trời. Nhưng ta phải biết rằng đó là mây của trời và nước của biển. Ý niệm của sự vật là phần trên kia của sự vật, là một phía khác của sự vật biến diệt triển miên. Đời sống

của sự vật là ý niệm, bởi vì không có sự vật nào mà không có lịch sử. Ngược lại đời sống của ý niệm là sự vật, bởi vì không có ý niệm nào mà không nhằm mô tả thế cách hiện hữu của sự vật. Chúng ta vừa nhắc đến những chữ: *phía khác* và *ngược lại*. Những chữ này đều dẫn xuất từ ý niệm về thịt. Gọi là *phía khác*, bởi vì thịt là bề dày của thể xác. Thể xác có hai mảnh, hai cánh cửa giao thông giữa ta và tất cả, bởi vì đó là xác thịt. Gọi là *ngược lại*, bởi vì đó là đặc tính phản kích của thịt. Thịt không phải là vật chất, không phải là tinh thần hay bản thể như đã nói, do đó ta có thịt của thể xác cụ thể mà đồng thời cũng có thịt của ý niệm trừu tượng. Ý niệm, ngôn ngữ là khả tính của triết lý, là chất liệu của triết lý. Triết gia suy tư về vũ trụ, về con người bằng ý niệm; tương quan giữa ta và thế giới là tương quan của những ý niệm. Trật tự của vũ trụ, của con người là trật tự của ngôn ngữ. Ý niệm có xác thịt của ý niệm. Ngôn ngữ có xác thịt của ngôn ngữ; do đó, ta có triết lý vì ta có xác thịt. Sự phân ly giữa chủ thể và đối tượng, giữa siêu nghiệm và nội tại, giữa trừu tượng và cụ thể, giữa hữu thể và vô thể, giữa hữu hình và vô hình, tất cả mọi sự phân chia đều bắt nguồn từ cuộc ly hôn của xác và thịt. Triết gia mở ra hai cánh cửa xác thịt kẻ chiêm ngưỡng vũ trụ; thay vì nhìn vũ trụ qua khoảng trống đang mở ra, ông lại chỉ đề tầm mắt vào một trong hai cánh cửa. Như thế, cửa dù mở, nhưng triết gia vẫn nguyên vị trong sự khép kín; sự khép kín kỳ lạ. Chúng ta cũng có hai cánh cửa của xác thịt như vậy đang mở ra, nhưng chúng ta vẫn bị khép kín, bởi vì chúng ta chỉ nhìn thấy một trong hai cánh cửa chứ không thấy gì ở ngoài đó cả: Tại sao chúng ta đã không thể nhìn bằng đôi mắt của kẻ khác? Như vậy rồi, chúng ta có thể viết về một triết gia và về lịch sử của triết lý hay không?

Merleau-Ponty viết: « Soạn một tác phẩm tập hợp về tất cả những triết gia nổi tiếng, việc làm quả thật là ngấy thơ » (S. 158) Làm thế nào chúng ta có thể tán dương hay chỉ trích bất cứ một triết gia nào? Cố nhiên chúng ta phải thấu hiểu một triết gia từ chính vùng im lặng mà ông đã đi ra. Nhưng, cái nói được thì ông đã nói rồi, còn cái ông không thể nói bằng xác thịt của chính ông thì ta cũng không thể thay thế ông mà nói. Viết hay nói về một

triết gia là đối thoại với triết gia ấy qua một vùng im lặng nào đó của chính xác thịt. Merleau-Ponty viết: « *Bấy giờ triết gia phải ý thức rằng mình không còn có thể tự phụ vào một tư tưởng hoàn toàn triết đề, không bám chặt vào kiến giải của tri năng về thế giới và sự nghiêm xác của khái niệm. Kiểm soát lấy mình và tất cả mọi sự vẫn còn là nhiệm vụ của ông, nhưng ông không bao giờ chấm dứt sự kiểm soát ấy bằng nhiệm vụ của mình, bởi vì, từ đây ông phải theo đuổi nó xuyên qua hoạt trường của những hiện tượng mà không một hình thái tiên nghiệm nào của chúng lại bảo đảm cho ông trước khi ông chủ trì được nó.* »

Đoạn văn được trích dẫn này là đoạn mà Merleau-Ponty viết về khả tính của một nền triết học Đông phương. Nhưng ở Tây phương, luôn luôn người ta cần có sự nghiêm xác của khái niệm để làm mẫu mực cho tất cả. Trên mẫu mực của khái niệm nghiêm xác này, không những Hegel chỉ loại bỏ triết học Đông phương ra khỏi hệ thống mà ông còn loại bỏ luôn tất cả những triết học Tây phương đi trước ông. Và chỉ có một triết học duy nhất, đó triết học theo mực của khái niệm nghiêm xác của Hegel, nghĩa là chỉ có một nền triết lý duy nhất là hệ thống triết lý của Hegel mà thôi. Vào cuối đời mình, Husserl mới tỉnh giấc mộng: « *Triết học như một khoa học nghiêm xác, một giấc mộng đã chấm dứt.* »

Trên đây là những lời mà Merleau-Ponty nói về thái độ của các triết gia lớn của Tây phương đã nhìn Đông phương như thế nào qua mẫu mực nghiêm xác về khái niệm của họ. Ông nói, người ta cần phải học triết học Đông phương để tìm thấy ở đó những cống hiến thâm trầm mà Đông phương đã mang đến cho triết học.

Từ trong vùng im lặng của xác thịt mà nhìn ra, và nhìn qua khoảng trống hư vô của xác thịt, đó là khả tính của tất cả mọi nền triết lý, và đó cũng là khả tính của một nền triết lý về xác thịt.

CAO HUY KHANH

Carson Mc Cullers : đời như một khúc nhạc buồn

Chính từ đó không phải cái chết mới đến với Malone sau đó mà thực ra cái chết đã âm thầm len dần vào đời sống của y từ bao lâu nay ; một cái chết dai dẳng, gặm nhấm và toàn diện : « Dần dần hẳn đã đánh mất bản ngã thực của mình ». Có muôn ngàn cách chết khác nhau và cũng có nhiều mức độ chết khác nhau. Chắc chắn Malone chết đi mà không thực hiện được ước muốn cuối cùng của mình, ước muốn mà có lẽ Kierkegaard đã dạy cho y biết : « và dầu sao khi chết đi, nếu tôi có yêu cầu người ta viết một điều gì đó trên mộ bia tôi thì điều đó tôi không muốn gì hơn là : Đây là một Người » (8)

Một lần nữa McCullers là một nhà văn khiêm tốn bởi lẽ những người đã chết đi trong tác phẩm bà, ở trên những giòng chữ hay ở cả bên kia trang giấy, đều không muốn cất tiếng than van hay kêu gọi một điều gì, không ai oán hay nguyên rủa và cũng chẳng hề muốn để lại bất cứ một dấu vết nào trên phần mộ của mình.

(8) S. Kierkegaard : Point de vue explicatif de mon oeuvre.

Trong một thứ nhà ngục

Những chất độc được tiêm vào mạch máu và đám nhân vật đáng thương đó như những con chim mắc bẫy vùng vẫy trong cái lồng sắc tàn nhẫn. Như trong một thứ nhà ngục bủa vây bốn phía, con người cố vùng lên đâm những cú đâm vào khoảng không và tự do lương được một cách sáng suốt sự mỗi một của mình. Thế giới thành một thứ ngục tù bao la dim đám tù nhân hoảng hốt xuống một vực sâu mà họ tự đào lấy. Thế giới đàn ông trong tác phẩm McCullers là một thế giới âm ỉ những biến động nửa vờ, những ý tưởng bạo hành không tạo thành thực tại, những đầu óc lảng phóng tìm sự liêm khiết vô tội để tự an ủi mình. Đó là Jake, người tự xem mình như một kẻ đi rao truyền sự thực và tranh đấu cho nhân loại. Đó là Copeland, vị bác sĩ da đen mơ tưởng một xã hội mác xít ngay trên quê hương mình (Tâm hồn là kẻ săn đuổi cô đơn). Những nhân vật giàu nhiệt tâm hăng hái lao mình vào xã hội và chính trị để tranh đấu cho lý tưởng mình xuất hiện dưới những hình ảnh khác nhau : già và trẻ, da đen và da trắng. Nhưng điều thất vọng là tất cả những nhân vật đó đều chẳng đi đến đâu. Sống trong ảo tưởng và lãng quên trong ảo tưởng. Họ chẳng là gì hết trong cái thế giới ngục tù đã không ngừng đầy đọa họ. Không có một lối thoát nào mở ra ngay giữa lòng cuộc đời này. Vì thế mà cuối cùng Jake đã phải xách khăn gói bỏ ra đi, bác sĩ Copeland thì đành để mặc cho tuổi già và bệnh hoạn đưa đẩy mình đến gần cái chết. Ông Thăm phán Clane trong « Đồng Hồ mất kim » (Clock without hands) rốt cuộc cũng chỉ loay hoay trong cái chủ trương không tưởng của mình : để chống lại cái chế độ hiện tại ông ta không có biện pháp nào hơn là đòi dựng lại một triều đại đã lỗi thời. Nền công lý mà Jester đòi hỏi không có nghĩa lý gì trước những người da đen bị kết án, bị tù tội hay bị giết chết một cách oan ức. Sự can đảm cuối cùng của Shepman cũng không cứu vãn được điều gì cho thân phận người da đen. Kẻ chiến thắng trên hết và sau cùng vẫn là cái thế giới cay nghiệt và độc đoán đang bóp nghẹt mọi sự, một thế giới mà Jake đã buộc tội là sẽ hành hạ và bỏ tù cả Chúa nếu Chúa còn sống đến ngày nay.

Rốt cuộc đám tù nhân của cuộc nổi loạn bất thành đó đành lùi thủi bỏ cuộc và ở giữa những tiếng vọng đám người la liệt, uống rượu, hút thuốc và đập lộn ở bên ngoài với sự dấn xé lương tâm mình họ chỉ còn biết chạy trốn vào nỗi cô đơn.

Những con mắt nhìn xuống thực tại đều như không muốn nhìn. Mỗi nhân vật là một người lạ mặt ngay trên quê hương mình : « Tôi là một người khách lạ trong một xứ sở không quen biết » (The Heart...) hay « Thế giới dường như tách lìa ra khỏi nàng » (The Member of the Wedding). Thế giới đó hoặc tách lìa ra khỏi con người hoặc chỉ biến thành một đồng sự kiện ngồn ngộn, vô nghĩa. ù lì như đồng báo mà Biff vẫn cất giữ thành chồng từng ngày một. Dù có đọc đi đọc lại mãi những sự kiện đó Biff vẫn không sao hiểu được cuộc đời này. Mọi sự đều xảy ra một cách lì lợm, không một khe hở nào có thể nhìn thấy được chân tướng, không một dấu hiệu nào giải nghĩa tôi cần giải nghĩa cho anh. Đó là một cuộc chơi quái gở và mù lòa, một thứ « Ugly joke » : « Minh biết gì ? không biết gì hết. Minh đi về đâu ? không đi về đâu hết. Minh muốn gì ? Muốn biết. Biết gì ? Biết một ý nghĩa. Tại sao ? Đó là một câu đố. » (The Heart...)

Những cô gái và những đứa trẻ thì có một cách khác để chạy trốn thực tại : phóng mình vào giấc mơ. Hãy nhớ đến chú Bubler nhất quyết bỏ nhà đi Florida hay cậu bé 12 tuổi trong « The Sucker » luôn luôn mơ một ngày được đi Alaska để làm thợ săn thú rừng. Với Mick Kelly thì mọi sự đều đã được nàng xếp đặt một cách giản dị, thế giới là thế giới, cuộc đời là cuộc đời và mơ mộng là mơ mộng : « Với nàng dường như có 2 chỗ khác : phòng trà và phòng ngoài. Trường học, gia đình với mấy cái chuyện xảy ra hàng ngày thuộc về phòng ngoài. Ông Singer ở luôn cả 2 nơi. Nhưng xứ sở xa lạ những dự tính của nàng và âm nhạc thì thuộc về phòng trong ». Nhưng người con gái đó không được yên tâm mãi trong cái thế giới nội tâm yên mến của mình, rồi sẽ đến cái ngày mà cái thế giới ngoại tại sẽ ủa đến và đẩy ra xa bao nhiêu mơ mộng tưởng. Thực tại luôn luôn có mặt ở khắp cùng và sẽ khiến cho con người không còn thì giờ kịp để sống mãi với mơ tưởng xa vời : « Nàng đã bị đuổi ra khỏi căn phòng riêng của mình... phòng trong đã vĩnh viễn khép cửa lại với nàng. »

Những nhân vật McCullers đều là những kẻ từ chối ý nghĩa của cái thế giới không ngừng đàn áp họ, thực tại là một cái gì không thể hiểu thấu được, không còn có một phương thuốc nào chữa khỏi căn bệnh mất trí nhớ cho những kẻ phủ nhận toàn diện cái thế giới sự vật không nghĩa lý. Một người thanh niên da đen bị cưa cụt cả 2 chân mà vẫn không sao hiểu được điều gì đã xảy ra cho mình, vẫn luôn miệng hỏi với bất cứ một người nào hần gặp : « Tôi chỉ muốn biết cái chân tôi đâu rồi. Chỉ có điều đó làm tôi lo lắng. Ông bác sĩ không trả nó lại cho Tôi. Tôi muốn biết nó ở đâu rồi ? » (The Heart is a Lonely Hunter).

Không ngừng hiu quạnh

Ý thức trong tác phẩm McCullers trước tiên là một ý tưởng dự tưởng. Những sớm mai con người thức dậy thấy tâm hồn mình trống rỗng mới khởi đầu một cuộc săn đuổi, một ngày trôi qua cuộc phiêu lưu vô vọng đưa con người trở về điểm đứng cũ nâng niu con tim mình và lắng nghe một buổi sớm mai khác lại bắt đầu đề lại khởi sự 1 cuộc hành trình mới. Bất cứ lúc nào cũng vang lên một tiếng gọi lên đường bởi vì chẳng bao giờ ở nơi ranh giới giáp một vòng đời loanh quanh đó người ta có thể bắt gặp được kẻ khác. Mỗi người vừa là kẻ nhập cuộc trong trận đời buồn rầu cũng vừa là người chứng cho chính từng bước chân đi của mình : « Buổi sáng khi trời vừa rạng đông, nàng đã bước xuống sân và ngược nhìn lên bầu trời sớm mai. Tâm hồn nàng đặt ra 1 câu hỏi và bầu trời không trả lời nàng. Có những điều nàng chẳng hề đề ý tới lại xui cho lòng nàng băng khuâng : những ánh đèn trong mấy căn nhà nhìn thấy từ vỉa hè, một giọng nói xa lạ vang lên trên lối đi. Nàng nhìn chăm chăm vào những ánh đèn, lắng nghe giọng nói đó và có một cái gì đó ở trong nàng đang ngừng lại và ngóng đợi. Nhưng những ánh đèn chợt tắt ngúm, giọng nói im bật và dù nàng đang âm thầm chờ đợi, chỉ có vậy thôi. Nàng sợ những điều gì tự nhiên chợt xui khiến nàng tự hỏi nàng là ai, nàng sẽ ra sao trong cuộc đời và tại sao nàng lại

đứng đó ngơ ngẩn nhìn một ánh đèn, lắng nghe và thăm hỏi với bầu trời: hieu quạnh ». (9).

Trong những ngày tháng trùng lặp lên nhau, những nhân vật cảm thấy mình mới sống và mới vào đời bị tác giả bỏ mặc với nỗi hieu quạnh âm thầm của chúng, mỗi người tự tìm cách xoay sở lấy đời mình và tự giải quyết lấy mọi sự riêng mình. Mọi thứ quyền lực cao cả đều vắng mặt, Thượng Đế cũng chẳng ăn nhập gì vào đây cả: « Minh không có dính liu gì với Thượng Đế ở đây cả. Chỉ có một mình nàng, Mick Kelly, đang bước đi trong ngày tháng, chỉ có một mình nàng ôm lấy mình trong đêm ». Đám người lớn tuổi không giúp ích gì với mớ kinh nghiệm đời của họ, đó chỉ là những cái bóng hết sức mờ nhạt và vụng về trong thế giới McCullers: một ông bố của Mick của Frankie thấp thoáng mơ hồ, người ông của Jester sống xa cách trong sự thất bại của mình, những con người già dặn một cách vô ích trong « Clock Without Hands ». Giống như những đứa con hoang, những nhân vật của Mc Cullers xô đẩy nhau đi tìm kiếm chính nhân dạng và lý lịch của mình trong hình ảnh của nhau. Nhìn trong đôi mắt để muốn cầm tù lấy cái bóng đáng vừa thấp thoáng ở đấy, nói với nhau một đôi lời để muốn vượt qua nỗi im vắng triền miên trong mình. Đại úy Penderton trong « Reflection in a Golden Eye » đã luôn luôn muốn rời bỏ đời sống ngọt ngào ao tù của cái xã hội vây quanh để trở về với ánh nắng mặt trời trong những sa mạc, với đám bạn bè hiếu động, với nếp sống quân ngũ ồn ào những dấu sao cũng dễ thở hơn. Có nhiều khi bị đẩy vào sự cùng quẫn quá độ, con người như muốn hét lớn lên một tiếng và giang tay đâm thẳng vào tiếng hét đó cho vỡ vụn thành nghìn mảnh: Có nhiều lúc cái ước muốn khích động, sâu xa nhất của một người là muốn có một ai đó để yêu, một trung tâm điểm để hướng tất cả những xúc động hỗn độn của mình vào đó », Hay « có nhiều lúc nhất định tôi phải nói ra một điều gì đó với bất cứ một ai » (The Sucker). Nỗi hieu quạnh không lúc nào nguôi bủa vây từ phía quanh con người, lối nó đi lê lét qua từng ngày từng tháng, dặt

tay nó nhảy chồm vờn những điệu múa lạc thần trí, cố gắng hiến cho con người một liều thuốc trắng mở mắt, như trái ra một tấm thảm thần đưa con người bay vờ trên vầng trán của mình, có một cái dốc xuôi mời gọi nó thả mình trôi xuống êm ả và vang một tiếng động ngấm thính không. Cả lúc thức tỉnh lẫn lúc mê muội, ở thế giới này và qua thế giới bên kia, gom tất cả những cây số đường dài lại thành một điểm, bị thôi miên trong những chầm không màu sắc xoay xoay, con người đi băng qua mọi tầng lớp của đời sống, xuyên thấu tới mọi thứ tự của vũ trụ: « Trong một đêm tối tăm và lạnh lẽo, có một cái gì đó đưa ta tới gần với người đang nằm bên cạnh ». Cũng trong cái đêm mù mịt đó bằng một sự sáng suốt đau lòng người ta cũng chẳng bao giờ gỡ mình thoát ra được chiếc lưới đời trời buộc, nỗi cô quạnh cũng như những con đường trong thành phố không bao giờ có ai đi hết những lối quanh co: « khi người ta nói chuyện với nhau, chừng như người ta là những người cô đơn suốt đêm trong thành phố ».

Mc Cullers chỉ mở ra những con đường để đẩy nhân vật mình vào đó nhưng bà không hề chỉ cho thấy có một tận điểm nào đó để đạt đến, không một dấu hiệu nào để báo trước sự thành công hay thất bại; thành ra những nhân vật ngơ ngác đó gần như luôn luôn bị một cái gì đó, một bàn tay tàn nhẫn hay nghịch ngợm vô hình, đẩy mình ra khỏi chỗ đứng để rơi lên rơi xuống trong một khoảng không cuốn hút; những nhân vật đi lạc đường của Mc Cullers chừng như cứ mãi triền miên đánh đu trên định mệnh của mình để chờ lắng nghe từng giây phút sự mệt mỏi đời mình.

Say nhạc đời tàn

Cuộc đời từ đó có khác chỉ một khúc nhạc dài buồn bã con người lắng nghe mãi suốt một đời. Và có người nào nghe hoài một khúc nhạc mà đến một khúc nào đó chẳng cất tiếng hát theo? Trong khúc nhạc có một cái gì đó bung ra đâm suốt con người và trong con người có một cái gì đó tan ra trôi vào khúc nhạc. Có một hợp tấu khúc xuyên thấu qua từng hồn

(9) The Member of the Wedding : Người dự tiệc cưới.

người, từng mảnh đời, từng viên sỏi, cây cỏ hay chim muông. Mick Kelly, người con gái đã bắt gặp được điệu nhạc đó thật quá sớm trong đời nàng và từ đó nàng chỉ thấy có hạnh phúc và đau đớn trong những thanh âm. « Bài hát buồn như một câu hỏi không nói thành lời ». Bài hát đó cứ vang vọng mãi trong đầu óc cô gái với giấc mơ, giấc mơ được ngồi bên phím dương cầm và con người cũng buồn như một câu trả lời hư không. Khúc nhạc cứ triển miên trong đầu óc Mick như một căn bệnh, mỗi một giờ phút trôi qua nàng lại bắt gặp thêm được một âm điệu mới và giữ lại ở đó, những điệu nhạc âm thầm được nuôi nấng trong hồn để chờ một ngày nào đó nở ra thành những đóa hoa như những chiếc lá dần dần vàng úa trên cành cây mùa xuân : « khúc nhạc đó chậm chậm nở ra như một đóa hoa cho án ngập trong hồn nàng ». Có một bài hát Mick tự viết nhạc lấy và đặt cho nó một nhan đề : « Tôi muốn điều này, Tôi không biết là điều gì ». Có lẽ khi người ta buồn người ta không thể nghĩ được gì về nỗi buồn của mình. Âm nhạc trở thành một tiếng vọng triển miên ở đó người ta tìm thấy được quá khứ và tương lai mình, cuộc đời và mộng tưởng, nỗi buồn và lời an ủi, có cả câu hỏi lẫn câu trả lời không cần thiết.

Nhưng đến một lúc nào thì người ta không còn thể chịu nổi được sự ám ảnh của khúc nhạc đời đó nữa ? Với một vài người nào đó, những nhân vật đặc biệt trong suốt và thâm trầm của McCullers, không có thể nói là chịu đựng nhưng phải nói là dâng hiến mình cho khúc nhạc đời và sống và chết trong đó. Chưa bao giờ có một nhà văn nào đã ném thần trí của nhân vật vào một cơn lốc mang một vẻ dịu dàng của âm thanh như vậy : « Thình lình Mick bắt đầu nắm tay đập mạnh lên đùi mình. Nàng lấy hết sức đập mạnh lên chân mình cho đến khi nàng chảy nước mắt ra. Nhưng nàng không thể cảm thấy như vậy đã đủ. Những hòn đá dưới bụi cây có cạnh sắc nhọn. Nàng bốc một nắm đá và chà xát trên vết thương của mình cho đến khi hai tay tươm máu. Rồi nàng ngã nằm xuống trên mặt đất và ngửa mặt nhìn lên trời đêm. Với vết thương trong thân thể, nàng cảm thấy dễ chịu hơn. Chỉ sau những cơn mê đắm đó, khúc nhạc buồn mới lại hiện

hình rõ trong trí tưởng nàng : « Rồi những âm điệu vang lên chậm chậm và dịu dàng chừng như nàng đang từ từ chìm sâu xuống một vực tối ».

Khúc nhạc làm nở ra đóa hoa đời nhưng khúc nhạc cũng dim thần trí con người xuống một vực sâu, cùng một đời người khởi đầu và kết thúc trong một điệu nhạc. Thấy ở đó bóng ma của dĩ vãng và hình ảnh mình mai sau, có những tình sầu thăng hoa và giòng lệ không quên lãng. Sẽ đến một lúc nào đó người ta phải kêu lên như chàng Werther sầu khổ : « Nhân danh Chúa, em hãy ngưng bài nhạc ấy lại đi ? ». Với ai không biết nhưng với riêng McCullers thì thật ra Chúa chẳng ăn nhằm gì trong chuyện này cả bởi vì Thượng Đế không có nghe thấy nhạc của Mozart hay Toscanini và Thượng Đế không hieu quạnh, ít ra không hieu quạnh như chúng ta.

« Khi chúng ta cảm nhận được ý nghĩa của chữ cô đơn thì hình như chúng ta đã hiểu được một điều gì đó về nghệ thuật » (10). Nghệ thuật của McCullers là một nghệ thuật thâm lặng và vắng vẻ dẫn dắt người ta đến thật gần với những gì khuất lấp, những gì không có bề mặt : một nội tâm ẩn dấu không chừng. Đám nhân vật lao xao, những bờ hồ mặt nước yên tĩnh hay khu rừng cây chim chỉ đập cánh đôi ba lần và những thành phố tối trời của họ chỉ gây được những tiếng động mơ hồ, nhạt nhòa trong khoảng không hieu quạnh. Vang vọng lên trên tất cả là âm hưởng một khúc nhạc buồn kéo lê trên những buổi chiều qua mau. Nhân vật bị chìm lắng trong những hơi thở mỏng như sợi chỉ, người đọc trôi đi trên một dốc xuôi khu những tiếng động ngân dài và tác giả là người ném một viên sỏi xuống một mặt nước trong khoảnh khắc. Người thổi một sợi khói lên cao và bỏ mặc những vòng tròn đan lấy nhau cứ lan ra lan ra vô tận. Chỉ cần bấm nhẹ một lần trên phím tơ đã chùng và khúc nhạc vang vọng mãi suốt canh thâu. Không có ai ngủ yên được trong thế giới McCullers và mọi giấc ngủ đều rất buồn cho những người đành lòng sống ở đó. Mỗi một người là một nốt nhạc viết

thêm vào khúc nhạc ngày và khúc nhạc đêm, khúc nhạc đời và cứ mỗi một giây phút trôi qua nó lại soi thấu thêm vào tận đáy lòng người nghe. Một khúc nhạc luôn luôn dài hơn quá khứ. Và chắc chắn không có một người nhạc sĩ nào có thể chỉ cho thấy hay báo trước được đâu là nốt nhạc cuối cùng của đời mình.

Nói như Michel Gresset, chúng ta phải đọc McCullers như nghe một hợp tấu khúc của Mozart vậy.

cao huy khanh

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(truyện dài)

CHƯƠNG KẾT

Buổi trưa, chim sẻ sẻ không ngủ trưa kêu ồn. Lá cây hi hửng giỡn mặt gió. Bên bờ giếng sâu thăm xây bằng đá ong, bốn năm chị đàn bà dòng dây múc nước, xấn quần quá bấp vế. Chị Chút quăng gàu xuống để vẩy nhìn sang bà bạn. Nì nì, ngày mốt không có chợ, mơi lo mua chi thì mua mà để dành đi. Tui thì trong nhà khi mớ cũng để dành sẵn một chục trứng vịt, chợ búa, xe đồ chi mà trực trặc, trặc trở là sẵn đó, nấu nồi cơm ra, bắt nước lên luộc trứng vịt dầm nước mắm. Lần nì tranh đấu dai nhất, chợ không đông, công không làm hoài. Ừ ừ... Phật giáo mình bây giờ mạnh quá là mạnh, muốn chợ không đông là lập tức ngày mai chợ không đông, muốn công không làm là lập tức ngày mai công không làm; muốn ai ở thì người đó ở, muốn ai đi thì người đó phải đi. Phật giáo mà đứng lên là ào ào như bão rớt, như thiên tai... Cả miền Trung nổi dậy rồi, miền Nam cũng đang nổi dậy, Huế với Đà Nẵng cách mạng kinh khủng, kinh khủng hơn động đất, tới tấp hơn mưa lụt, ầm ầm, cuộn cuộn như sấm sét, mưa sa.

Người đàn bà vấn điều thuốc đưa lên miệng. Người ta giao cho tui công tác hồ hào bãi thị đình công, tôi cầm cái dùi cui vô đứng một góc chợ, mù Thông, mù Phó, mù Hủy... ba mù cầm dùi cui đứng ba góc chợ... thằng mãnh con mô, con mù mô ba đầu sáu tay cũng không dám đục mặt vô mua bán chi nữa.

Trầm khóc mùi khóc ướt đầm, khóc nước nở cao thấp. Trương bước tới cầm 2 vai Trầm lay mạnh, ấn xuống, giọng chàng ấm như hơi thuốc lá:

— Cô, Cô Trầm... em Trầm, em không bao giờ là của tôi nữa.

Cô Trầm mềm gục xuống:

— Tôi, tôi là của Sinh, tôi là của Sinh.

— Trương buông tay, giọng nói còn âm khò:

— Cô Trầm! cô bây giờ đã xuống nước.

Trầm mềm tiếng nói:

— Không, tôi không xuống nước, dù chỉ một giọt.

Trương kêu nhỏ:

— Tôi thấy có một trái lửa đam mê vừa tắt.

— Tôi đang trong cơn động kinh tĩnh, cơn động kinh sáng suốt, cơn động kinh không nóng, không co giật.

Trương đứng xê Trầm ra, từ tốn đi bách bộ trong phòng, chàng tiến lên dịu dàng, bước tới khoan thai, tay sờ lên mặt bàn, lên thành ghế, lên nóc tủ. Chàng đi sâu vào, dừng lại ở đầu giường, Trầm vội đưa tay:

— Khoan khoan, đừng đi tới nữa, đừng đi tới vị trí chiếc giường của dĩ.

Trương quay lại:

— Nếu em còn là dĩ nữa, tôi sẽ lấy roi bò bắt em nằm xuống, đánh vào mông em, ngay trên chiếc giường mà em đã làm dĩ.

Tại sao giờ này mà còn có những quân ích kỷ không chịu rời cái mền tội lỗi để mà tụt xuống đường đi biểu tình, đi họp mặt, cứ nằm thẳng thây ra đợi người ta tranh đấu kết trái kết quả rồi mới vỗ cái ngực mà nhận, mà lãnh, mà hưởng. Con trai tui có mấy thằng là tui bắt gia nhập quyết tử đoàn hết;

mấy mụn con gái của tui, nếu mà có thành lập một đoàn quyết tử-cái tui cũng cho nhào vô luôn. Máu của tui đã xông lên rồi, hỏa của tui đã bốc lên rồi, gan tui muốn dựng cả cái thành phố này dậy đi biểu tình.

Từ xa, một thiếu nữ cỡi Solex chạy trở tới chậm chậm thảng xe dừng lại. A! chị Cỏ May! chị Cỏ May luôn luôn mặc áo màu lông quạ!

Đám đông quây một vòng tròn nhỏ vây Cỏ May lại. Có tin tức chi không chị? Có chuyện chi đặc biệt không chị? Cỏ May trả lời mấy Thầy đã cho tu sửa tượng Quách thị Trang lại rồi. Mấy trăm Tăng-Ni tuyệt thực ở Quảng Ngãi đều bị hốt về bót cả rồi. Mấy chị đàn bà dậm chân. Ngày mai có biểu tình lớn, biểu tình một trăm phần trăm, biểu tình máu.

Cỏ May về nhà ăn cơm tắm rửa rồi lại chải tóc ra đi.

Ngự kêu:

— Mới vừa về đến nhà đã hốt hốt hoảng hoảng đi nữa!

Ngân bĩu môi:

— Cứ hốt hoảng vài lần như vậy cũng đủ hết cha đời con gái rồi!

Cỏ May vội vã dắt xe ra cổng. Làm thư ký tòa soạn cho hai tờ báo tranh đấu một muốn chảy huyết trắng ra. Lần cách mạng này thành công mau kinh khủng. Hai trang ngoài của tờ báo ngày nào cũng đăng đầy kiến nghị đả đảo của các đoàn thể.

Lê Hùng khoan khoái:

— Hắt hơi một cái là thành công ngay... Mấy cái cuộc cách mạng trước nó lì mặt ra, lần này sốt dẻo ghê. Ngày đầu tiên tiêu thương với thợ thuyền đi biểu tình đặt kiến nghị; ngày thứ hai, các nghiệp đoàn đi biểu tình; ngày thứ ba, tư chức đi biểu tình; ngày thứ tư, công chức giáo chức; ngày thứ năm, cảnh sát đi biểu tình; ngày cuối cùng, quân đội đi biểu tình. Hết cả rồi, bao nhiêu thằng dân đều theo phe cách mạng hết cả rồi, còn ai theo chính quyền nữa đâu. Thế nào rồi chính phủ cũng đổ.

Hưởng phụ họa:

— Thành công nhanh quá... chính quyền trở tay không kịp mà đàn áp.

Lê Hùng lắc đầu :

— Lòng dân đã như vậy rồi, hết cả dân đều theo phe tranh đấu rồi, bộ coi dân là Cộng sản hay sao mà đàn áp ?

Cách hai ngày sau, sinh viên kéo vào chiếm đài phát thanh. Nhóm quyết tử châm lửa đốt phòng thông tin Hoa kỳ. Người ta can được ngọn lửa, nhưng, một số sách vô tội đã bị cháy rồi. Đài phát thanh bị chiếm, sinh viên thiết lập những hệ thống truyền tin thật vĩ đại : Ba cái ô-pát-lư-a chụm lại đặt ở bến đò Cồn ; ba cái ô-pát-lư-a chụm lại đặt ở Đập đá ; 3 cái ở Nam Giao — Bến Ngự ; ba cái chụm lại chĩa mõm vào Thành nội, cả ngày oang oang phát thanh và lu bù hát đi hát lại mười bài tâm ca.

Một buổi tối, Hưởng cầm micro la hoảng : « Chúng tôi nguyện sát cánh đồng bào trong công cuộc xây dựng một nền dân chủ thật sự. Tám giờ ngày mai, yêu cầu toàn thể công chức, tư chức, giáo chức, quân nhân các cấp và Cảnh sát phải tề tựu đông đủ tại nhiệm sở, để tập trung tại nhà hát lớn nhận lãnh công tác cách mạng.

Lê Hùng đang ngồi viết bài đăng báo vội đặt bút xuống nói với Cỏ May :

— Cuộc cách mạng ngộ quá ! Thành công lẹ quá sức như cách mạng Tàu... oái ăm thiệt ! Chính cảnh sát là kẻ đẹp biều tình thì lại đi biều tình nhiều hơn ai hết.

Ăn gặt gù :

— Quân đội cũng theo phe ta... chúng ta đã chiếm được ba phần tư dân chúng rồi.

Hạo rút điều thuốc lá ra khỏi miệng :

— Đề nghị Cỏ May hãy đề ra một đoàn quyết tử cái.

Cỏ May đưa tay gạt, lắc đầu, Thúc cười trề môi :

— Cỏ May ngại phải ra tay đốt cái « Quán bạn » của Trương.

Qua lơn tiếng :

— Cỏ May cho phép bọn này mần Trương một trận đi !

Lê Hùng nhìn Cỏ May cười chum chim. Hưởng cầm bút nguệch ngoạc vài nét vẽ rồi hô :

— Phải kêu gọi thành phố lập ngay một hội « ghen Mỹ ».

Cỏ May cười :

-- Thôi đi ! Chữ « ghen » có vẻ đàn bà lá-đa-lá-đề thế nào !

Trong khi đó thì Trương nằm lì ở « Quán bạn », ăn dầm ở đề tại đó, nhà cửa sách vở bỏ bê không về. Trương nằm giữa bọn đàn em đệ tử trên những chiếc chiếu trải kín gian phòng. Trương mặc may ô với quần xà lỏn trong khi bọn Lý, Sâm các người, kẻ thì xi líp, kẻ thì quần chến, kẻ thì áo bà ba, quần dài ống. Mỗi người phơi cái rốn đen sâu của mình ra. Họ nằm đề lên nhau, gát chân, vắt tay, lúc im lúc cựa quậy. Bao quanh họ là tàn thuốc, giấy gói kẹo, ruột bánh mì, vỏ cam vỏ quýt, sách kiếm hiệp, sách tình, vỏ bia, vỏ nước ngọt. Họ còn nằm đề đánh bài rút bậc. Rượu, cà phê uống phlinh bao tử, ba ngày không rửa chân, bốn ngày không tắm, bảy ngày không cạo râu, cả tháng không cắt tóc.

Lý kêu lên điều thuốc chàng đang ngậm có mùi mốc mốc. Sâm bảo chàng tê tay quá, tê bụng quá.

Quán cà phê của họ mới được quét vôi vàng ửng. Bốn bức tường xây bằng gạch thẻ khá chắc chắn vì những cánh cửa thật dài mà tường không nứt. Mấy người bàn Tết ra cho gần quạt trần.

Sâm đi đái vào vừa gài quần. Trương húng hắng ho, chàng bẻ mấy ngón tay kêu lắc rắc nói sau cái ngáp :

— Sung sướng cho ai còn tranh đấu được. Tranh đấu là một nỗi vui lớn, là một dịp may không lờ. Vì giữa cuộc sống đen đật, họ còn tranh đấu được tức họ còn sung sướng được.

Toản rút điều thuốc lá ra khỏi miệng :

— Tại anh lúc nào cũng quá khộp Việt Cộng. Anh rách nát quá ! Trương xuống bếp đun nước sôi pha trà. Vừa trông ngọn lửa Trương vừa rên nho nhỏ : Cỏ May ơi, anh là một thằng thanh niên cầm cờ trắng, anh là một thằng thanh niên ở trong trạng thái tĩnh, anh là một tĩnh vật, anh ngồi trong bức tranh tĩnh vật, em ơi ! Anh không làm được cái gì hết.

— Mặc áo bầu vào đi, bụng to quá rồi.

Trầm xoa xoa cái bầu đang mang :

— Bụng em còn nhỏ chút xíu mà ! Mặc áo tự thú làm gì vội, mắc cỡ lắm !

Cả tuần nay, ngày nào Sinh cũng đục Trầm đi thăm Cỏ May, Sinh cũng đục Trầm mang áo đấu bụng.

Trầm cười :

— Chưa chịu ngưng chiến mà cứ bắt người ta mặc áo đỏ hoài, nhà quê lắm !

Hai người đến chỗ giam Cỏ May ngồi chờ độ năm phút thì Cỏ May xuống :

Cỏ May nói :

— Tau vẫn còn hoảng hốt như đang nằm mộng, tau không ngờ tau có thể bị bắt bớ như thế này được.

Trầm trả lời buồn ừ ừ bọn Lê Hùng cũng không ngờ công cuộc tranh đấu của họ tan vỡ vẫn cứ hoàn tan vỡ. Chính quyền bao giờ cũng có tài đàn áp, và đàn áp lúc nào cũng còn kịp.

Cỏ May cười :

— Thất bại là chết, không bao giờ tau thất bại được cả. Ở tù ra, tau vẫn tiếp tục tranh đấu, tranh đấu cho đến khi hết sạch độc tài.

Và tiếp :

— Ở cái thời buổi này bây giờ chỉ có sinh viên là những kẻ độc nhất còn nhiệt huyết. Nhưng, Trầm, tau nói thì nói vậy, chứ không bao giờ tau chạy về phía Cộng sản đâu. Mi là một người cầm bút viết chữ, mi phải biết phân biệt sự tranh đấu của Phật Giáo với cái chiến tranh xâm lấn của Việt Cộng. Phật giáo tranh đấu cho người, cho từng người một được sung sướng và may mắn ; Cộng sản đấu tranh cho chủ nghĩa, dẹp con người đi, coi cá nhân con người như cứt, để chỉ biết có chủ nghĩa mà thôi.

Trầm ngồi im như chờ chụp hình ; lát lâu, mới Trầm cử động :

— Trương bây giờ không thiết làm gì nữa, chỉ thiết có một chuyện là vào thăm mi thôi. Mi có chịu không May ?

Đầu Cỏ May cúi xuống.

HẾT

30-10-1970

tuý hồng

PHẠM CAO HOÀNG

đợi giờ phục sinh

1.

Bão đã trùng trùng kéo tới
thời dạt lòng người qua mấy cửa mưa đông
đêm nay tuyết chưa rơi
nhưng lòng chúng ta đã lạnh
đêm nay rì rầm tiếng ca nguyện
vang âm trên thềm đá xanh
em yêu, hãy thức dậy
đốt lửa sưởi lòng nhau
em yêu, hãy đến bên anh
chờ đợi giờ phục sinh.

2.

Đêm nay, đêm phục sinh
mưa bay bay trên đỉnh tháp chuông
mưa lang thang trong thánh kinh
mưa mệnh mang trên những con đường
dẫn tới giáo đường bên phố cũ
có gì vui mà lòng anh nở hoa

có gì hạnh phúc mà anh không thể nhớ được
phải rồi, bích-ti của anh ơi
anh vừa thấy trên ghế đá kia
tuổi thơ anh mọc cánh
tuổi thơ anh trong một lúc hân hoan
bên lò sưởi và đôi giày rách
tuổi thơ anh còn trên máng xối
nơi đó lão già đã lặng lẽ đến
và đi âm thầm trong giấc mơ của anh
nơi đó tuyết sẽ rơi xuống
phủ đầy những ước mơ xa xưa.

3.

Anh vừa nghe trong lòng có chút buồn bã
len lõi thật vô tình
bích-ti yêu dấu của anh ơi
anh không còn tuổi thơ để mơ tưởng
anh không còn tuổi thơ để nhớ
anh không còn tuổi thơ để khóc
như thuở xưa, bên gốc cây trắc bá
anh chết lặng giữa mưa đông
nhưng đêm nay anh còn có em
cũng đủ ấm chút đời hoạn nạn
hỡi bích-ti của vườn-cây-ngọt-trái-thánh
mai kia tuổi già sẽ đến
tóc xanh sẽ chẳng còn
có chắc gì ta còn được một phút vui
suốt một đời đầy rẫy âu lo
em đã chia xẻ cùng anh cơn bĩ cực
anh không còn giọt nước mắt nào
để khóc mừng nỗi sung sướng của anh
và em yêu, giờ phục sinh sắp đến
hãy đến gần bên anh
đêm nay rồi những đêm phục sinh khác nữa
sẽ còn được bao đêm.

4.

Ngoài kia không gian đang rền vang tiếng nhạc
em yêu, hãy cùng anh ra đường
cho bụi mưa vương trên tóc
cho bụi mưa bay trong hồn
và đó là lúc chúng ta có thể nhớ
những sớm tinh sương anh đưa em đi lễ
những chiều mùa đông thở khói bên thánh đường
đó là lúc anh tìm thấy
đôi mắt em ẩn hiện ánh bao dung
chứa chan lòng thiếu nữ
hỡi con mèo ngoan của anh
nhớ không đêm nao cậu bé ăn xin tội nghiệp
đứng giữa đời tang thương
nhớ không bàn tay run rẩy của lão già bất hạnh
trong đêm mưa
đêm phục sinh
cậu bé và lão già đã nói gì với chúng ta
có phải đôi mắt họ rướm lệ
đợi giờ chúa ban ơn
những tủi cực đó chính bích-ti đã thấy
thì đời đời bích-ti hãy nhớ
bởi, em yêu, còn nỗi tủi cực nào hơn
khi phải sống trọn kiếp người
đời phù du đã vậy
mà trái tim ta nào phải vô tình
đời không dung một kẻ nào còn hơi thở
nên những đêm đau kia
làm sao mà thoát được.

5.

Mưa cứ bay đi
và hình như bão đã trở về đại dương

trên con đường vô định này
 chỉ còn chúng ta và một con chó ốm
 con chó khốn khổ kia
 bích-ti hãy nhìn
 biết đâu chẳng sung sướng hơn ta
 bởi, em yêu, sắp tới giờ phục sinh rồi
 bây giờ âm vang của thánh kinh cứ rì rầm
 xa xăm và bất tận
 nửa đêm nay giờ phục sinh
 muôn người đợi nghe tin cứu thế
 muôn người cùng quì xuống
 chung quanh chuồng bò ở Bethléem
 nơi đó chúa hài đồng giáng sinh
 đem tin lành cho trần thế
 nơi đó người ta tưởng tượng
 sự màu nhiệm của chiếc máng cỏ
 hay hang đá lạnh lẽo trong đêm đông
 phút giây đó rồi sẽ qua đi
 chỉ có vĩnh cửu là cõi lòng chúng ta
 phải không bích-ti ?
 phải không người yêu dấu ?

6.

Đêm nay, đêm phục sinh
 hãy uống với anh cốc rượu vang này
 cho đời ta đỡ lạnh
 hãy uống thật nồng và say đắm
 để vĩnh viễn chúng ta là những kẻ yêu nhau
 mùa phục sinh nào anh đã nói với em
 về những giọt nước mắt của nàng sương phụ Julia Zeller
 bên trái tim của tên vô lại Závoczki
 ôi những Julia và những Závoczki
 có đầy rẫy trên cõi đời khổ lụy
 hoài hoài trong vực thẳm vô cùng
 chúng ta sẽ bay trong mộng
 với hình ảnh một chiều nào

anh đưa em đến cõi tình chung
 hồi bích-ti của những-bông-huệ-trắng
 em có thấy trên tám cõi mây bay
 giờ phục sinh sẽ đến như lòng mơ ước
 lúc đó lão già cậu bé người thiếu nữ và chúng ta
 sẽ đến gần với nhau hơn
 đêm nay tuyết chưa rơi
 nhưng lòng chúng ta đã lạnh
 sao chúng ta cứ mãi mãi
 chìm trong vực thẳm cô đơn.

7.

Và Bích-Ti yêu dấu của anh ơi
 hãy uống thêm cốc vang này nữa
 mà đợi giờ phục sinh

phạm cao hoàng

HOÀNG NGỌC TUẤN

vĩnh biệt phò

Nếu chiếc đồng hồ tay của anh có ghi lịch ngày tháng, anh sẽ nhìn thấy con số : 23 tháng 8. Suốt đời anh sẽ không bao giờ quên nó được, vì từ ngày ấy cuộc đời anh đổi trắng thành đen trong phút chốc, như bàn tay lật úp mau lẹ của một người da đen.

Sai-gòn, không biết anh đến đây từ bao giờ, vì những lý do nào, chỉ biết có một lúc nào đó, anh bị chôn kín êm ái trong thành phố này, giống như những đợt sóng trong đại dương. Những tòa nhà cao ngất vĩ đại, những xóm nhà lá bần thiu lụp xụp bên dòng sông đen, ánh đèn màu trác táng của ban đêm, con đường vắng hun hút hai hàng cây xanh lá... Tất cả, tất cả đều tràn đầy bên cạnh anh làm một thế giới quen thuộc và thân thiết.

Bởi vì anh thất nghiệp, nên anh là người rảnh rang nhất thế giới. Thật tuyệt vời khi không có việc gì phải làm cả, anh nghĩ thế. Buổi sáng, anh thức dậy muộn, mặt trời đã đỏ rực trên rừng người đang bận rộn với công ăn việc làm. Nhưng đối với anh, mặt trời ảm áp như một chiếc đồng hồ reo đánh thức anh dậy. Nơi anh cư ngụ : một ngôi nhà bỏ hoang nằm ngay giữa làng con phố nhộn nhịp. Anh rửa mặt như một con mèo tam thể, cơn

mưa nhẹ nào đêm qua đã rơi một ít nước trong chiếc thùng đặt dưới hiên nhà.

Anh mặc áo quần vội vàng. Tỉnh táo, yêu đời. Cánh cửa phòng bật tung. Thành phố đột ngột hiện ra như cuốn phim màu đập mạnh vào mắt một người khán giả nãy giờ ngủ quên trong rạp hát. Những thằng bạn nào đó đang ngồi trong một tiệm cà phê vẫy tay chào anh. Thằng nhỏ mặt bầm đầy bụi, đang lúi húi lau xe hơi nhe răng chào anh. Và cả những thằng bé đánh giày, con mẹ bán thuốc lá ở đầu đường... anh đưa tay chào tất cả mọi người. Chào mừng hừng đông của buổi sáng mai, chào mừng một ngày mới, tờ lịch quên chưa xé sang một trang khác.

Anh vào một tiệm cà phê quen, ở chiếc bàn đặt ngoài cùng trên vỉa hè. Từ đó, tất cả đàn bà đẹp và xấu của thành phố diễn qua trước mặt anh như trong một cuộc thi hoa hậu. Gã bồi bán quán đã quen mặt anh, chiếc khăn lau bàn nằm trên cánh tay gầy, mái tóc chải tém mượt đen bóng như chiếc nơ đen thắt ở cổ áo. Gã chạy lại anh, cầm theo một tấm thực đơn to tồ bố mả một người nào đó, nếu muốn bỏ hết cả cuộc đời để ăn từ món số 1 đến số cuối cùng cũng không hết được. Anh biết gã chờ đợi anh kêu thức ăn điềm tâm : hủ tiếu bò kho, hột gà « Ớp la », trứng tráng... Như thường ngày anh vẫn gọi. Nhưng sáng nay, anh rất nhớ số tiền nằm trong túi anh, cho nên anh chỉ kêu vài tiếng khiêm nhường.

— Cho tôi một ly cà phê đen nhỏ.

Gã bồi xịu mặt xuống, gã bỏ anh rồi chạy lăng xăng quanh những bàn có khách sang, đang ngòm ngoàm những bữa điềm tâm vĩ đại. lát sau, trên bàn anh có một vài điểu thuốc lẻ, tách cà phê bốc khói và một tờ nhật báo mới tinh. Như thế, sáng nay trời khá đẹp, cho dù bây giờ cả thành phố này đều sụp đổ trong một trận động đất, anh cũng khá hài lòng.

Ngay khi ấy, đàn chim sẽ nhỏ bé từ những lùm cây xanh bóng rợp rập bay sang mái ngói đỏ. Anh nhìn thấy nàng. Thiếu nữ mặc chiếc áo đầm xanh, hơi cũ, lâu ngày nàng cao dần lên

nên chiếc áo ngắn lại, cho thấy một ít đầu gối của nàng. Nàng đưa tay giữ lấy mái tóc khỏi bay tung, chờ đợi, khi cột đèn đường bật sang màu đỏ làm xe hơi bỗng dừng thẳng gập, nàng vội vàng qua đường. Có lẽ nàng đi về nhà nếu không thấy anh, và anh vội đưa tay lên cao vẫy vẫy, kêu tên nàng thật lớn làm tất cả khách trong quán đều giật mình.

Thiếu nữ mỉm cười chào anh. Anh quen biết khá thân với nàng. Nàng là thư ký đánh máy cho mộ hăng tư ở gần đây. Một hôm anh vào tìm người bạn cùng làm trong sở ấy, hẳn giới thiệu nàng với anh... Thiếu nữ đang cúi đầu trên chiếc máy đánh chữ, tiếng lóc cóc nghe đều đều buồn ngủ. Người bạn chạy vào trong phòng vì tiếng chuông điện thoại reo. Bỏ lại một mình anh với nàng, anh dư thì giờ ngắm nàng một cách thông dong. Mái tóc ngắn, đen nhánh như những người đàn bà đẹp khác. Nước da nàng ngăm ngăm, như vỏ trái cây hồng quân, mắt sáng tinh nghịch vô cùng và nụ cười thật dễ thương, lại có một chiếc răng khềnh bé bỏng.

— Mời cô đi dùng điểm tâm một lát, ở cái quán gần đây có món hủ tiếu bò kho thật tuyệt.

— Cảm ơn ông, tôi ăn sáng ở nhà rồi. Bây giờ hãy còn no.

— Thế thì uống một tách cà phê vậy, một thứ cà phê gọi là Robusta, ngon lắm.

— Cảm ơn ông. Tôi không biết uống cà phê.

— Thế mời cô đi dùng cơm trưa. Ở gần đây, có cái quán nhỏ với món canh chua cá lóc ngon nhất thế giới.

— Cảm ơn ông. Tôi phải về nhà ăn cơm, mẹ tôi đợi.

— lâu lâu cho mẹ cô đợi một lần có sao.

Nàng chợt ngừng đầu lên, đôi lông mày nhíu lại vì câu nói bất lịch sự của anh. Anh lúng túng xin lỗi gần chết.

— Chiều nay mời cô đi xem phim *những ngày chủ nhật ở phố Avray*... Một cuốn phim tuyệt vời, cô bé ấy cũng có đôi mắt như cô.

— Cảm ơn ông. Chiều nay tôi bận làm việc, cuốn phim ấy tôi đã xem lâu rồi, trong đó... hình như có một người đàn ông hơi khật khùng... như ông, phải không?

Thế thì nhất nàng rồi. Anh thế này mà nàng dám bảo là khật khùng. Anh giận dữ mở tung cánh cửa phòng ra về, rồi lại mở

cửa thò đầu nhìn nàng một lần cuối cùng. Nàng bỗng bật cười, như tiếng chuông nhà thờ rộn rã.

Rồi lần lần anh cũng quen thân với nàng, nhờ người bạn làm trung gian trong sở. Thỉnh thoảng nếu gặp anh ngồi ở tiệm cà phê buổi sáng, nàng ghé lại uống một ly gì đó với anh trước khi vào sở làm. Cũng như sáng nay, nhưng bây giờ đã gần trưa, có lẽ nàng vừa xong việc, sắp sửa về nhà.

Nàng ngồi vào ghế bên cạnh anh một cách tự nhiên. Anh hỏi thăm nàng vài câu thường lệ. Trông khuôn mặt nàng hơi mệt nhọc và xanh xao một chút, có lẽ tại vì suốt ngày ngồi trong căn phòng ngột ngạt hơi người và cả một đồng giấy tờ. Anh đưa tay kêu người bồi, anh không cần hỏi nàng dùng gì vì anh đã biết thói quen của nàng.

— Cho một ly tươi và... một hộp tằm.

Nàng bật cười, đưa những ngón tay của nàng bấu mạnh vào cánh tay anh.

— Lúc nào anh cũng đùa được. Sáng nay không có việc gì làm sao, anh ngồi uống cà phê từ đêm qua đến giờ à.

— Từ cả năm nay, ngồi lì quán nước là công việc tuyệt vời nhất của một tên thất nghiệp.

Lát sau, anh nhìn nàng nhấp nhấp từng chút sữa tươi như một con thỏ con. Khi nàng đã chán uống sữa, nàng không biết làm gì, nàng buồn buồn bê gậy vụn những cây tằm, rồi vẽ trên đồng nước thành những hình thù mơ màng đầy tràn trên bàn. Nàng đã bê gậy hết tất cả những cây tằm trong hộp. Chưa hết đâu, nàng bật cháy từng que diêm để nhìn ngọn lửa đỏ rực trong một lát rồi tắt ngúm. Nàng cứ ngồi quẹt diêm rồi thổi tắt hoài. Một hộp diêm nhỏ bây giờ lên đến 10đ. nàng làm anh sốt ruột muốn chết. Anh phải phá tan không khí lạnh thinh.

— Sau hộp diêm là đến cái gì nữa, anh phải cỡi áo ra cho em đốt nhé.

— Em chưa đến nỗi diên thế đâu.

Anh định châm thuốc nhưng một thằng bé bán báo đi ngang qua làm anh giật mình nhớ lại. Anh lấy tờ báo lá cải nào đó có đăng kết quả xổ số kiến thiết. Một tuần lễ, ngày bận rộn duy nhất của anh là ngày thứ ba, buổi sáng mua 1 tấm vé số và buổi chiều dò kết quả.

Anh say mê nói với nàng ;

— Em đợi anh một lát, anh đưa em lên Đà Lạt chơi trên một chiếc Fiat trắng tinh.

— Anh cứ làm trò phù thủy gì đi, em chờ.

Anh nóng nảy lật tìm trang tư tờ báo. Nàng ngồi im lặng, hơi mỉm cười. Một lát sau, nàng cũng hơi hộp ghé đầu qua vai anh để theo dõi. Một tấm vé đã trật lất, anh xé tan, còn một tấm vé cuối cùng.

Anh thoáng nhìn nàng. Thiếu nữ tuổi đôi mươi ấy, mỗi ngày cứ đến 12 giờ trưa nóng bức, nàng chen lẫn trên chiếc xe buýt để về nhà. Căn nhà nhỏ hẹp của nàng ở một vùng ngoại ô thành phố xa tít. Nàng sẽ vội vã ăn cơm qua loa với bà mẹ, rồi khi mọi người đang ngủ trưa, nàng sẽ mệt nhọc ra đón một chiếc xe buýt khác trở lại thành phố. Ngày nào cũng như thế, căn phòng kín mít của sở làm, những tên thư ký trẻ tuổi mắt liếc ngang liếc dọc, lão chủ mập phì với chiếc cà vạt đồ to tướng trên cổ áo, mặt làm ra vẻ nghiêm trọng nhăn nhó như một quả dưa khô, khi thì nở dần ra căn phòng như trái banh lúc cần tán tỉnh o bế.

Ở tuổi nàng, đôi mắt còn trong của nàng, anh muốn nhìn thấy nàng ngồi trong lớp học, môi cắn bút làm một bài Luận Văn học hiem. Nhưng nàng đã phải lia bỏ hình ảnh đẹp ấy. Nàng bị cuốn hút trong thành thị, mệt nhọc, bơ vơ vì số lương nhỏ nhoi giúp đỡ cho gia đình mỗi tháng.

— Chờ anh một lát. Anh sẽ trúng 7 triệu. Anh sẽ mua cho em một ngôi nhà quét vôi gạch hồng ở Đà Lạt, trong nhà có lò sưởi và ống khói mỗi chiều bốc lên vài hơi ấm áp. Ngoài hiên nhà, sẽ có khu vườn rộng bao quanh. Em sẽ là cô chủ của một quán cà phê, khách ngồi uống rãi rác dưới mái hiên, bên cạnh những khóm hoa hồng đủ màu rực rỡ.

Nàng cảm động, giọng nói của nàng ảm ướt :

— Thế anh không có gì sao ?

— Có chứ. Anh sẽ lấy độ 2 triệu, anh chạy một cái giấy chứng nhận bất lực vĩnh viễn, khỏi đi lính suốt đời. Rồi anh tà tà đi rong chơi quanh năm suốt tháng. Lúc nào anh hết tiền, anh sẽ đến thăm em, em nhớ pha cho anh 1 tách cà phê ngon nhất để đãi anh. Nếu em chưa hà tiện, em nhớ khui một chai rượu vang và xé phay một con gà mái tơ cho anh nhậu, em nhé.

Nàng sung sướng gật đầu. Giấc mơ nhỏ, nhưng quá đẹp đối với anh và nàng, và anh tin tưởng sắt đá may mắn sẽ đến với mình chắc chắn trong vài giây nữa. Anh nôn nao nhìn những con số trên tờ báo. Những con số của hạnh phúc, dần dần anh bỗng thấy chúng xa lạ, chẳng dính dáng gì, chẳng có vẻ gì giống như những con số trên tấm vé của anh cả.

Cuối cùng anh biết mình thất bại như thường lệ. Có lẽ không có may mắn nào đến cho kẻ ôm gốc cây đợi trái táo rơi. Anh ném mẹ cả tờ báo lẫn tấm vé số. Anh buồn quá đời, thế giới như địa ngục đối với kẻ thất vọng. Nàng cũng buồn, nàng đeo cặp kính nâu lên mắt để anh khỏi nhìn thấy ý nghĩ của nàng, một cánh chim hải âu trắng cao vút của mộng tưởng.

— Thôi mình đi, anh. Em còn phải mua cho ba vài trăm gram cà phê rồi về nhà.

Anh gọi bồi tinh tiền rồi cả hai đi khỏi quán. Anh không quên lượm theo tờ báo mới để đọc tin tức qua loa cho đỡ buồn. Cũng như thường ngày : *Tin tức chiến sự, hiệp dân, trộm cắp, vật giá leo thang, kêu gọi hòa bình, thay đổi nội các, tăng giờ giới nghiêm, biểu tình xuống đường, ẩu đả trong quốc hội, chạm súng ngoài chiến trường... bên ta thiệt hại trung bình, bên địch về châu thổ mấy trăm mạng, lụt lội đói rét, tham nhũng hối lộ... vân vân...* Những thứ ấy làm anh chán ón người, như muốn nôn mửa ra hết một bụng rượu bia và thịt mỡ.

Anh lật sang trang tư để xem những cột *chia mừng đám cưới, chia buồn với người chết, người tử trận, bán giá rẻ máy bơm Dore và Soutien Automatique, bom ngực, khánh thành ngân hàng, đại nhạc hội Sexy-Show... vân vân...*

Anh sẽ thích thú ghê lắm nếu bất ngờ đọc thấy tên anh trang trọng trong một khung cáo phó viền đen :

Đau đớn báo tin :

Ông Nguyễn-văn-X

Nghề nghiệp : thỉnh thoảng là sinh viên.

Đã từ trần tại Sài Gòn ngày... vì bệnh tê liệt ở quán cà phê. Hưởng thọ 23 tuổi. (Tính theo trong căn cước thì trẻ hơn một chút).

Nhưng dĩ nhiên là không thấy tên anh. Anh vẫn còn yêu đời chán vì còn có nàng. Nụ cười ái ngại ấy, đủ làm cuộc đời tươi đẹp vô cùng.

Anh đứng chờ nàng trước một tiệm bán cà phê J. Martin. Phố đã trưa, xe cộ chen lấn nhau ồn ào trên con đường đầy bụi khói. Bất ngờ anh gặp Hải trong đám người hối hả ấy. Trước đây hẳn là bạn học anh, bạn tốt, dễ tính và thực tế nên lúc nào cũng có khả năng trong những vụ làm ăn gì đó. Chiếc xe Vespa của hắn thẳng gấp lại, miệng cười vui vẻ.

— Lâu lắm không gặp mày. Sao? Học hành, làm ăn bây giờ ra sao?

Hải cười, ra dáng bằng lòng:

— Cũng khá. Vẫn đồ đều đều để được hoãn dịch, tiền bạc cũng lai rai, tao đang lo chạy mua hàng cho ông già. Còn mày?

— Vẫn tà tà.

— Tà tà là nhất rồi. Nhưng có kẹt tiền không?

— Thỉnh thoảng... đôi khi... nhiều khi... thường trực.

— Bây giờ?

— Kẹt.

Hải cười dễ dãi, hắn dúi vào túi áo anh mấy trăm bạc. Anh chưa kịp nói gì, đèn đường đã bật sang màu xanh, Hải chỉ kịp la lên một tiếng đại khái là tạm biệt, rồi phóng xe chạy nhanh.

Anh quay đầu nhìn vào trong tiệm. Nàng đang đứng chờ người bán hàng xay những hạt cà phê màu nâu thoảng ra mùi thơm ngát, nàng bắt gặp cái nhìn của anh và nàng mỉm cười. Anh bỗng bỏ chạy dọc theo những tiệm bán sách báo, rồi rẽ vào hàng hoa ở đường Nguyễn Huệ. Hoa ở đây được chở từ Đà Lạt về nên bán giá khá đắt. Anh chọn mua vài bông hoa hồng chưa nở nhiều lắm, hai trắng và một hồng. Anh trở lại khi nàng vừa ôm gói cà phê ra khỏi tiệm, nàng đang đảo mắt nhìn quanh để tìm anh. Anh gọi tên nàng, nàng nhìn những bông hoa một cách tự nhiên. Anh đưa tặng nàng bó hoa hồng để yêu còn ướt vài giọt nước. Môi nàng cắn vào nhau, đôi mắt nàng có lẽ đang âu yếm nhìn anh, nàng lí nhí nói:

— Anh là người đầu tiên mua hoa cho em.

Anh hạnh diện trả lời:

— Có lẽ anh là người thông minh nhất.

Trên vỉa hè, anh đứng lặng người sát bên nàng, nhìn những ngón tay nàng mơn man trên cánh hoa mỏng, vì nàng khéo tay nên chẳng có cây gai nào làm làn da nàng nhỏ máu. Người nàng thơm ngát như vừa ngủ dậy trên một đám trái cây cà phê rang chín, gối là những bông hoa hồng. Anh quàng vai dịu dàng sang đường, anh nói nhỏ trong âm thanh hỗn độn của đường phố:

— Mời em thơm mùi cà phê. Anh lại là cái thằng rất thích uống cà phê.

Nàng đỏ mặt, hai ngón tay mềm của nàng véo vào tay anh đau điếng người. Nàng hay làm thế mỗi khi nàng mắc cỡ vì anh đùa nghịch gì đó hơi quá đáng. Nhưng lần này anh biết không đi quá lối, anh đang đi trên con đường cổ êm riêng tư của anh. Anh cứ nhìn mãi nàng để chờ đợi một nụ cười, và nàng cười cho anh thấy, nhưng anh chưa hài lòng. Anh gỡ cặp kính nâu khỏi mắt nàng, để nhìn thấy thấu suốt, cho tận cùng khung trời yêu thương trong đôi mắt ấy. Không phải chỉ cười ở đôi môi, mà nổi tươi thắm toàn vẹn còn nằm trên mái tóc bay lòa xòa, những sợi tóc mai, làn da được chút ửng hồng và đôi mắt chân thật không che giấu. Thân hình nàng sát bên mình anh, anh bỗng đứng nghe tiếng nói của mình, say sưa như một người tỉnh táo sau khi say rượu:

— Em có muốn thấy ở trang tư của tờ nhật báo, tên tội mình nằm bên cạnh nhau, trong cái khung nhỏ tựa đề là Chia Mừng Lễ Thành Hôn... ở dưới là lời cầu chúc của bạn bè.

Cả anh và nàng tự dưng đứng lại trên đường, dưới bóng mát của một tòa nhà cao ngất. Thành phố vẫn không im lặng cho hai người. Tiếng còi xe, tiếng tu húy của cảnh sát ré lên, tiệm bán đĩa hát cũ trên vỉa hè đang phát thanh rền siết một bài Tân Cổ Giao Duyên, xe phóng thanh trước chợ gần cổ quảng cáo quý vị hãy dùng kem Hynos mỗi ngày hai lần, xe thông tin tha thiết kêu gọi đồng bào hãy tố giác với Cảnh sát quân Việt Cộng lẫn trốn trong thủ đồ.

Đôi mắt nàng hình như ứa lệ, không biết vì khói xe hay vì

trái tim đang đập những nhịp bồi hồi. Thành phố vẫn la hét inh ỏi. Cái thành phố gà chết này, rộng lớn thế này mà không còn chỗ nào để đặt một đĩa nhạc tình ái trình tấu bằng đàn Vĩ cầm.

Đáng lẽ bây giờ phải có mặt trời hồng hào trên tháp chuông nhà thờ, tà áo trắng như tuyết cho nàng, tiếng thánh nhạc, tiếng chuông đổ rộn ràng, những phím dương cầm ngân vang thánh thót, bầu trời bay đầy bông hoa rực rỡ... Anh sẽ âu yếm nắm tay nàng, đứng chờ đợi trước một ông Cổ Đạo bệ vệ. Ông Cổ Đạo sẽ trình trượng đọc rì rầm những câu kinh bí mật, rồi sẽ nghiêm trang hỏi cái câu vô duyên dư thừa nhất đời:

— Ông X, ông có bằng lòng lấy cô Y làm vợ không...

Anh sẽ trả lời cộc lốc:

— Bằng lòng là cái chắc.

Rồi ông Cổ Đạo sẽ quay mặt đi để cho chúng ta hôn nhau. Nụ hôn của một đời gắn bó và thương yêu tuyệt vời. Đáng lẽ phải có những thứ ấy liền bây giờ bên cạnh cho nàng và anh. Nhưng không còi ban trưa hù vang, nắng đỏ lửa, nàng phải trở về để ăn cơm với vãi, và chiều sẽ tiếp tục chết ngất đi trong công việc thường lệ của nàng.

Anh đành đưa nàng đến bến xe buýt. Khuôn mặt nàng hiện ra trong khung cửa xe, hướng về đôi mắt anh.

— Lúc này em có nghe anh nói gì không.

— Có. Em sẽ nghĩ đến anh hoài.

— Cảm ơn em. Có lẽ em là người đàn bà duy nhất có lòng nghĩ đến anh, ngoại trừ những bà chủ nợ.

Nàng cắn môi để khỏi bật cười, nàng vói tay để béo vào tay anh cho bỏ ghét như thường lệ. Nhưng vì đang ngồi trên xe nên nàng đưa tay không tới, nàng bặm môi lắc đầu phụng phịu giận hờn. Anh đành phải xấn tay áo, đưa cánh tay trần lên cho nàng. Những móng tay bầu nhè nhẹ trên da thịt, hơi đau nhưng làm anh sung sướng muốn chết.

Anh đứng lại một mình ở bến xe, lòng rộn rã, ngựa chân đá văng tung một cái lon sữa bò.

(Ta quyết định lột xác hoàn toàn, thay đổi hẳn cuộc đời ta. Ta sẽ chấm dứt những ngày tháng vất vưởng lông bông, vô tích sự, đáng xấu hổ này. Ta sẽ thôi không ngồi đẳng đại suốt ngày từ quán cà phê này sang quán khác. Quán cà phê, với những cuộc tán gẫu với bạn bè, với cuộn băng nhạc dịu dàng những bài hát tình ái của Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Cung Tiến nghe cũng hay thật đấy, như muốn dìm ta chết công trên ghế, làm tê liệt ta trong cái thế giới âm thanh quyến rũ của nó. Nhưng ta có thể muốn chết uống đời như thế. Ta muốn sống, muốn nhảy nhót tung bồng trong lòng cuộc đời như một con sóc rừng xanh.

Ta sẽ chấm dứt luôn cái kiếp làm người thất nghiệp. Ta phải chọn lựa giữa Không Tử, Heidegger và một công việc có số lương kha khá hằng tháng. Ta bỏ chơi, ta bỏ học. Ta vác cái đơn xin việc làm lên gót đến hàng trăm sở làm trong thành phố này để đào ra một chỗ làm, sẵn sàng nhào vào bất cứ thứ nghề ngỗng nào có thể kiếm ra tiền.

Bạn bè chắc sẽ cười chê ta, nhưng ta cóc cần. Ta cóc làm một người chịu chơi, một kẻ tà tà nữa. Ta sẽ là một anh công chức hay tư chức chăm chỉ hạt bột, sớm vác ô đi tới vác về. Ban đêm đi kèm học cho trẻ con, ngày chủ nhật nếu cần, mượn xe gắn máy đi chỗ Mỹ kiều. Ta sẽ chịu đựng mọi nhọc nhằn như con lạc đà tải hàng qua sa mạc. Ta sẽ dành giùm từng đồng bạc, gởi vào Trương Mục Tiết Kiệm. Rồi ngày nào đó, một số vốn nhỏ đủ đưa ta và nàng ra khỏi thành phố này, đến bất cứ một miền đất khô cằn xa vắng nào. Nàng nuôi gà vịt trong sân, ta ra đồng cày ruộng, lên núi săn thịt rừng. Vĩnh biệt thành phố, vĩnh biệt giấc mộng làm thiên tài nhện dơi, ta với nàng chỉ là đôi tình nhân rất tầm thường, rất thua sút mọi người về chuyện vật chất. Nhưng trái tim, tình yêu của chúng ta vĩ đại hơn vũ trụ).

Nhưng nếu tất cả ước mơ của anh đều thành tựu thì cuộc đời đã là thiên đàng. Và vì cuộc đời không phải là thiên đàng cho nên một buổi chiều thứ bảy (anh nhớ rõ: ngày 23 tháng 8), anh cặm cụi cuốc bộ đi đến sở làm (anh đã kiếm được một chân Thầy Cò sửa Morasse tối tăm mặt mày trong nhà in).

Chiều thứ bảy. Thiên hạ từ khắp nơi, ăn diện bảnh bao, dắt díu vợ chồng con cái lũ lượt kéo về trung tâm thành phố để dạo chơi mua sắm. Cảnh sát thật tội nghiệp, họ đứng từng hàng dài ở chân cầu để khám xét những người khả nghi. Tiếng còi tu húyt ré lên lanh lảnh, anh tiếp tục bước nhanh, tiếng còi rú lên nghe ghê rợn hơn làm anh giật mình quay lại, những người cảnh sát giận dữ chỉ tay vào anh và một người hồng học chạy đến anh, tay đặt trên báng súng.

— Giấy tờ đâu ? Đưa xem.

Anh lạnh người. Có những chuyện ghê gớm anh cố quên đi nhưng chúng không buông tha anh được.

— Có cái này thôi sao ? Giấy Hợp Lệ Quân Dịch của anh đâu ?

— Thưa ông... tôi không thể có.

Người cảnh sát trẻ tuổi, mặt búng ra sữa, gật gù có vẻ khoái trá, tay vỗ vỗ mấy cái vào cán súng « ru lờ ».

— Hà hà... Trốn quân dịch mà chiều thứ bảy cũng đi dạo phố hả, chịu chơi dữ. Thôi đứng đây cha nội, lát nữa tui tui lo cho cha nội phương tiện nhập ngũ.

Người cảnh sát bỏ giấy tờ anh vào túi, mặt khoái chí, đưa tay ngoắc ngoắc những đồng nghiệp của mình. Đường phố bỗng nổi lên tiếng động ồn ào, nghe thật nhộn nhịp tung bừng như ngày hội. Xe hơi nối đuôi nhau chạy phăng phăng. Da trời chiều nay không hề báo hiệu gì về cơn mưa, xanh ngắt như tà áo xanh của những thiếu nữ thướt tha trên đường. Hai hàng cây cao tàn lá xanh dịu dàng. Buổi chiều, thành phố, hàng cây, những tà áo dài, tất cả đều xanh thắm một màu tươi đẹp.

Anh chợt thấy tuổi trẻ mình tái xanh như một con chim họa mi chết nỏ lệ trong lồng.

11/70

hoàng ngọc tuần

TRẦN HOÀI THU

vì sao của đêm giáng-sinh

Buổi chiều, đơn vị đóng quân tại một ngôi ấp ven chân núi. Những người lính đã đào hầm phòng thủ, trước khi sửa soạn bữa cơm chiều. Họ đào gấp rút, hối hả, dưới cơn mưa triền miên của một ngày tháng chạp. Họ co ro, trông tấm poncho thùng thình, phập phồng trong những cơn gió xoáy. Nước mưa chảy theo từng nhát xẻng ; nước mưa theo những luống đất, tuôn vào hố hầm, và đôi người lính phải lọt bị bơm để tìm những mô đất cao hơn. Bầu trời xám, và nặng trên những đợt cây khô héo, trên cánh đồng rộng ngập nước mênh mông. Chỉ có mưa, mưa trắng xóa, mưa phủ cả đỉnh núi mờ một màu trắng giải, sương bắt đầu dần lên sớm hơn trên chóp núi cao, bên kia mặt khu.

Bây giờ, toán lính đã xách những lon cơm, bằng nhôm trắng, ăn vội vàng dưới cơn mưa đổ. Họ ăn vội vàng, bằng hay bằng những que củi nhỏ. Họ ăn như thế không bao giờ được ăn thêm nữa. Những người lính Thượng, tụ tập dưới một tàn cây khô, nói chuyện bằng ngôn ngữ riêng. Thức ăn của họ là những con chuột, cóc, hay nhái, được mằm lâu ngày. Toán lính người Kinh co rúm lại với nhau, cười la một cách tự lự. Mưa đổ những giọt vào cơm, hòa lộn, nhào nhệt trong lon sữa. Họ ngồi chồm hồm trên đám cỏ dại, chuyển cho nhau từng thức ăn bên cạnh những

chiếc hồ vừa đào âm ập nước... Người lính truyền tin đang ngồi dựa vào gốc cây khô, phủ đầy lá rừng. Tiếng máy sôi, át hẳn trong tiếng mưa trở nên xa vắng. Chiếc mũ rừng lộ ở ngoài, dầm dề nước. Hình như hắn đang ngủ gục... Thỉnh thoảng, hắn lại choàng dậy nhưng mắt vẫn còn nhắm lại lười biếng, chụp ống liên hợp nghe ngóng. Một tiếng chười thề tục tằn vang lên, rồi chìm đi trong bề âm thanh cuồng nộ. Không một ai muốn đứng dậy, không một ai muốn di chuyển. Ngay đến người lính gác cũng ngồi bất động trong tấm áo mưa, bên khẩu súng lạnh lẽo. Đôi mắt hắn, dõi về phía núi xa, bây giờ chỉ là một con ác thú, yên giấc trong buổi chiều sắp chết.

Trung đội hai. Trung đội chịu chơi. Trung đội đánh giấc chli. Trung đội cận thị. Trung đội trưởng, Thiếu úy mang kính cận suốt ngày. Trung đội phó, trung sĩ, trẻ tuổi đẹp trai, mang kính khi có hành quân. Khinh binh Võ hồng Nga, to lớn như Mỹ đen, biệt danh là trâu điên, nhưng hiền khô nhất, cũng mắc phải căn bệnh đó. Hắn không bao giờ mang kính dù đôi mắt của hắn nặng nhất. Hắn xấu hổ khi nghĩ rằng, cặp kính đã làm con người hắn, trở nên đạo mạo, đứng đắn, và đầy trí thức. Vì thế, hắn đã đập vỡ chiếc kính đã dấu kín trong rương từ lâu. Binh nhất Ưng Luông, nhỏ con nhất trung đội, cũng là một tên cận thị nặng. Hắn cũng như trung sĩ Vồng, trung đội phó, mang kính khi hành quân. Tất cả tụ tập trong trung đội hai. Trung đội hai mất. Trung đội dui mù một nửa khi mưa ngàn đổ xuống, khi sương núi buổi sáng bốc lên. Trung đội trưởng cột sợi giây cao su lò mò dẫn đám lính, mũ rừng toi tả chụp xuống trán. Trung đội phó, chiếc kính vành đen, rộng, quay lại dục đám lính bước mau. Khinh binh Nga, tên trâu điên hiền khô, bước đi quờ quạng. Đôi mắt mở trừng như đầy khốn khổ. Hai con người lờ ra như đã thủ lạc loài. Bước chân voi của hắn vấp phải người đi trước, quờ quạng trên con đường dê trơn. Binh nhất Ưng Luông, súng chĩa ra bìa làng, gương mặt khắc khổ, như một nhà triết gia cô độc giữa trần gian.

Họ đến ập vào buổi chiều khi mưa đuổi theo, sau lưng và gào thét trước mặt. Mưa bít bùng vào những ngày cuối tháng, như thề tiếp tục kéo dài bất tận.

Chỉ có những ngày thế này, họ mới lên đường. Có lẽ đời họ bây giờ chỉ có màn đêm và mưa gió. Mưa làm sự quan sát của địch trở nên thấu hẹp lại. Mưa làm sự canh phòng của toán cảnh giới trở nên lỏng lẻo. Địch làm sao ngờ được giữa đêm thiên la địa võng này, mà mưa gió u u bùng mát, lại có những kẻ lên đường. Địch làm sao biết được giữa cõi đêm dày, trên một đồng ruộng ngập lụt nước nguồn, lại có những đứa con đi làm ăn đêm. Những dấu hiệu lân tinh trên vai áo, trên ba lô. Những nòng súng chúc mũi, những sợi dây thừng, những bàn tay bầu chặt... những đốm lửa thêm khát tắt đi... Vì sao không còn hiện để đánh dấu đường đi. Bản đồ không còn dùng để tìm ra số nhà đột kích. Chỉ còn chiếc địa bàn trên tay người trung đội trưởng cận thị... Chỉ có những phương giác. Phương giác của cuộc đời và sự sống của họ.

Đám lính dường như không biết được những gì sắp xảy ra trong đêm nay. Với họ, không có gì lạ lùng trong những ngày tháng trôi nổi. Hành quân, hết hành quân trở về hậu cứ. Một năm một lần phép. Chùi lau súng, đạn dược. Cuối tháng lãnh lương, đánh bạc, hay chơi bời... Những gì sắp xảy ra, cũng chừng nấy. Nhưng có một kẻ buồn, và xúc động đang ngồi bó gối hút thuốc dưới tàn cây vông. Mưa vẫn triền miên không dứt hạt. Điều thuốc che trong làn vải nhựa. Đôi mắt y buồn bã lạ lùng. Y vẫn ngồi yên giữa muôn tiếng xôn xao bên ngoài, của mưa, của gió, của những người lính, quây quần bên nhau nói cười. Một người lính già nói :

— Minh về kỳ này, chắc có lương.

Người lính trong tổ nhìn về phía đồng ruộng :

— Lãnh sớm chừng nào, mau hết chừng nấy, bố.

— Tội con vợ của tau. Nó khóc bù lu bù loa. Nó đòi trả con cho tau nuôi, về phía mẹ vợ ở.

— Cho bà về đi. Đỡ tốn công nuôi, bố.

— Thì cũng tội cho nó. Nó cực khổ vì đau quá rồi.

— Nè, bố.

— Gi, mày.

- Bố đi lính mấy nam ?
- Từ thời lê dương.
- Bố qua Đức không ?
- Có chứ. Tau qua, bọn con gái bên đó yêu tau ghê gớm.
- Bố xạo... Đứa nào mà yêu bố. Bố nghèo chứ phải giàu như bọn lính Mỹ bây giờ. Muốn gì được nấy.

Giờ N. Giờ G. Giờ nào, toán quân thức giấc. Đêm trôi bèo bọt trong cơn nước lớn. Trận bão rút đã thổi về vùng đất chết. Những trái sáng rơi rớt từ bên kia sông, và thẳng thốt, những trái đạn từ hậu cứ cầu về mặt trận. Những tiếng chửi thề, những lời tục tằn, và những nỗi sửa soạn thật kỳ bí. Dây nịt đạn, ba lô, bị đông nước, cột chặt vào người. Hôm nay, ngày 23 tháng chạp. Hai ngày nữa là lễ giáng sinh. Một ngày nữa hưu chiến tạm thời, hai bên bỏ súng, rút về hai vùng đất của mình.

Những cơn gió mạnh, từ bên kia sông, u u trên những đợt tre khô. Bây giờ, một bề âm thanh, náo nức của ếch ương, ếch nhái kéo theo, lướt trên mặt nước. Đêm tối bịt bùng. Đơn vị bắt đầu di chuyển. Viên thiếu úy trung đội trưởng trung đội 2, cầm địa bàn, xác định lại phương giác. Chàng quay lại, hỏi người lính mang máy :

- Hỏi lại phương giác bao nhiêu, Trị ?
- Dạ.
- Trời lạnh ghê... Năm nay, giáng sinh lạnh hơn một năm.
- Dạ. Quê thiếu úy ở đâu ?
- Dembiang.
- Tên ngô quá ha !
- Tên Tây mà. Bây giờ là Đà Lạt đó, mày.
- Đà Lạt lạnh lắm nhỉ.
- Trị chưa lên Đà Lạt ?
- Dạ.
- Mày phải lên đó một chuyến. Đời người vắng Đà Lạt là một đời bỏ đi.
- Làm sao về được, ông.

— Thì phải về. Về hút thuốc, uống cà phê, về đắp mền, ngủ với đàn bà con gái...

Một lúc, tiếng dục rè rè trong máy. *Trung đội 2, cho các đứa con zulu về vang đi... Về phương giác cái cách bắc bình hai lần cohisky...*

- Bao nhiêu ?
- Để em xác định lại. Âm số mà thiếu úy.
- Mau lên... tao lạnh quá rồi.

Trung sĩ Võng, đã đến bên người trung đội trưởng. Hắn hỏi nho nhỏ. Thiếu úy đâu ? Ông đâu rồi, bọn bây ? Người trung đội trưởng thốt lên :

- Tao đây, Võng.
- Zulu chưa.
- Sắp rồi. Nói anh em sửa soạn. Chia tổ đi đầu, đi sau chưa ?
- Rồi, ông.
- Mày cột dây vào gương mày chưa ?
- Ông cột, tôi cột làm gì ?

Tiếng cười khúc khích nổi lên, lẫn vào trong tiếng mưa. Người lính truyền tin sửa lại máy sau lưng.

- 6400, thiếu úy.

Mưa vẫn thét gào. Mưa rát da thịt, mưa nhòa nhạt những gương mặt, dưới những áo choàng toi tả. Những giòng nước rỉ trên đầu trên tóc.

- Lạnh quá đi.
- Đi chưa.
- Đi rồi.
- Trung đội nào đi đầu ?
- Minh, thiếu úy

— Đ.m., lại đi đầu.. Đi đầu, trời sinh ra, cứ bắt ta đi đầu.. Mưa gì dữ thế này. Đứa nào có khăn mùi xoa khô không ? Cho tao mượn lau mặt kính. Nước nhòe, không thấy gì hết ráo..

- Đêm mai Giáng sinh, có hưu chiến không, ông.
- Mày gọi Chúa về hỏi.
- Chắc mai mình về.

Tiếng nói cất lên, rồi đi vào cõi yên lặng. Chỉ còn mưa, còn gió.

Giờ N. Người lính đi đầu, thụt lui và đứng lại. Toàn lính dồn cục. Một đoàn quân dài như một con rắn trườn mình trên mặt đất. Xung quanh nước ngập mênh mông. Giờ N. Người lính đi đầu, không can đảm bước thêm một bước nữa. Hắn nói với người thiếu úy. Em chịu. Đường đi khó quá. Nước thì mênh mông. Tìm đâu ra lối đi.

Một trái sáng từ một đồn trên núi, được bắn lên, soi vàng cả 1 vùng bát ngát. Cúi đầu xuống. Tiếng ra lệnh của người trung đội trưởng ở đằng sau. Nói chuyện anh em cúi đầu xuống hết đi. Ánh sáng soi cả gương mặt từng người, một màu vàng vọt, bệnh hoạn. Giọng trung sĩ Vồng thăm thì :

- Thăng Nay Lat không chịu đi, ông. Nó khóc.
- Kéo cổ nó đi.
- Nó run như bị sốt rét. Tôi dục nó hoài nó vẫn trơ trơ.
- Bắn đi. Chết tao chịu.

Nhưng chàng đã biết chàng lỡ lời. Một tiếng súng nổ sẽ gây một hậu quả tàn khốc cho đám quân ma. Giã thủ, vào ban ngày, chàng sẽ có những biện pháp dễ dàng hơn để đối phó với tên lính Thượng nhất gan. Chàng cầu nhàu, rồi dừng lại chờ đám lính vượt qua.

— Thăng Nay Lat đâu rồi.

— Nó đứng đằng sau kia.

Chàng gọi, nhỏ :

— Nay Lat ?

— Tui đây, thiếu úy.

— Sao mày không đi.

— Tui sợ.

— Ai cũng sợ, chứ phải một mình mày đâu. Tao cũng sợ, anh em cũng sợ.

— Tui sợ, thiếu úy bắn tui, thì bắn.

— Mày ở lại, thì ở. Bọn tao đi...

Chợt Nay Lat òa lên khóc :

— Tự nhiên tui sợ. Tui không dám đi nữa. Đi nữa nguy

hiểm lắm. Tui còn rừng coi núi. Tui còn bắt cái vợ, bắt cái nhà, thiếu úy.

— Mày theo tao. Đi sau tao. Có gì đâu mà sợ.

— Tui còn về buông về làng. Tháng tới tôi được về rồi.

— Tao biết. Mau lên, anh em chờ mày.

— Ủ, thiếu úy đi trước, tui đi sau. Thiếu úy đừng bỏ tui.

— Làm sao, bỏ mày được. Nay Lat. Can đảm lên. Bỗng những tiếng cười khúc khích nổi lên. *Thằng Nga té bọn bảy. Nó uống nước bọn bảy ơi.* Người trung đội trưởng quay đầu lại giận dữ: có im đi không. Một trái sáng từ đồn binh ở sườn núi lại được bắn lên, rơi lơ lửng giữa bầu trời sầu thảm. Không ai bảo ai họ cúi mọp lưng xuống. Cơ hồ, tim họ ngưng đập. Hơi thở của họ hỗn hển. Chỉ có người trung đội trưởng cạnh thì, Chàng đã đưa địa bàn ra khỏi vùng ánh sáng mới chớm nở, tìm vệt vàng phương hướng.

Mọi người đã đến mục tiêu vô sự. Nhưng chưa có người nào tìm được chiếc cầu bắc qua con kênh chảy xiết này. Đêm vẫn còn phủ trùm, bí mật và ghê khiếp. Đêm vẫn chưa trôi, nằm chết trên từng đợt cây trơ trụi, con mương cao rậm lá, và những gì che dấu ở bên trong kia. Những bước chân lội, nước khua róc rách, nước vang xào xạc. Cả một biển âm động, theo sau đám quân, như hơi thở từng giây từng phút. Tiếng máy lại bắt đầu rè rè. Ông Sơn Ca đang dục. *Tìm đi chó... Các con hai, thử tìm coi có chiếc cầu nào không. Liệu con kênh vượt qua được không.* Giọng ông Sơn Ca nào nức, dục đã. *Phải qua ập trước khi trời sáng...* Người trung đội trưởng lấp bấp không ra hơi với người trung đội phó : *Tìm được chưa, Vồng. Vồng quay lại hỏi những người lính tiền sát viên. Tìm được chưa, bọn bảy.* Những hơi thở phà ra trong sương lạnh. Những bước giày lồm bồm. Những người lính nào đó ngã xuống mặt đê trơn ướt. Tiếng nước gầm xoáy dưới hàng tre, hàng mù u. Đó là giọng nước tàn bạo, phân chia hai vùng đất. Đó là ranh giới của sự sống và sự chết. Có gì lạ trong mặt trận đêm nay... *Nhè nhè, bọn bảy... mỗi đứa thử sẵn một chỗ núp bọn bảy...* Những tiếng

lội lôm bôm càng lúc càng rõ dần. Toàn quân trải dài trên bờ nương, lúp xúp đợi chờ giờ G. *Tìm được cầu chưa*, ông Sơn Ca bây giờ xuất hiện ở trung đội hai, quát hỏi viên họa mĩ cận thị. Trung úy, chẳng thấy cây cầu nào cả.

— Bọn nó nhác, chưa tìm đã báo cáo.

— Thiệt, tôi cũng nhận thấy thế, trung úy.

— Liệu mình lội qua kênh được không.

— Con kênh sâu lắm. Trung úy không nghe nước gầm xoáy sao? Tôi đoán chừng, bên trong nguy hiểm lắm.

— Dĩ nhiên. Nhưng cũng phải nhào vô. Một là lên lon hai là chết.

Người trung đội trưởng cúi đầu, không nói. Mưa đã dứt, nhưng gió vẫn lồng lộng trên cánh đồng ngập nước mông mênh. Ông Sơn Ca đã rời khỏi, mất hút đằng sau bờ tre rậm. Người trung đội trưởng bỗng nhiên hỏi người lính mang máy :

— Nay Lat đâu rồi, Trị ?

— Em không biết, thiếu úy.

— Tìm nó thử coi.

— Có lẽ nó còn ở dưới nương.

Người trung đội trưởng bước dọc theo bờ nương. Chàng vừa đi, vừa thăm thì cũng những người lính đang ngồi ần ỉn sau các mô đất. Bình tĩnh bọn mày. Sắp xung phong rồi đó. Một tiếng nói đột nhiên nổi lên : thèm thuốc quá đi, thiếu úy. Hút một hơi được không, thiếu úy. Chàng la lên : muốn chết hả. Mày tưởng ở đây như ở nhà sao. Mày nhìn bên kia con kênh, thử coi. Giọng tên lính van nài. Em dẫu trong áo mưa mà... Lạnh quá đi... Chàng dẫn mạnh tao bảo không được, không được mày biết chưa ? Và chàng tiến về tổ cuối cùng, đang ngồi bố trí về mạn bắc. Chàng thấy mặt mờ đáng tên Nay Lat. Hắn ngồi bất động dưới nương và đang cầu nguyện. *Maria chúng con là kẻ có tội...* Lời kinh buồn bã, nhẹ nhàng trong hơi lạnh của một ngày giáp kề giáng sinh. Nó vang lên trước giờ toàn quân vượt qua vùng đất chết. Nó lẫn quất trong cơn gió buốt giá của mùa đông, như kêu gọi lòng xót thương của đấng cứu thế, của Chúa Ba Ngôi trước giờ người lính lâm trận. Lời kinh kéo dài bằng tiếng A Men. Chàng buột miệng hỏi lớn :

— Nay Lat, phải Nay Lat đó không ?

Vẫn không có tiếng trả lời. Người lính bên cạnh đã trả lời thay :

— Nó đó, thiếu úy. Nó đang đọc kinh.

— Ủ, để nó đọc. Để nó cầu nguyện. May ra chúng ta sẽ may mắn. Ít nhất, phải cho nó tin tưởng để trở về buồng làng rừng núi của nó.

Và người trung đội trưởng ngồi bên cạnh tên lính Thượng. Chàng cúi đầu, bỏ nón rừng xuống trong lòng áo trận. Khẩu súng đặt trên đùi. Tiếng cầu kinh tiếp tục vang lên. Thần linh đang về, Thượng đế đang về, Chúa đang về... Ngày mai giáng sinh, chuông nhà thờ sẽ dục đã. Lễ nửa đêm. Những chiếc áo ấm. Những nụ cười, những mái tóc. Những bài thánh ca mừng cội bình yên dưới thế. Những ngọn nến hồng... Máng cỏ và ngôi sao. Chàng nhắm mắt, chợt nghe lòng mình lạnh đi. *Hãy cầu nguyện đi, Nay Lat, sắp đến giờ xung phong rồi đó.* Hình như chàng nghe trong thinh không, một khúc nhạc phong hồ cảm vọng về, réo rắt.

trần hoài thư

TỪ KÊ TƯỜNG

mùa mưa đi lang thang

Quảng chụm hai bàn tay vào nhau, cúi xuống chăm điều thuốc một cách hồi hã vì sợ cơn gió từ ngoài đường thổi tấp vào như lúc nãy. Que diêm được bẻ gãy ném ra ngoài cửa, thật tự nhiên, như vật nặng đã biến mất từ lúc nào trên mặt bàn không ai buồn để ý. Ly nước trà đã vơi đi một nửa, ngậm khói đầu tiên Quảng thả ra mang những dáng màu sắc đậm và nhọn, trên những đồ vật tro trụi phẳng lỳ. Quảng bất ngờ ngẩn mặt lên hỏi hai giờ trưa rồi à và cười, cúi xuống cột hai sợi dây giầy cho gọn lại. Quảng dậm chân mấy cái, bưng ly nước trà uống hết rồi lừng khờ ngó những khung ảnh treo trên tường. Đó là những người lạ mặt đối với Quảng, nhưng có một liên hệ mật thiết với quá khứ. Mà quá khứ mơ hồ nào đó Quảng đâu có biết. Chị An cũng lướt qua những khung ảnh rồi quay nói với Quảng như nhằm giải thích một điều gì đó, nhưng tiếng nói của chị bị chìm mất sau những hồi còi nổi tiếp liền nhau của chuyến xe lửa chạy ngang qua phía đường sắt. Quảng nhìn ra chỉ thấy được những cái bóng xám loáng thoáng trong màu xanh của các đỉnh cây, và một khoảng trời thấp đỏ xuống thoải theo dốc đồi hoa cỏ lưa thưa cháy đỏ. Đám trẻ con đứng trên bờ cao thành một hàng dài đưa tay vẫy những người lính Mỹ ngồi bên những kiện hàng to với súng ống đen ngòm ngòm.

Mỗi lần có người lính Mỹ ném một lon nước đang uống dở xuống, hay một thỏi kẹo, một trái cam, là bọn trẻ thi nhau nhào xuống bời đất đánh nhau để dành giựt. Khi đoàn xe chạy qua hết, đứa con lớn của chị An chạy vào trên tay cầm được một lon bia và một thỏi kẹo cao su. Quần áo xơ rơ bám đầy bụi đất. Chị An trợn mắt gắt :

— Lại đi giựt đồ Mỹ nữa. Đến khoanh tay thừa chú Quảng đi. Thằng bé bối rối bỏ thỏi kẹo cao su vào miệng, kẹp lon bia bên nách tiến tới trước mặt Quảng ấp úng nói :

— Thừa chú mới về ạ.

Quảng cười :

— Biết chú ở đâu mà nói chú mới về ?

— Chú ở chỗ ba cháu ngày xưa ở đấy. Để ợt, ai mà không biết.

Đứa trẻ không cho Quảng nói thêm câu nào, nó vụt chạy ra cửa, và biến mất. Căn nhà đột nhiên im vắng khác thường, những chiếc ghế như không còn ai ngồi nữa, và Quảng trở về đây như một trường hợp đặc biệt ngoại lệ. Quảng phải có một chỗ ngồi, cho một khoảnh khắc nào đó phải qua đi. Chị An cúi đầu xuống hai bàn tay lật ngửa lên để nằm trên đùi. Giữa Quảng và chị hình như chỉ có sự im lặng là cần thiết. Mặc dù đôi khi chính vì sự im lặng đó mà không còn câu nói nào tiếp theo sau đó nữa. Và Quảng cảm thấy uể oải trong các khớp xương.

Quảng nhìn ra cửa sổ bên hông nhà. Cách đó là một khoảng sân cát, những ngôi nhà tương tự như ngôi nhà chị An vây thành một vòng tròn, bao quanh lấy khoảng sân trở cửa ra cùng một phía. Quảng muốn hỏi chị đời sống ở đây như thế nào, có những ai trong các ngôi nhà đó. Nhưng Quảng cũng lại im lặng. Cái sân cát kia dòm một lúc Quảng thấy nó như bắt đầu xoay, trí óc Quảng chạy theo, mơ hồ. Quảng có cảm tưởng những ngôi nhà kia đang sụp xuống, và mặt đất nơi đây đang lở ra. Chị An vụt nói :

— Chú có muốn đi thăm mộ của anh An không nhỉ ?

— Có xa không chị ?

— Ở một ngọn đồi rộng lớn, toàn cây cỏ xanh tươi, hương biển.

Quảng gục gật đầu, mấy ngón tay kéo băng quơ trên mặt bàn

đầy những vết bụi bám. Chị An như đợi chờ một phản ứng nào đó của Quảng, nhưng thấy Quảng không nói gì hết, chị lại quay về cái khoảng không im lặng cần thiết của mình. Lẽ ra chị An phải kể lại ngay trong lúc này chi tiết cái chết của anh An, một cái chết thê thảm nhất hay một cái chết thơ mộng nhất tùy theo trí thông minh của chị. Và cuối cùng chị phải khóc vài tiếng. Chị An tỉnh quá, như một pho tượng. Có lẽ cái chết của anh An xảy ra cách đây quá lâu khiến chị không còn nhớ được những chi tiết thê thảm ấy nữa, và chị cũng không thể nào tưởng tượng ra nổi một trường hợp thơ mộng cho một người đã thật sự ra thoát khỏi đời chị.

Quảng đành phải nói, cho không khí đỡ trống :

— Chôn trên một ngọn đồi toàn cây cỏ xanh tươi ven biển chắc anh ấy thích ghê lắm nhỉ ?

Chị An cười một tiếng nhỏ, hai bàn chân du đưa trước mặt. Một lúc chị nói :

— Như một con chim.

Quảng cười :

— Không, như một cánh chim mới đứng. Một cánh chim bỏ rừng.

— Anh An không thể là một cánh chim được, anh chỉ có thể là một con chim thôi. Chú mới là một cánh chim. Cánh chim đã phiêu bồng.

Quảng nhìn chị An. Lúc nói câu này mặt chị vẫn cúi xuống, giấu trong mái tóc mới vừa hong khô nước bờ kết. Quảng nghe như trong da thịt mình có một con kiến nhỏ đang bò, sự đau đớn kỳ ảo khiến Quảng không thể nào có phản ứng được. Quảng bật dậy khỏi ghế và đi ra cửa. Mặt trời hãy còn cao, tuy nắng đã nhạt. Con đường sắt bây giờ nom vắng vẻ hoang tàn với những đám cỏ dại mọc cao. Bọn trẻ cũng đã bỏ đi đâu mất biệt. Con đường chạy ngang trước mặt Quảng cũng hiu hắt không kém, mỗi lần có một chiếc xe chạy qua là túa theo những đám bụi, dạt ra hai bên. Cái nóng như còn trong hơi gió, và không khí ở đây làm Quảng như người bị say. Quảng băng qua con đường, lồm khồm trèo lên bờ đất cao. Quảng phải nắm những cái cây, hoặc rẽ cỏ

mà bám leo lên vì bờ đất dốc xuống, đất cát trơn trùi trùi. Khi Quảng đã đứng được trên bờ đất anh bắt đầu gặp lũ trẻ đang chơi đánh nhau phía dưới con đường xe lửa. Quảng thấy chúng múa những cây gậy loang loáng trong ánh nắng vàng ửng, có đứa đội nón cao bồi, có đứa quần khăn choàng cổ, có đứa ở trần, có đứa cầm hai ba lon bia chấp chóa ném trả nhau, miệng la hét y như một đám giặc nhỏ. Quảng ngồi xuống nhìn băng quơ một vòng khung cảnh phía dưới. Thật là một điều lạ lùng. Ngọn đồi nom như lớn rộng thêm ra, con đường sắt như trùng xuống một độ sâu nào đó so với ngày anh An còn sống và Quảng chưa bỏ nơi này ra đi. Do đó mỗi buổi chiều anh An thường dắt vợ ra ngồi bên đường sắt, chờ chuyến xe lửa về ngang, ước mong một ngày thanh bình hai người sẽ theo xe lửa trở về quê nhà, chăm nom vườn tược đã bỏ hoang từ ngày Ba Me Quảng chết, và làng mạc dần dần vắng người. Nhưng chỗ cho những cái bóng xám ngoét của chiến tranh chụp xuống. Đạo đó anh An đi lính đóng ở tiểu khu, làm việc như một công chức. Sáng đi chiều về bận rộn một cách thông dong. Nhiều lúc Quảng tức cười khi nhìn chiếc nón rộng, bộ đồ nhà binh, cùng chiếc thẻ bài màu bạc khua leng keng mỗi lần anh thay đồ. Từ lúc Quảng đi khỏi căn nhà trong cư xá anh An cũng bị đối di một quận lý hẻo lánh mất an ninh. Chưa kịp mang vợ con theo thì quận lý bị tấn công, anh An chết cùng với ông Quận Trưởng. Quảng được điện tín của chị An đánh đi nhưng không về. Anh An chết làm liên lạc giữa Quảng và các người thân còn lại như mất hẳn. Nhất là những người bà con xưa nay Quảng ít thường lui tới. Anh An từ nhỏ vốn là một người hiền lành, ít phản ứng. Anh chịu đựng một cách tài tình, nên không biết tình cảm anh với những người bà con ra sao. Chỉ thấy anh hay tìm mua những khung ảnh đẹp lộng vào đó những tấm hình chụp nhiều kiểu của tất cả những người nào anh thường lui tới, lè la chuyện vãng, đánh cờ, đá gà, hay đôi khi tổ chức những đám nhậu nhẹt linh đình. Tuyệt không nghe anh có một lời nào cho dù là khen hay chê. Lắm khi có chuyện xích mích anh cũng im lặng không tổ một thái độ nào. Quảng thì khác lại, anh không thích ai cả. Khung cảnh của một ấu thời xa xưa cũng thế. Hình như Quảng đã có thái độ với những người quyền thuộc

của anh từ lúc còn nhỏ. Quảng ít lui tới, có gặp thì cũng lảng đi, lớn lên ít ai biết được Quảng, và anh trái lại, cũng không biết những người nào có liên hệ với mình. Những khung ảnh của anh An còn để lại treo trong phòng khách lúc này không nhắc được trí nhớ của Quảng về một mối dây liên hệ nào cả. Bởi từ trong trí nhớ Quảng không có một trí nhớ nào hết. Tất cả những gì xảy ra hay sẽ tới với Quảng là một khoảng không mơ hồ, những đám mây trời lảng đãng. Quảng thật riêng tư cho đời sống mình. Thật cô đơn và thanh thoi cho một ngày mai. Từ dạo anh An chết, Quảng chỉ còn một mối liên lạc duy nhất là vợ anh An, tới đưa con của anh An, Quảng cũng không biết nó tên gì. Và có thể, cả đứa nhỏ nó cũng không biết Quảng tên gì, nếu lúc này chị An không cho nó biết tên Quảng. Bây giờ đối với nó, Quảng là ai? Quảng mỉm cười đứng lên đi dài theo bờ đất. Ngọn đồi bên kia ngày xưa cây cối nhiều lắm, bây giờ xơ rơ những đám cỏ cháy, những cái cây mới mọc lên nom éo uột, mỗi một giữa một khoảng không cháy khét, buồn rầu. Quảng thật sự không tìm ra một cái cây to lớn từ ngày chưa bỏ đi nữa. Nó đã biệt tăm, biệt dạng, như trí nhớ của Quảng ngày trở về căn nhà này. Quảng lơ ngơ, lác ngắc, không hơn gì một đám bụi của trận gió vô tình thổi tới.

Quảng chạy xuống bờ đất. Anh đi lần tới chỗ bọn trẻ đang đánh nhau. Đứa con của chị An thấy Quảng đến vội buông cây gậy xuống đứng cười nói với những đứa bạn nó:

— Chú tao đấy.

Một đứa cầm những lon bia quơ quơ trước mặt hỏi:

— Chú mày tên gì?

— Tên Quảng.

Cả bọn cùng đưa tay vẫy:

— Ê, Quảng, Quảng.

Rồi chúng bỏ chạy tủa lên trên bờ đất. Một đứa còn đứng lại vạch quần đại lên trên đường sắt. Nó nheo mắt hỏi:

— Chú mày là em của Ba mày chứ gì. Coi bộ giống nhau đấy.

— Sao mày biết Ba tao?

Thằng nhỏ cười, nheo mắt:

— Ba mày bị bắn B40 cháy cong queo như con c. tao đây này.

Thằng nhỏ cười phả lên rồi chạy theo tụi kia. Đứa con của chị An rượt theo ném mấy hòn đất. Quảng tới kéo nó lại hỏi:

— Cháu tên gì?

— Minh.

— Đi chơi với chú không?

— Đi đâu?

— Đi lên cái đồi kia.

Thằng Minh dẫn tay ra, vẻ sợ hãi;

— Đừng có lên trên đó. Bộ chú muốn chết như Ba cháu hả?

— Sao thế?

— Trên đó còn mấy trái mìn chôn chưa gở, lên đó nó nổ thì banh xác. Tụi nó không có đứa nào dám lên hết chú thấy không, cả cháu nữa, chỉ chơi ở dưới này thôi.

Quảng gật đầu:

— Vậy thì mình đi về.

Thằng Minh móc trong túi ra một thỏi kẹo bỏ vào miệng nhai, bước theo Quảng. Quảng nắm tay thằng Minh dắt nó trèo lên bờ đất. Tụi trẻ đã đổ về trong sân cát, chúng lại đánh giặc giả làm tung bụi cát mặt mù. Con đường dưới chân Quảng vắng ngắt. Quảng dắt thằng Minh leo xuống, chạy nhanh qua đường. Thằng bé kêu khắc khắc trong cổ họng. Quảng như nghe thấy tiếng kêu keng keng keng của chiếc thẻ bài anh An đeo nơi cổ.

Quảng ngồi rất lâu trước ngôi mộ của anh An. Nắng chiều như đã tắt hết, chỉ còn lại một khoảng trời vàng ửng. Mây nặng từ xa tấp đổ về, trời ngang màu xanh mặt biển lênh đênh. Tiếng sóng làm Quảng muốn lịm người. Quảng thêm một giấc ngủ, thêm một cơn say thật sự trong đời để nằm xuống, thông dong đi vào giấc ngủ. Ngọn đồi cao, trên những cỏ cây, lồng lộng giữa trời và biển. Nơi đây, duy nhất chỉ có ngôi mộ của An. Một khoảng đất được đắp cao lên thành cái gò, cỏ xanh đã bám đầy, rong rêu đã phủ kín. Giữa ngôi mộ có một khóm hoa mười giờ ai trồng còn sót lại những đóa hoa héo úa. Tấm bia đá nom không còn rõ chữ. Võ Phước An chết ngày, tháng, năm. Quảng không muốn nhìn thấy mấy chữ tử trận tại quận đêm... Tất cả đều không còn ý nghĩa nào khi con chim của chị An đã nhắm mắt xuôi tay. Từ một quận lý hẻo lánh về năm, đây mặt biển bao la, trời đất âu sầu. Con chim đã về với nghĩa trang đời mình. Con chim. Quảng

nghĩ tới câu nói của chị An. Con chim. Đúng rồi, con chim của chị An đã nằm đó, sâu trong đất.

Quảng ngất một cọng cỏ, vẽ những vòng bằng quơ dưới chân. Tiếng sóng lại nổi lên rì rào ngoài xa, dưới kia. Ngọn đồi chìm dần trong những khối màu sắc trộn lẫn nhau. Quảng nhìn những đỉnh cây xanh mượt, im ửng, mất dần. Tiếng côn trùng rúc rích dưới chân cỏ, u buồn như mặt biển ngoài xa. Quảng đã không còn nom rõ những bóng người qua lại rộn ràng dưới bãi cát, cũng không thấy ánh đèn thấp lên trong những ngôi quán lộ thiên ven biển. Ở đây là bóng tối, bóng tối của anh An. Cửa con chim đã nằm xuống nghỉ ngơi. Một lúc, màu trời vàng ửng không còn nữa, nó như biến đi đâu để cho những đám mây xám xịt đổ về nhiều hơn, kéo bầu trời xuống thấp. Và Quảng nghe những cơn gió lớn bắt đầu thổi thốc tới từ hướng biển. Quảng đã không còn trông thấy những đỉnh cây nữa, bóng tối đã đầy. Ngọn đồi bây giờ nom âm u hơn, không còn giới hạn, không còn ngôi mộ của anh An, mà là một sự lẻ loi khôn cùng. Quảng rút chân đứng lên. Đám côn trùng thấy động im bật, nhưng khi Quảng đã đứng lên chúng lại rúc rích kêu, cùng lúc với những bầy chim trở về đập cánh xoành xoạch đáp xuống những lùm cây rậm. Quảng ngậm cọng cỏ trong miệng, lần mò tìm ra con đường mòn lúc lên để xuống lại bãi cát. Những đồng bạc chi trong túi Quảng kêu leng keng, như tiếng thẻ bài của anh An. Quảng hoảng hốt móc những đồng bạc chi liêng đi. Khi tới chân dốc thì những đồng bạc chi cũng hết. Quảng đứng lại, quay đầu nhìn lên ngọn đồi. Bóng tối đã che hết, Quảng không còn nhìn thấy gì nữa, ngoại trừ một màu đen nặng nề, của cây cỏ và đêm tối. Hình như sắp sửa có một cơn mưa lớn. Quảng thăm đoán như vậy và anh chạy thật nhanh trong bãi cát.

Khi cơn mưa thật sự trút xuống Quảng cũng vừa tới được trước một quán rượu ở bờ biển. Anh dừng lại chầm một chút thuốc gần lên môi. Cơn mưa đổ ào ạt bên thềm. Tám bố nhà binh che trước cửa quán bị gió đánh bay phần phật, những giọt nước lạnh buốt đổ xuống. Quảng hất mái tóc cho rơi những vụn nước mưa vừa bám khi bước vào quán. Ánh đèn nhàn nhạt bên trong làm Quảng khó chịu. Chưa có một người khách nào trong quán

cả, và có thể sẽ không có một người nào đến đây với cơn mưa lớn ngoài kia. Quảng kéo ghế ngồi, một bóng người hiện đến phía sau lưng Quảng, và một giọng nói nhỏ nhẹ:

— Uống gì?

Quảng hất đầu ra sau, ngửa cổ, dòm. Cô gái xấn tới nhắc lại:

— Uống gì?

Quảng đáp gọn:

— Bia.

— Bia lon lớn của Mỹ, hay bia ba mươi ba.

— Thứ nào uống cho say nhiều?

Cô gái cười:

— Anh uống bia lon đi, say nhiều.

— Vậy thì bia lon.

Cô gái đi khai bia mang ra, ngồi đối diện với Quảng. Tiếng nhạc đột nhiên nổi lên ồn ào. Cô gái hỏi lớn:

— Ăn cái gì nữa chứ, chẳng lẽ lại uống bia không thôi sao?

— Ăn cái gì bây giờ?

— Sò, cua, tôm, thức ăn của miền biển. Anh có vẻ không rành chắc là dân ở nơi khác tới đây.

Quảng gục gặc đầu, dụi cái tàn thuốc nói:

— Ừ, cũng phải ăn chứ.

Cô gái đứng lên xô chiếc ghế sang bên. Quảng bưng ly bia lên uống ngon lành. Ngoài thềm loáng thoáng trong ánh đèn xanh mượt đỏ xuống từng khoảng nhỏ, mưa thủy xuống những hạt nặng. Và ngoài xa những bóng mưa là một vùng tối đen. Tiếng nhạc trong quán át hết cả tiếng sóng, tiếng gió và tiếng mưa bên ngoài.

Cô gái trở lại với những đĩa đựng thức ăn. Quảng quay người đổi thế ngồi. Bên tay phải Quảng là một cái quầy dài, hai ngọn đèn nhỏ chụp xuống những khuôn mặt phẳng lý của cô gái ngồi chờ khách trên dãy ghế cao. Đằng sau đó là những ngăn kệ đựng rượu. Cô gái ngồi trước mặt Quảng nói lớn:

— Mưa lớn quá chắc không có thuyền nào tới đâu mà tụi bây ngóng.

Một giọng cười:

— Sao không. Đêm nay tao có hẹn mà. Thế nào nó cũng tới.

— Thằng nào?

— Thăng « sắc máu » chờ thăng nào.

Các giọng cười cất lên, thoải mái.

— Nó dám đến không ?

— Sao không, chiều hôm qua nó mới về hậu cứ đề chuẩn bị về nước. Nó nói sắp có hòa bình rồi. Nó rủ tao về nước với nó.

— Mày về không ?

Cô gái lắc đầu :

— Sức mấy mà về. Tao bắt nó cho tao một số tiền rồi tao kiếm chồng khác làm ăn.

— Mày ngu thấy bà. Về bên đó với nó phải sướng không. Tao đang chờ có thằng nào đến rủ là tao Ô Kê liền.

— Tao nhường thằng « sắc máu » lại cho mày đó. Chịu không ?

Cả bọn lại cười phá lên. Quảng như lao đao bởi những tiếng động đó. Những lon bia cạn, trống rỗng, rơi lổn lổ trên mặt bàn rớt xuống đất. Cô gái hỏi :

— Uống nữa không ?

Quảng gật đầu :

— Nữa.

— Anh có biết đường về nhà không ?

— Nhà nào ?

— Không có nhà à ?

Quảng gục đầu xuống bàn. Anh không còn trả lời được nữa nhưng chiếc đầu vẫn lắc qua lắc lại. Quảng mơ hồ nghe thấy những lon bia trên bàn được dọn đi, những đĩa đựng thức ăn cũng thế. Quảng cố nhường mắt ngồi thẳng lên, tiếng nhạc như dội thẳng vào ngực Quảng, đau nhói. Cô gái dòm sát mặt Quảng hỏi :

— Say hả. Say làm sao mà về nhà ?

Quảng cố được một cái cười. Bỗng nhiều tiếng reo cất lên ở phía quầy rượu :

— Khách tới. Bỏ tới tụi bây ơi. Có cả thằng « sắc máu » nữa

Cô gái đứng lên, chạy ra theo. Quảng lơ mơ thấy những bóng người bước vào. Tiếng cười đùa nổi lên lẫn với tiếng nhạc, làn Quảng thấy căng tức trong lồng ngực. Quảng đứng lên hỏi cô gái

— Đi tiêu ở đâu ?

Cô gái nắm tay Quảng dắt đi vòng vòng qua những bàn ghi tới gõ một cánh cửa gỗ nói :

— Đây này ông tướng. Vào đó mà cho chó nó ăn chề.

Quảng bước vào. Sau khi mưa một trận, đài nhẹ cái bụng mới bước trở ra. Mấy người lính Mỹ bị các cô gái trong quán bao vây vào giữa.

Chúng ôm lấy nhau, cười rúc rích. Quảng tìm một cái bàn trong góc quán ngồi nhìn ra ngoài thềm. Không còn người khách nào vào quán nữa. Mưa vẫn không ngớt hết. Một lúc mấy người lính Mỹ đưa mấy cô gái đi đâu mất. Trong quán bây giờ chỉ còn lại một mình Quảng và người đàn bà ngồi kết. Hai ngọn đèn nhỏ trên quầy được tắt đi. Người đàn bà hình như cũng đang nhìn ra ngoài, mong cơn mưa dứt. Bỗng nghe có tiếng xe đỗ lại trước cửa quán và một người đàn ông mặc áo đi mưa đội nón sùm sụp bước vào. Ông ta tới thẳng trước mặt người đàn bà giở nón xuống, hỏi lớn :

— Mấy con nhỏ đâu mất hết rồi ?

Người đàn bà hững hờ :

— Đi hết rồi.

— Không ở lại bán à ?

— Bán. Mưa thế này sức mấy tụi nó ở lại. Đi với mấy thằng Mỹ sướng hơn.

— Rồi chút nữa tôi rước ai về đây ?

Người đàn bà chỉ Quảng :

— Đừng lo, có cái ông đang ngồi kia kia. Ông ta say quá rồi.

Quảng tăng háng cười một tiếng :

— Không có say đâu.

Và Quảng đứng lên đi về phía quầy. Người đàn ông ngần ngại hỏi :

— Ông có về xe không. Mưa lớn quá ?

— Về đâu ?

Người đàn ông cười :

— Về nhà ông chú về đâu ?

Quảng à một tiếng. Người đàn ông kéo ghế mời Quảng ngồi. Ông ta nói :

—Ồn quá, chả còn ma nào nghe, thôi tắt nhạc đi bà chị.

Tiếng nhạc chợt ngưng. Quảng nghe được tiếng mưa, tiếng sóng và tiếng gió bên ngoài.

— Mưa lớn quá.

Người đàn bà buông thõng một câu chán nản. Quảng hỏi :

— Có cà phê ?

— Có chứ.

Quảng quay sang người đàn ông mời :

— Ông uống cà phê không ?

Người đàn ông gật đầu :

— Tôi cũng định mời ông uống một tách cà phê cho nó tỉnh người rồi mình về. Coi vậy chứ cũng khuya rồi, trời mưa thế này mà đi từ biển vào phố ngán lắm.

Người đàn bà mang ra hai tách cà phê bốc khói. Người đàn ông đẩy sang Quảng một tách cười :

— Cà phê Mỹ đấy. Ở đây tuy xa xôi hẻo lánh chứ cái gì cũng là đồ Mỹ cả. Uống thử xem có ngon không ?

Quảng uống một ngụm cười :

— Ngon.

— Thấy tỉnh chưa ?

Quảng cười, trả tiền. Người đàn bà nói :

— Mưa còn lớn quá, ở chơi chờ mưa tạnh đã. Hay chờ mấy con nhỏ đó về. Ông...

Quảng đứng lên :

— Khỏi. Không cần. Mưa cũng về.

Hai người đi ra cửa. Người đàn ông đạp máy xe. Tiếng động cơ nổ ròn rã giữa đêm khuya nghe thật thúc giục. Quảng nhảy phóc lên thùng xe tay đẩy tấm bạt lên cao rồi buông xuống. Người đàn bà hiện ra ở cửa quán với khuôn mặt trắng bệch. Quảng ngồi dựa ngửa trong thùng xe. Con say vẫn còn vương vất trong đầu. Người đàn ông quay lại hỏi lớn :

— Về đâu ?

Quảng mơ hồ đáp :

— Về đâu.

Chiếc xe chạy sè sè trên cát ướt. Quảng có cảm tưởng mình đang trôi trên mặt biển lênh đênh. Quảng, Quảng. Tiếng kêu nào đó thật mơ hồ. Quảng dật dờ giữa những âm thanh trùng lặp lẫn nhau. Một lúc hình như chiếc xe đã lên khỏi bãi cát, tiếng sóng

mất hút, chỉ còn tiếng mưa dội xuống tấm bạt kêu lộp bộp. Và Quảng thiếp đi trong thùng xe lắc lư, lạnh buốt.

Chú Quảng, chú Quảng. Tiếng kêu mơ hồ và bàn tay ấm áp của chị An đặt lên trán Quảng. Cái bóng của chị An lướt qua thành một khung xám. Quảng không buồn mở mắt, anh nằm im, lắng nghe tiếng còi xe lửa rú lên chạy ngang qua căn nhà rồi mất hút.

Chị An hình như tới đứng bập cửa sổ để ngó theo, mấy vệt nắng buổi sáng mới rọi vào cửa sổ phòng bị chị An che khuất. Căn nhà lờ mờ. Quảng nghe thấy một thứ không khí mềm ẩm của cơn mưa to hồi đêm qua còn sót lại, vương vất đâu đó trong từng thứ đồ vật. Cơn gió thổi nhẹ nhàng làm lay động những tàu lá chuối bên ngoài hiên nhà, cùng với tiếng chim chọt rúc lên một tràng dài, nghe ròn rã. Buổi sáng mát rượi và yên tĩnh. Quảng muốn nằm yên như anh An đã nằm yên trên ngọn đồi thơ mộng ngoài bãi biển. Chị An biết Quảng đã thức, chị vẫn đứng quay mặt ra cửa sổ nói :

— Chiều hôm qua chú có ghé ngọn đồi tìm ngôi mộ của anh ấy phải không ?

Quảng yên lặng. Anh không muốn trả lời chị An, cũng không muốn có một cái gật đầu. Quảng thấy lười biếng tất cả.

— Chú là cà ngoài mấy cái quán ven biển có ngày không biết đường về. Biết đâu lại chết đi trong bãi cát. Mưa to quá, sáng nay có một tí nắng lại súp mây. Hình như cũng sắp sửa có mưa lớn nữa đấy.

Chị An cứ nói một mình như người đang đóng một vai kịch. Quảng nhớ lại cơn mưa hồi đêm, cơn say mù mờ trong quán. Mùa mưa đã tới hay đang chấm dứt, sắp sửa chấm dứt. Quảng đâu có biết, Quảng đâu có phải một người trong khu phố này. Chị An đã rời cửa sổ, bước ra khỏi phòng. Quảng nằm nán lại trên giường một lúc nữa mới đi rửa mặt. Quảng đứng trong nhà tắm thật lâu nghe tiếng chim kêu, nhìn những vạt nắng mất dần trong từng ô cửa hở. Mây ngoài kia đang xám. Bầu trời đang kéo căng hơi nước. Quảng bước ra ngoài đứng dưới những tàu lá chuối xanh. Thắng Minh đang lom khom chơi với tụi trẻ trong sân cát thấy Quảng nó chạy lại hỏi :

— Chú đã hết say rồi hả ?

Quảng nắm tay nó cười :

— Chú đâu có say.

— Sao Má bảo hồi hôm chú bị người ta lôi về như một xác chết.

— Đâu có, chú đi xe đạp hoàng mã.

— Thì người ta lôi chú vô nhà. Chú không nhớ sao ?

— Không nhớ.

Thằng bé cười khắc khắc. Quảng nắm tay nó đi vòng vòng trong khu vườn nhỏ. Quảng chợt nhận ra khu vườn chỉ trồng toàn một loại chuối. Những bụi chuối hột xanh um, tàu lá to lớn rũ xuống che hết ánh nắng bên trên. Quảng hỏi :

— Sao cháu không chơi trong vườn chuối có phải mát hơn không, chơi ngoài sân cát nắng chết.

Thằng Minh e ngại :

— Cháu sợ vào trong này lắm.

— Vườn chuối thì có gì đâu mà sợ ?

— Tụi kia nói có Ma đó, mà con Ma là Ba cháu.

Quảng thoáng suy nghĩ, rồi cười :

— Tụi nó xạo với cháu đó. Ba cháu nằm ngoài bãi biển mà.

Làm sao về trong này được.

Thằng Minh lơ đãng :

— Vậy mà về được. Tụi nó nói với cháu như thế.

— Đã bảo mấy đứa ấy xạo.

Quảng nhìn Minh hỏi :

— Bây giờ để cháu trong vườn chuối, chú đi vào nhà một chốc trở ra cháu dám không ?

— Không, cháu không dám đâu.

Quảng ngồi xuống bãi cỏ, nhìn bằng quơ trong khu vườn. Sắp có cơn mưa lớn nên gió thật mạnh thổi ào ào trên những tàu chuối hột. Những con chim tản mác bay lên, tiếng cánh vỗ lẫn vào tiếng gió. Thằng Minh vụt chạy đi, nói vọng lại :

— Cháu đi chơi với tụi bạn.

Quảng ngồi một lúc cơn mưa đổ ào xuống. Thay vì chạy vào nhà, Quảng chạy vòng ra khoảng sân cát, đứng nép dưới mái hiên. Tụi trẻ đã cởi bỏ quần áo chạy tắm trong sân, chúng tạt nước

vào nhau, văng tung toé tới phía Quảng. Chị An hiện ra ở cửa sổ gọi lớn :

— Chú Quảng, chú Quảng.

Quảng quay lại, bắt gặp một nửa mái tóc chị An đưa ra ngoài mưa. Nửa khuôn mặt chị đầm nước. Chú Quảng, chú Quảng, tiếng kêu này Quảng đã nghe mơ hồ lúc hầy. Tiếng kêu chỉ có một mình Quảng nghe thấy còn lũ trẻ con vẫn tiếp tục nô giỡn với những trò chơi của chúng. Quảng cười, len theo những giọt nước nhều xuống, vào nhà. Chị An đã ngồi yên trong ghế. Chân chị đi động làm chiếc ghế lắc lư. Quảng đi lại trong phòng, và tới trước cửa sổ nhìn ra ngoài. Chị An thở dài một tiếng nhẹ phía sau lưng. Quảng trước khi bắt đầu một câu nói, Quảng lại không nghe thấy, anh mãi mê theo dõi trò chơi của bọn trẻ con. Một lúc Quảng quay lại hỏi :

— Chị vừa nói phải không ?

Chị An gật đầu :

— Lại mưa, sao lại có những cơn mưa vào lúc sáng sớm như thế này. Và tại sao có những cơn mưa vào lúc nửa đêm, như đêm hôm qua.

Quảng cười :

— Hình như chị ghét mưa lắm phải không ?

— Có lúc ghét mà cũng có lúc thích. Có lẽ mưa thường gọi lại những kỷ niệm từ nơi đâu, tưởng chừng đã quên mất trong tiềm thức. Tôi sợ nhớ lại những kỷ niệm.

— Hình như chị cũng ít đi thăm mộ của anh An ?

— Sao chú biết ?

— Tôi thấy ngôi mộ không chăm sóc chỉ cỏ, cỏ mọc đầy, phủ lấp cả mộ bia.

— Nếu tôi vẫn thường đi thăm mộ mà không thích chăm sóc ngôi mộ thì sao ? Tôi vẫn nghĩ nằm ở bên dưới những đám cỏ xanh tốt như thế vẫn thích hơn là nằm dưới một nắm đất được chăm sóc kỹ lưỡng. Ít ai chú ý đến người chết, nhưng không phải như thế mà không có sự nhớ thương.

— Khóm hoa mười giờ ai trồng vậy chị nhỉ ?

Chị An ngạc nhiên :

— Có khóm hoa mười giờ trên ngôi mộ của anh An nữa sao ?

— Có. Một khóm hoa lớn. Tôi nghĩ là do chị trồng.

Chị An lắc đầu :

— Tôi không có trồng. Chắc thằng Minh trồng.

— Sao lại trồng hoa mười giờ ?

— Tôi đâu có biết ?

Quảng cười một tiếng trong cổ họng. Con mưa đột nhiên trút lớn, tiếng nước chảy ròn rã trên máng sôi. Trong sân tụi trẻ nhảy cồm, tiếp tục trò chơi với một vẻ thích thú hơn. Thằng Minh chạy vào đứng nép dưới mái hiên của ngôi nhà đối diện. Tay nó không ngớt vuốt nước trên mặt. Quảng trở vào ngồi xuống ghế. Mắt Quảng lại lướt theo góc tường, và những khung ảnh của anh An để lại làm Quảng bức bối. Quảng nói :

— Sao chị không gỡ những thứ này xuống ném đi ?

— Tôi lười biếng làm công việc ấy. Phải bắt ghế leo lên rồi lấy búa, lấy đinh, lấy kềm. Mệt quá. Để như vậy cũng không quan hệ gì. Người lạ vào chơi lại tưởng mình có nhiều thân bằng quyến thuộc. Tánh anh An vốn kỹ lưỡng, tôi không muốn dời đổi những gì còn sót lại.

— Những thứ đó cũng là kỷ niệm. Chị lại muốn chạy trốn kỷ niệm.

— Những gì thấy trước mắt có nghĩa là đã quên đi rồi đó. Những khung ảnh bây giờ đối với tôi không có nghĩa gì hết.

Quảng cười :

— Như một con chim ?

Chị An lảng sang chuyện khác :

— Bao giờ chú đi ?

— Không định trước, nhưng cứ coi như đến sáng ngày mai.

— Thế đêm nay chú vẫn còn muốn ra bãi biển chứ ?

— Ở trong phố buồn quá đi lang thang chơi chứ làm gì bây giờ ?

— Biển. Từ lâu rồi tôi không ra đó, không nhìn thấy mặt nước mênh mông ngàn trùng, không nghe thấy tiếng sóng u buồn trong các kè đá. Tôi sợ biển và luôn cả ngọn đồi.

— Chị có thể dọn nhà đi nơi khác ?

— Nơi nào ?

— Lên cao nguyên chẳng hạn.

— Ở với chú ?

Quảng cười :

— Tôi vẫn có thể nuôi chị nổi.

— Hay tôi phải nuôi lại chú ?

Hai người cùng cười. Quảng nhìn ra ngoài mưa. Cả một vùng mù đặc như buổi sáng ở cao nguyên có sương mù. Con mưa thật lớn, có thể đến cả ngày mới tạnh. Tiếng gió đập vào những tàu lá chuối sau nhà kêu phàn phật. Quảng đứng lên ra ngoài hiên chiêm một điệu thuốc. Những vụn nước bắn tới làm Quảng rung mình, cái lạnh bất ngờ như cào sướt trên da mặt. Quảng đi đi lại lại trên hiên nhà. Mưa vẫn giăng ngoài mù xa, con đường xe lửa, ngọn đồi, bờ đất, những thứ đó đã giữ chị An lại hay chính ngọn đồi có ngôi mộ của anh An ngoài bãi biển. Quảng không ngờ mình có một ngày trở về đứng trên hiên nhà cũ, trong một cơn mưa. Một lúc Quảng bước vào ngồi lại xuống ghế. Bất ngờ Quảng nghe chị An khóc rưng rức. Quảng im lặng ném cái tàn thuốc qua cửa, nhắm mắt. Mưa, mưa, và mưa. Cùng với tiếng nước ròn rã bên ngoài.

từ kẻ tường

thời sự và

sinh hoạt

● **Tin thêm về Nhà văn Soljenitsyne, giải văn chương Nobel 1970.**

Tin mới nhất cho hay: Soljenitsyne, nhà văn Nga vừa được trao tặng giải văn chương Nobel đã bị nhà cầm quyền Nga Xô tìm cách ngăn trở không cho xuất ngoại để dự lễ trao giải tại Tây phương.

● **Nhật bản: Cái chết của nhà văn Mishima.**

« Xưa kia, người ta biết chết. Bây giờ, đó là tinh thần chết, chứ con người thì không. Những hiệp sĩ Nhật bản, những Samourais, đã cho thế giới thí dụ của họ về điều trên. Ngày nay, chúng ta chỉ cho thế giới những vụ transistors. Lâu lâu phản đối, nổi loạn, nhưng người ta không còn biết tự mình giết mình nữa». Tại Tokyo, năm ngoái, nhà văn Yukio Mishima 45 tuổi, người có hy vọng đoạt giải Nobel trong tương lai, đã tuyên bố với đặc phái viên của tờ tuần báo L'express như trên. Câu nói chứa đầy những thương tiếc, hoài nhớ một nước Nhật bản xưa kia, một nước Nhật mà chính tác giả cũng chỉ được biết sơ sơ.

Thứ tư vừa qua, Yukio Mishima đã tự sát theo đúng như cách thời xưa: Mở bụng, chết như một hiệp sĩ.

Kinkakuji (Kim các tự) một trong những tác phẩm của ông, xuất bản năm 1959 đến nay đã được tái bản trên mười lần, đã tạo uy danh cho tác giả không những trong văn giới Nhật bản mà còn ở khắp trên thế giới nữa. Theo ông Đỗ Khánh Hoan người dịch ra Việt văn tác phẩm trên, Mishima đã dùng phân tâm học để xây dựng nhân vật, dựa vào một thắng tích lịch sử để hình thành tác phẩm, chủ đề chính là sự say mê cái đẹp đến cuồng loạn, chỉ muốn phá hủy, tiêu diệt.

Yasuihiro Kawabata, 71 tuổi, người đã đoạt giải văn chương Nobel 1968, đã dấn dựa nước mắt khi nhìn thủ cấp người bạn thân trên mặt một nhật báo. Ông im lặng không tuyên bố gì cả.

● **Tác phẩm mới nhất của Nguyễn Xuân Hoàng.**

Tác phẩm đó mang tên Khu rừng hực lửa, do Đêm Trắng xuất bản. Xin trân trọng giới thiệu với độc giả tác phẩm của một cây viết quen thuộc của Văn Đề.

★ **Bút ký của một nhà văn Nga bị lưu đày ở Tây Bá Lợi Á**

Nhà xuất bản Gallimard ở Pháp vừa in xong một cuốn sách nhan đề « *Chuyến đi bất đắc dĩ vào Tây Bá Lợi Á* » (*Voyage involontaire en Sibirie*). Tác giả là ông Andrei AMALRIK, một sử gia Nga năm nay 32 tuổi.

Trong khi sách chưa được phát hành, tờ L'Express, trong hai số 1008 và 1009, đã trích đăng trước vài đoạn. Qua vài đoạn trích đó, độc giả cũng có thể nắm được những điểm chính yếu của tác phẩm.

Lại thêm một thăm kịch thông thường giữa nhà văn với giới cầm quyền độc tài. Cũng chẳng khác gì thăm kịch Pasternak, thăm kịch Tibor Déry, thăm kịch Soljenitsyne...

Andrei Amalrik là một công dân Nga Xô, sống tại Mạc tư Khoa. Một nhà trí thức, chuyên khảo về môn lịch sử, lại có máu văn nghệ trong người nên ngoài môn lịch sử, còn chú ý tới kịch, tới họa, và đã viết được vài vở kịch. Hơi lãng mạn nữa, đôi chút mơ mộng, một tình giữa ông với một nữ họa sĩ trẻ... Amalrik, kẻ trí thức ấy, con người có nhiều nghệ sĩ tính ấy, gã thanh niên

lãng mạn, giàu xúc cảm ấy không may đã phải sống trong một chế độ Cộng sản. Một chế độ như thế và một cá nhân như thế tất nhiên không thể nào hòa hợp với nhau được. Thảm kịch đã phát sinh từ sự bất hòa ấy.

Một thảm kịch rất thông thường, rất dễ hiểu, có đầy đủ sự bi đát cũng như vẻ khôi hài của một thảm kịch. Cá nhân ấy, với khối óc chứa khá nhiều chữ nghĩa, với trái tim dễ thồn thức rung động, với máu nóng bùng bùng trong một cơ thể trẻ trung, mạnh khỏe, đã sống theo ý thích của mình, luôn tuân hành ý muốn đích thực của mình, do đấy đã không thể tuân hành ý muốn của nhà nước, không tuân hành tức là chống đối, chống đối một lực lượng đầy quyền hành, một lực lượng nắm quyền sanh sát cả nhân trong tay, một lực lượng có cả triệu binh lính, có bom, có súng, có phi cơ, có tòa án, có ngục thất, có máy chém và nhất là có cả một mạng lưới công an cảnh sát, cái tổ chức đã được huấn luyện để có thể làm việc một cách tinh vi và đầy hiệu quả.

Cá nhân bướng bỉnh ấy đã can đảm, liều lĩnh húc đầu vào cả một lực lượng như thế để rồi chuốc lấy tù đầy. Thảm kịch Andrei Amalrik gồm hai hồi. Hồi I : Amalrik được gửi tới một trại làm việc tập thể ở Tây Bá Lợi Á. *Entr'acte* : được trả tự do. Hồi II : lại bị bắt và không ai biết kẻ bị bắt hiện đang ở đâu. Cuốn *Voyage involontaire en Sibirie* kể lại hồi I : bản thảo được lén lút gửi ra ngoại quốc và được sử gia Pháp Pierre Nora, người phụ trách loại sách lịch sử của nhà Gallimard, cho ấn hành.

Tội trạng gì đã khiến một người trí thức như Amalrik phải nhận lãnh thân phận một kẻ tù đầy ? Tội yêu tự do thì tội đó thôi chứ còn tội gì nữa chứ ! Vì khoái sống một cách phóng khoáng, Amalrik không chịu làm nghề gì nhất định cả, chỉ ưa làm những việc lặt vặt tùy theo ý thích, miễn đủ tiền ăn lấy sống, đủ tiền thuốc lá cà phê.

Ngoài ra, tiền tài danh lợi anh ta không màng tới. Cũng vì yêu Tự do, anh ta chủ trương rằng nghệ sĩ được sáng tạo theo ý riêng của mình chứ không theo đường lối của Đảng cầm quyền. Anh và một vài bạn thân của anh, trong đó có họa sĩ Zverev, nhất định không chịu khuất phục những kẻ có quyền lực : họ viết, họ vẽ, họ gặp nhau để tâm sự trò chuyện. Vì chung quanh họ luôn luôn có

những kẻ theo dõi rình rập nên họ chỉ có thể nói chuyện nhỏ nhỏ, chỉ có thể sáng tác trong những chỗ kín đáo. Các tác phẩm của họ cũng chỉ được phổ biến một cách lén lút trong nước và ra ngoài nước. Zverev là một họa sĩ có tài, cấp tiến và khá nổi danh. Họa sĩ đó có một số tác phẩm muốn đem triển lãm. Nhưng vì không thể trưng bày trong nước, họa sĩ đã cùng với Amalrik và vài người bạn khác tìm cách gửi các họa phẩm đó tới triển lãm ở Paris. Họ phải liên lạc với người Mỹ ở Mạc tư Khoa để nhờ giúp đỡ. Nhưng tất cả oái hành động, các cử chỉ của họ bị công an chìm, công an nổi theo dõi. Andrei Amalrik bị bắt. Điều tra, thẩm vấn, xét xử. Rốt cuộc, nhà trí thức ấy bị buộc tội là kẻ « ăn bám xã hội » và bị gửi tới làm việc tại một trại tập thể ở Tây Bá Lợi Á. Nhà cầm quyền Xô viết kẻ cũng quyết lắm chứ ! Họ không công khai đàn áp những nhà trí thức và các văn nghệ sĩ chống đối họ. Đàn áp ngầm ngấm hay hơn. Do đấy họ chiếu theo một điều luật để kết tội Amalrik là vô nghề nghiệp. Dĩ nhiên còn có vài tội khác như bị tinh nghi liên kết với ngoại nhân để gây phương hại cho nền văn hóa của xứ sở hoặc tội chống lại các nhân viên công lực nhưng những tội ấy chỉ được coi là phụ thuộc. Tội chính là « ăn bám xã hội » (!) và chiếu theo luật, những kẻ « ăn bám » như thế bị gửi đi làm việc tại Tây Bá Lợi Á. Cho nên hầu như bất cứ tội nhân nào được gửi tới làm việc ở một trại tập trung cũng đều bị kết tội là « ăn bám » cả. Trong *Voyage involontaire en Sibirie*, tác giả có liệt kê hạng « tù nhân » bị chánh quyền coi như những kẻ « ăn bám » :

(1) Hạng « ăn bám nghiện ngập » nghiện rượu hoặc nghiện các thứ ma túy khác.

2) Hạng « ăn bám thuộc giới công nhân ». Hạng này phần lớn không truy lặc, không lười biếng, chỉ phải cái tội là bất mãn với chế độ, ở một phương diện nào đó.

3) Hạng « ăn bám loại lưng chừng », gồm những kẻ chuyên nghề trộm cắp, sát nhân luôn luôn bị cảnh sát theo dõi nhưng chưa hề bị bắt quả tang.

4) Hạng chống đối chính quyền, không chịu khuất phục chế độ, hoặc những người tinh cơ bị đẩy ải chứ không vì một lý do

rõ rệt nào cũng bị coi như « ăn bám ». Các nhà tri thức các văn nghệ sĩ chống chế độ, trong đó có Andrei Amalrik, bị liệt vào hạng này.

Andrei Amalrik bị gửi tới làm việc tại một trại tập thể kolkhoze ở Novokrivocheino ở Sibérie.

Ông trở thành một Kolkhozien. Tại đó, ông có một phòng riêng để ở — một căn phòng lụp xụp tiêu tụy, dĩ nhiên — cùng với vài vật dụng lặt vặt. Lúc đầu công việc của Amalrik là ngày ngày đi cắm trụ để chống đỡ cho những cột điện. Công việc khá vất vả bởi muốn cắm trụ phải đào những lỗ sâu từ 1 thước đến 1 thước 50 xuống một thứ đất rất cứng rắn. Dĩ nhiên ở các kolkhoze còn có trăm thứ công việc khác, và công việc dễ chịu nhất là bảo trì sửa chữa các máy móc, bởi công việc này tương đối nhàn nhã hơn cả mà lại được hưởng thù lao cao nhất. Lương tính theo đơn vị công việc, thường được trả bằng thực phẩm và vật dụng chứ rất ít trường hợp bằng tiền. Mỗi đơn vị công việc được trả bằng nửa ký lô khoai tây hoặc 200 grammes lúa mì. Một người lớn tuổi sức vóc trung bình có thể làm được mỗi năm chừng 500 đơn vị nghĩa là mỗi năm có thể được trả bằng 250 cân khoai tây hoặc 100 cân gạo mì. Cũng có thể được trả bằng những thứ khác như bơ, sữa, vải vóc. Chẳng hạn một tội nhân làm việc trong vòng một tuần lễ, mỗi ngày mười tiếng đồng hồ, thì có thể lãnh một số thù lao là một ký lô bơ. Thù lao như thế quả là quá ít. Vì thế các kolkhoziens còn phải làm việc riêng để kiếm sống như trồng rau, nuôi bò.

Họ cũng được vay tiền của nhà kho. Số tiền vay đó sẽ được trừ vào thù lao. Như vậy là có sự « làm ăn » giữa các nhân viên nhà kho với các tội nhân. Kết quả phần lớn các tội nhân đều lâm vào cảnh công nợ ngập đầu, phải chịu đựng những thiệt hại của các cảnh tương tự như cảnh « bán lúa non ».

Đời sống các kolkhoziens như vậy quả là thiếu thốn khổ sở. Nhưng không được phản đối, không được kêu ca. Phải cố mà nuốt những đắng cay. Nếu ai tỏ ý bất mãn, người đó sẽ bị trừng phạt bằng cách phải lãnh nhận những công việc nặng nhọc hơn mà lại thù hoạch ít lợi tức hơn; hoặc sẽ bị gửi tới một trại tập thể khác hẻo lánh, hoang tàn hơn. Các tội nhân không bị lâm

cảnh tù ngục nhưng bị giam lỏng. Ai làm việc ở trại nào thì cứ ở nguyên trại đó chứ không được xin sang trại khác. Ông muốn dậy lúc nào, ngủ lúc nào tùy ý ông, nhưng dĩ nhiên, ông không thể dậy muộn hoặc đi ngủ sớm, bởi ông còn phải làm việc, làm việc thật nhiều, làm nhiều mà vẫn chưa đủ ăn hưởng hồ làm ít. Nếu ông lười biếng, ông sẽ chết đói chết rét, và ông chết tất chỉ thiệt thân ông, chẳng ai thương xót ông cả. Ở một trại tập thể, thân phận kẻ đi đầy còn hẩm hiu hơn thân phận loài bò loài ngựa. Nếu ông ngoan ngoãn chịu khó, tự tử ra biết « sám hối » thì trong vòng hai ba năm ông sẽ được trả tự do. Còn nếu ông cứng cổ hoặc lười biếng, nhất là vẫn « ngoan cố » không chịu khuất phục chế độ thì không biết đến bao giờ ông mới được trả lại tự do. Chắc hẳn đời ông sẽ không có ngày trở về. Ông sẽ kéo dài chuỗi ngày vất vả ở trại để rồi sẽ chết mất xác ở đó, chết vì đói rét, vì bệnh tật, vì phiền não, uất ức.

Andrei Amalrik tới trại Novokrivocheino vào ngày mùng 2 tháng 6 năm 1965 đến ngày 23 tháng 9 cùng năm đó, vì thân phụ ông bị đau nặng ông được phép trở về Mạc tư khoa trong hạn 18 ngày. Một chuyện tình khá đẹp bắt đầu. Trước khi bị đầy đi Sibérie, Amalrik có yêu một nữ họa sĩ trẻ tuổi tên là Giouzel. Và nàng cũng yêu ông, chắc chắn là như thế. Nhân dịp ông được phép về thăm nhà, hai người đã cấp tốc làm lễ cưới để rồi sau đó, nàng Giouzel đã theo chồng đi Tây Bá Lợi Á, và cả hai đã sống với nhau tại trại Novokrivocheino trong gần nửa năm trời. Họ rất quyến luyến nhau, rất mực yêu thương nhau, nhưng vì hoàn cảnh không cho phép (bọn coi trại bắt Giouzel phải làm việc như một kẻ bị đi đầy nhưng hai vợ chồng không chịu) nên họ phải tạm biệt nhau, chàng ở lại trại còn nàng trở về Mạc tư khoa.

Năm tháng sau, nhờ có luật sư tận tình bênh vực, bản án của Amalrik được hủy bỏ và chàng được trở về Mạc tư Khoa. Chàng đã chép lại kỷ sự cuộc đời chàng những ngày ở Tây Bá Lợi Á.

Tuy nhiên thâm kịch đời chưa chấm dứt, bởi vì mặc dầu bị đầy ải cả năm trời nhưng Andrei Amalrik vẫn là một kẻ bất khuất vẫn là một nhà tri thức cứng cỏi, một nghệ sĩ ưa thích sống với

minh. Ông cứ vẫn chống đối chế độ Cộng sản và dĩ nhiên chế độ kia đâu có làm nơ trước hành động của ông.

Ngày 26 tháng 5 1970, Andrei Amalrik lại bị bắt giữ và lần này không ai biết ông bị giam giữ ở đâu cả. Sáu mươi bốn sử gia Pháp đã bày tỏ sự lo âu thắc mắc của họ về sự giam giữ Amalrik lần này lên ông chủ tịch Hàn lâm viện Khoa học Nga số.

Nhờ đâu mà các sử gia Pháp đã lưu ý Andrei Amalrik. Chính nhờ ở bản thảo tập Voyage involontaire en Sibérie, tập bản thảo đã được lén lút gửi tới nước Pháp và được nhà Gallimard cho xuất bản.

Khi chúng tôi viết những dòng này, thì chẳng biết cuốn sách đã được phát hành chưa. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng cuốn Voyage involontaire en Sibérie, sẽ rất hữu ích cho tất cả những ai muốn biết rõ hiện tình chế độ Cộng Sản tại Nga xô cũng như những hình thức sinh hoạt tại các trại tập thể (kolkhozes) ở vùng Tây Bá Lợi Á hiện nay.

hoàng tuyết sơn ghi

ĐÃ PHÁT HÀNH :

KHU RỪNG HỢC LỬA

- Đứa con hoang đảng trở về nhà và trở thành « một nhà văn ».

Truyện dài NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Đêm Trắng xuất bản. Giá 160\$

ĐÓN ĐỌC

MƠ HƯƠNG CẢNG

túy bút

của

VŨ KHẮC KHOAN

Kẻ ST xuất bản